



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh

Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh

Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân

ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh

ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,

Q.Thủ Đức, TP. HCM

ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT

ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

Ảnh bìa 1: Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tiếp đoàn đại biểu
Phật giáo Nam tông Khmer - Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Phật giáo Nam tông đồng hành - HT. Thiện Tâm **03**
- Phái đoàn PGNT Khmer - TT. Danh Lung **05**

2. KINH TẠNG

- Tứ diệu đế qua Trung bộ kinh - TK. Siêu Minh **09**

3. THIỀN HỌC

- Thiền định Hối và Đáp - TK. Khánh Hỷ **12**

4. SUY NGẪM

- Bốn bà vợ - Hoa Lan **15**

5. LUẬT TẠNG

- Giới thiệu Đại phẩm và Tiểu phẩm - TK. Nguyệt Thiên **16**

6. LUẬN TẠNG

- Tương quan giữa cảnh và tâm - TK. Chánh Minh **18**
- Vài nét về học và dạy Vi diệu pháp - Giác Nguyên **21**

7. ĐỐI THOẠI

- Giao lưu với TTTS. Bửu Chánh - Chơn Minh **23**

8. VĂN HÓA

- Dấu tích thành cổ - Ths. Hoài Lan **25**
- Cái tôi chỉ là sự đánh lừa - Thích Tâm Đức **27**

9. VĂN THƠ

- Nếu bạn là bồ tát - Khánh An **28**
- Lại chuyện sầu riêng - Như Quang **29**
- Trầm hương tín mộ - TN. Diệu Thành **31**
- Nặng nghiệp - Tâm Uyên **31**
- Thiền chánh niệm - Hiền Khánh **32**
- Giải thoát là gì? - TKH **32**
- Học Phật - bé Thiên An **33**
- Tương lai của chúng mình - bé Thiên An **33**



10. PHẬT PHÁP CĂN BẢN

- Bốn phần đối với Tăng - Nguyễn Thanh Thiện **34**
- Quy y Pháp bảo - Phạm Kim Khánh **35**
- Bài pháp đầu tiên - TT. Bửu Chánh **37**
- Pháp nhãn nại - Thông Kham **40**

11. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Uống nước chanh - Huỳnh Thiêm **42**

12. VĂN HỌC PĀLI

- Đại hội kết tập kinh điển lần thứ 2 - TK. Suvijjo **43**
- Khái niệm về văn phạm Pāli - TN. Phước Thủy **46**

13. THEO DÒNG

- Hành hương Tích Lan - TK. Thiện Phúc **48**
- Tiểu sử cố trưởng lão Pháp Tâm - Huyền Vân **50**
- Dâng y chùa Đại Lộc - Ấn Độ - PV. PGNT **51**
- Tin vắn - PV. PGNT **52**
- Đại diện GHPGVN dự lễ khánh thành - Thiên Thanh **54**
- Chùm ảnh lễ dâng y kathina - ảnh Lê Hà **55**



Phật Giáo Nam Tông Đồng Hành Cùng Dân Tộc

HT. Thích Thiện Tâm

Hơn 2000 năm qua, Phật giáo du nhập Việt Nam đã trở thành nguồn động lực trợ duyên thêm ý chí tự lực tự cường chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam.

Bắt nguồn từ Ấn Độ, vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên, Phật giáo đã truyền bá khắp thế giới và trở thành một Tôn giáo mang tính toàn cầu. Riêng tại Đông Nam Á, Phật giáo đã trở thành quốc giáo ở một số quốc gia.

Dưới thời vua A Dục (Asoka) một nhà vua Ấn Độ có nhiều công đức trong việc bảo trợ kỳ kết tập Tam Tạng lần thứ III và cử các phái đoàn đến các địa phương khác nhau như Srilanka, Myanmar, Hy Lạp, Trung Á miền Bắc Iran, Himalaya, Gandhāra và Kashmia, Mahisamandala, Vanavasa v.v... để truyền bá chánh pháp (272-231 TCN).

Ngay khi Phật còn tại thế, Myanmar có hai

thương nhân đến Ấn Độ và được thỉnh tóc của Đức Phật về nước và hiện nay được tôn thờ tại bảo tháp Shwe-Dagon, Rangoon. Phật giáo Myanmar đã phát triển rực rỡ với sự có mặt của cả hai phái là Thượng tọa bộ (Theravāda) và Nhất thiết hữu bộ (sarvāstivāda). Hiện nay Phật giáo Myanmar đã trở thành quốc giáo.

Tại Thái Lan, trải qua nhiều thăng trầm của lịch sử, Phật giáo vẫn tồn tại với vị trí quốc giáo. Vua Li Phay (1354-1376), vị vua Thái Lan đầu tiên đã xuất gia một thời gian tại chùa Ana Bavannarama vào năm 1362, từ đó tập quán người con trai Thái Lan khi lớn lên ít nhất phải xuất gia gieo duyên một thời gian để học hỏi và rèn luyện đạo đức Phật giáo. Tín đồ Phật giáo Thái Lan hiện nay chiếm trên 95% dân số cả nước. Hiến pháp Thái Lan (1997) qui định: "Quốc vương phải có đức tin Phật giáo và, hơn nữa, phải là vị vua hộ trì Phật giáo".

Tại Lào, đạo Phật được du nhập từ triều vua Dvaravati thế kỷ thứ VII sau công nguyên, cũng qui định như Thái lan, nhà vua theo truyền thống phải có trách nhiệm hộ trì Phật pháp, và được gọi là vị Pháp vương (Dhammaraja). Vào thế kỷ thứ XIV sau công nguyên, vua Fa Ngum đặt kinh đô tại Luang Prabang và có sắc lệnh Phật giáo trở thành quốc giáo.

Tại Campuchia, Phật giáo du nhập thế kỷ thứ III sau CN, theo Phật giáo Nam Tông; phái Nhất thiết hữu bộ cũng được phát triển cực thịnh vào khoảng thế kỷ thứ 5, thứ 6. Hiện nay hiến pháp Campuchia cũng chọn Phật giáo làm quốc giáo.

Tại Việt Nam, từ đầu Công nguyên Phật giáo từ Ấn Độ truyền đến và phát triển rộng khắp nhân gian; từ Phật (Buddha) được dân chúng đọc thành "Bụt" và được sử dụng rất phổ biến trong văn học dân gian, nhất là trong các truyện cổ tích như truyện Tấm Cám, truyện Cây Tre Trăm Đốt ... Vào Thế kỷ thứ nhất có các vị tăng Ấn Độ như Khâu Đà La, Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Khương Tăng Hội, Nagasena v.v... đến truyền giáo tại Giao Chỉ, thành lập nên trung tâm Phật giáo Luy Lâu, ngày nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Theo sử liệu, chính tại đây, Phật giáo được tiếp tục truyền sang Trung Quốc và các quốc gia lân cận.

Từ khi du nhập vào Việt Nam chẳng bao lâu Phật giáo đã phát triển thành niềm tin, đời sống tinh thần của đa số các bộ tộc Lạc Việt, un đúc sức mạnh truyền thống tự lực tự cường của dân tộc trong công cuộc chống ngoại xâm giữ vững biên cương bờ cõi và xây dựng thành một nước Đại Việt độc lập, tự chủ vững mạnh, thịnh vượng và phát triển dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần v.v...

Tư tưởng Phật giáo đã tồn tại xuyên suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, sớm đồng hành và hòa quyện trong mạch sống dân tộc, có tác dụng bồi dưỡng những đức tính khoan dung, hiếu hòa, nhân ái, kiên cường, bất khuất anh dũng của dân tộc Việt trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc keo sơn của khối đại đoàn kết toàn dân.

Vua Trần Thái Tông, chiến thắng quân Hung Nô, mạnh gấp ngàn lần! Cũng như vua Trần Thánh Tông và Phật hoàng Trần Nhân Tông, sau khi chiến thắng quân Nguyên Mông và các vị anh hùng Lê Lợi, Nguyễn Trãi, cuộc kháng chiến đánh thắng giặc Minh, các vị vua đều thể hiện đức khoan dung với kẻ thù, các ngài thực hiện lời dạy của Đức Phật "Lấy từ bi xóa hận thù", đã cấp

lương khô, thuyền, ngựa và tha cho những kẻ gây tội ác trở về nước.

Dưới thời đại Lý, Trần, Phật giáo Việt Nam cũng đã trở thành quốc giáo, đóng góp vai trò tích cực của Phật giáo vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Từ thời hậu Lê cho đến đầu thế kỷ XIX, Phật giáo Việt Nam bắt đầu suy yếu dần do nội bộ Phật giáo bị phân hóa do chính sách chia để trị của các thế lực thực dân ngoại bang.

Mãi đến đầu thế kỷ thứ XX, đây là giai đoạn Phật giáo Nam Tông Việt Nam ra đời, đã cùng với các giáo phái Phật giáo khác tiến hành công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà, đặc biệt là từ khi có Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc thoát khỏi ách thực dân đế quốc, Phật giáo Việt Nam, trong đó có Phật giáo Nguyên Thủy, hội đủ cơ duyên phát huy truyền thống phụng sự đạo pháp và dân tộc ngày càng thuận lợi hơn.

Nhìn chung, Phật giáo Việt Nam qua các thời đại đã lấy lợi ích dân tộc làm mục tiêu cho hoạt động của đạo Pháp; sự tồn vong của quốc gia cũng là sự tồn vong của đạo Pháp, các tông phái Nam tông hay Bắc tông, đều lấy lợi ích dân tộc làm điểm tương đồng, vì lợi ích đạo Pháp gắn liền với lợi ích của dân tộc và ngược lại. Đó là nguyên tắc sống còn bất khả phân ly của Phật giáo Việt Nam, không vì Nguyên thủy hay Đại thừa, Bắc tông hay Nam tông, hoặc Kinh, Khmer, người Hoa v.v... cũng đều có nhiều gương điển hình yêu nước trong tăng ni Phật tử Việt Nam qua mọi thời kỳ lịch sử của đất nước. Sự kiện thống nhất Phật giáo Việt Nam vào tháng 11/1981 là khởi điểm quan trọng cho vai trò của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong thời đại Hồ Chí Minh của dân tộc Việt Nam.

Từ ngày đất nước hòa bình thống nhất đến nay đã hơn 35 năm, Phật giáo đã có điều kiện thuận duyên phát huy truyền thống yêu nước của tiền nhân, qua phương châm hoạt động của Giáo hội "Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa Xã hội", hòa mình cùng toàn dân phấn đấu khắc phục hậu quả chiến tranh để xây dựng đất nước, bảo vệ tổ quốc, mở ra một tương lai tươi sáng cho dân tộc và Phật giáo Việt Nam; từng bước xây dựng thành công một nước Việt Nam với mục tiêu dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng văn minh. Đó cũng chính là nguyện vọng của tất cả tăng ni Phật tử Việt Nam, trong đó có tăng ni Phật tử Nam tông. ●



Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng tiếp đoàn đại biểu Phật giáo Nam tông Khmer - Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Phái Đoàn Phật Giáo Nam Tông Khmer Thăm Thủ Đô Hà Nội

TT. Danh Lung

7hực hiện theo 6 điểm của cuộc họp tháng 4 năm 2002 tại Kiên Giang. Ngày 22- 26 tháng 11 năm 2010, được sự quan tâm của Ban Tôn giáo Chính phủ kết hợp với Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sự hỗ trợ phương tiện đi lại của Ban Tôn giáo các tỉnh thành, tổ chức cho 41 chư tôn, hòa thượng, thượng tọa đại diện cho 457 ngôi chùa, hơn 10 nghìn chư tăng Phật giáo Nam tông Khmer của các tỉnh, thành Nam Bộ, đến thăm Thăng Long – Hà Nội nghìn năm tuổi, Thủ đô - trái tim của Tổ quốc. Trong đoàn gồm: Hòa thượng Dương Nhơn - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự làm trưởng đoàn, Hòa thượng Đào Như - Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Hòa thượng SokXane - Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự làm phó đoàn, cùng với các vị Hòa

thượng, Thượng tọa, Ủy viên Hội đồng Trị sự, các vị Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đoàn kết sư sãi yêu nước các tỉnh, thành và các vị Phó Văn phòng II là thành viên.

Qua một ngày di chuyển từ thôn quê, miền cuối cực Nam của Tổ quốc, khi đoàn rời sân bay Nội Bài, mặc dù thời tiết se lạnh của mùa Đông xứ Bắc khác nhiều với miền Nam, nhưng theo từng vòng quay của bánh xe đoàn chúng tôi được chứng kiến sự lớn mạnh của thủ đô, những công trình đồ sộ hiện đại xen lẫn với nét kiến trúc cổ xưa, những cây cổ thụ xanh tươi, thẳng tắp hai bên đường khoe mình dưới nắng để che mát cho lữ khách qua lại làm cho tất cả thành viên trong đoàn không cảm thấy mệt mà còn như tăng thêm sức khỏe, dễ chịu và có những ấn tượng khó quên về thủ đô và có lẽ

“Thủ đô mãi trong trái tim tôi”.

Sáng ngày 23 tháng 11 đoàn đến chào và thăm văn phòng I Trung ương (TW) Giáo hội, ở đây mặc dù Hòa thượng Thanh Tứ bận họp Quốc hội, nhưng Hòa thượng cũng gửi lời chào đón đoàn và giao cho Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Thượng tọa Thích Gia Quang - Chánh văn phòng I cùng với các vị lãnh đạo văn phòng cũng như báo chí tiếp đón đoàn. Hòa thượng Dương Nhơn - Trưởng đoàn thay mặt đoàn có lời chào ân cần và báo cáo những sinh hoạt của Phật giáo Nam Tông Khmer Nam Bộ những năm qua và có vài kiến nghị với TW Giáo hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho Phật giáo Nam Tông Khmer phát triển thêm về mọi mặt, để sinh hoạt tốt trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự thay mặt Văn phòng I phát biểu chào đón đoàn, đáp lời kiến nghị của Hòa thượng trưởng đoàn, trong đó có nhắc lại 6 điểm được đúc kết tại hội nghị ở Kiên Giang vào tháng 4 năm 2002 như: Khắc dấu tròn cho các chùa, in sách kinh tụng, thành lập Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer v.v... rồi đoàn đến thăm Thành hội Phật giáo Thành phố Hà Nội tại chùa Bể, Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm tiếp đoàn. Chiều đoàn đến thăm Ban Tôn giáo Chính phủ. Hòa thượng Đào Như thay mặt cho Hòa thượng Dương Nhơn và thành viên trong đoàn, phát biểu chào mừng và kiến nghị với Ban Tôn giáo Chính phủ giúp cho Phật giáo Nam Tông Khmer sớm có cơ sở Học viện, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Học viện, những chùa có công với đất nước xin xếp vào Di tích cấp quốc gia, những vị Hòa thượng có công trong các thời kỳ đề nghị Chính phủ cấp huân, huy chương ghi công cho các Ngài. Thượng tọa Danh Lung - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Ủy viên Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó ban Văn hóa TW Giáo hội Phật giáo đề nghị những chùa đã có như ở Côn Đảo, vùng biên giới của các tỉnh Miền Đông như: Tây Ninh, Bình Phước nhưng do chiến tranh đã làm hư hoại hoặc mất đi đề nghị Ban Tôn giáo Chính phủ can thiệp với chánh quyền địa phương cho phục hồi lại hoặc làm mới để cho Phật tử Khmer

có nơi sinh hoạt Tôn giáo, giữ gìn tiếng nói, chữ viết, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn an ninh trật tự trong vùng biên giới.

Ông Nguyễn Thanh Xuân - Phó ban Thường trực Ban Tôn giáo Chính phủ thay mặt cho các vị thành viên tiếp đoàn, phát biểu chào mừng đoàn đến thăm Thủ đô, đến thăm Ban Tôn giáo Chính phủ, ghi nhận và sẽ sớm giải quyết những kiến nghị của đoàn, động viên đoàn và qua đoàn gửi lời động viên đến chư tăng, Phật tử địa phương tiếp tục đóng góp cho Giáo hội, cho đất nước, sinh hoạt đúng theo phương châm của Giáo hội: “Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội”.

Chiều cùng ngày đoàn đến thăm Ban Dân vận TW, tại đây ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Ban Dân vận cùng các vị trong Ban ân cần tiếp đoàn. Được sự ủy nhiệm của Hòa thượng Trưởng đoàn, Thượng tọa Danh Lung phát biểu chào mừng và cảm ơn Ban Dân vận đã dành thời gian nồng nhiệt tiếp đoàn, qua đó Thượng tọa cho biết thêm nhờ công tác Dân vận ở từng địa phương phối hợp tốt với các Ban Trị sự cũng như các Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước (ĐKSSYN) các tỉnh - thành nên việc sinh hoạt lễ hội, sinh hoạt Tôn giáo cũng như đời sống tu hành của chư tăng, đời sống vật chất tinh thần của Phật tử luôn được đảm bảo và không ngừng phát triển. Để Phật giáo Nam Tông Khmer cũng như Phật tử Khmer Nam Bộ tiếp tục phát triển về tinh thần lẫn vật chất theo đà phát triển chung của đất nước, không ngừng ổn định an ninh chính trị ở địa phương, Thượng tọa kiến nghị: Qua thực tiễn thời kỳ kháng chiến cũng như thời kỳ xây dựng và bảo vệ đất nước Hội đã đóng góp vào kết quả chung đáng trân trọng, thông qua Ban Dân vận tham mưu với Ban Bí thư và Chính phủ cũng như cơ quan liên quan cho phép Hội ĐKSSYN các tỉnh - thành Tây Nam Bộ phục hồi lại để đều phối và quản lý thống nhất mọi hoạt động của các cấp Hội, xin phép thành lập Hội những tỉnh - thành chưa có. Đối với Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, tuy đang hoạt động nhưng chưa có cơ sở chính thức, kinh phí hoạt động quá khó khăn, gần đây sách kinh in rồi nhưng có sai sót vẫn chưa khắc phục rất mong Ban Dân vận tham mưu, các cơ quan liên quan tạo điều kiện giúp đỡ.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng thay mặt Ban Dân vận tiếp thu kiến nghị của đoàn, nói sẽ tham mưu với Ban Bí thư, và các cơ quan liên quan, ông nói tiếp: Trong công cuộc giải phóng dân tộc thống nhất đất nước cũng như trong cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, luôn có sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân, trong đó có sự đóng góp to lớn của đồng bào và sư sãi Khmer, Hội ĐKSSYN Khmer có vai trò rất quan trọng, Đảng và Nhà Nước luôn ghi nhận những đóng góp to lớn đó và luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để chư tăng và phật tử Khmer có cuộc sống phát triển tốt, việc xin phục hồi lại Hội ĐKSSYN Tây Nam Bộ là chính đáng.

Sáng ngày 24 tháng 11 đoàn đến viếng lăng Bác, trước khi viếng Bác đoàn được xem phim về cuộc đời giản dị của Bác, Bác lấy nỗi khổ của dân, nỗi nhọc nhằn của người mất nước làm nỗi khổ cho chính mình từ đó Bác ra đi tìm đường cứu nước, vượt qua muôn ngàn khó khăn hiểm nguy, cuối cùng đất nước được thống nhất, ai cũng có cơm ăn, áo mặc. Xem phim về cuộc đời Bác chúng tôi có cảm tưởng một sự tương đồng giữa Bác với thái tử Sĩ Đạt Ta lúc xã hội phân chia giai cấp, sanh ly tử biệt, hợp rồi tan v.v... là nỗi khổ của chúng sanh, Ngài lấy đó làm nỗi khổ cho chính mình, từ đó Ngài quyết định từ bỏ ngai vàng gấm lụa, vợ đẹp con thơ, vào rừng tu thành đạo sĩ, lấy cỏ lá làm gấm lụa, tiếng chim hót, tiếng gió xì xào thay tiếng vũ nữ ca hát, ôm bát khất thực từng nhà từng nơi để rồi trở thành Đức Phật cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển khổ luân hồi. Qua đây trong đoàn sẽ tăng thêm niềm tin và vững bước tu hành.

Sáng cùng ngày đoàn đến thăm Bộ Công an, đoàn được ông Trung tướng Tô Lâm - Thứ trưởng Bộ Công an cùng với các vị lãnh đạo Cục an cần tiếp đón, ở đây Hòa thượng SokXane - Phó đoàn thay mặt đoàn phát biểu chúc mừng Bộ Công an và báo cáo đôi nét về tình hình an ninh ở địa phương, cùng với sự đóng góp của chư tăng góp phần làm ổn định an ninh chính trị ở địa phương, Hòa thượng khẳng định: Nhân dân cả nước nói chung và chư tăng, phật tử Khmer nói riêng yên tâm tu học, làm ăn sinh sống cũng nhờ công lao của công an ngày đêm canh gác, bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, luôn nêu cao tinh thần phục vụ đất nước, phục

vụ nhân dân, với các vị: "Vì nước quên thân vì dân phục vụ".

14 giờ cùng ngày, đoàn đến thăm Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông Vũ Trọng Kim - Ủy viên TW Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng Thư ký cùng với các vị, các phòng ban của Ủy ban nông nhiệt chào đón đoàn. Thừa ủy nhiệm Hòa thượng Trưởng đoàn, Thượng tọa Danh Lung phát biểu chúc mừng Mặt trận tròn 80 năm và cảm ơn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dành thời gian tiếp đoàn, Thượng tọa nói: Ngôi nhà đại đoàn kết của Mặt trận cũng là ngôi nhà chung của Phật giáo Nam Tông Khmer, bởi Phật giáo Nam Tông Khmer vừa là thành viên của Giáo hội, vừa là thành viên của Mặt trận, các cấp hội của các tỉnh – thành đều là thành viên của Mặt trận các cấp, nơi đây còn là diễn đàn không nơi nào thay thế để chư tăng và phật tử Khmer Nam Bộ trình bày và gửi gắm những tâm tư nguyện vọng đến với Đảng, với Chính phủ; suốt chặng đường lịch sử tình đoàn kết keo sơn giữa Mặt trận với chư tăng và phật tử Khmer không bao giờ phai mờ, và tình đoàn kết cũng là một chính sách dân tộc, nên được Bác đúc kết trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (19/4/1964) "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau, Giang sơn và Chính phủ là Giang sơn và Chính phủ của chúng ta; vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta v.v...".

Ông Vũ Trọng Kim thay mặt cho Mặt trận phát biểu chào đón đoàn, qua đoàn gửi lời thăm chư tăng và phật tử Khmer Nam Bộ mong rằng các vị tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, ông đã ôn lại những tình đoàn kết giữa Mặt trận với các cấp hội và với chư tăng, phật tử Khmer, những đóng góp của các cấp hội cũng như sự đóng góp của phật tử Khmer trong kháng chiến cũng như trong thời bình, nhiều chùa Khmer không chỉ là nơi sinh hoạt Tôn giáo mà còn là nơi nuôi chứa cán bộ, nhiều vị sư và con cháu đồng bào Khmer

đã hy sinh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước. Ông khẳng định những kiến nghị của đoàn là chính đáng và sẽ trình lên Chính phủ và các Bộ, Ngành tạo điều kiện thuận lợi đáp ứng theo nhu cầu chính đáng của quý vị.

18 giờ cùng ngày đoàn đến thăm phủ Thủ tướng, tại đây ông Trương Vĩnh Trọng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng - Phó Thủ tướng Chính phủ, ông Nguyễn Thái Bình - Ủy viên TW Đảng - Thứ trưởng Bộ Nội vụ - Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, ông Nguyễn Đình Thủ - Ủy viên Trung ương Đảng - Thường trực Văn phòng Chính phủ, ông Nguyễn Thanh Sơn - Phó ban Tôn giáo Chính phủ tiếp đoàn. Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng phát biểu chào đón đoàn, ôn lại truyền thống tình đoàn kết giữa quân với dân mà Phó Thủ tướng đã từng trải qua, nhất là đối với chư tăng và Phật tử Khmer Nam bộ nơi Phó Thủ tướng từng hoạt động, nhiều chùa là nơi nuôi dưỡng cán bộ, nhiều vị Hòa thượng là hội viên Hội ĐKSSYN các tỉnh - thành miền Tây Nam bộ đã phải hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước như: Hòa thượng Sơn Vọng, Hòa thượng Hữu Nhem xa hơn nữa Hòa thượng Tăng Phô v.v... Những đóng góp của Giáo hội Phật giáo nói chung và chư tăng Phật tử Khmer nói riêng luôn được Đảng, Nhà nước và Chính phủ trân trọng và ghi nhận. Hòa thượng Dương Nhơn thay mặt đoàn đáp từ chào đón sự ân cần của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng.

Phó Thủ tướng Chính phủ phát biểu ghi nhận và có đôi lời động viên đoàn cố gắng giữ gìn sức khỏe thật tốt, noi theo gương các vị Hòa thượng đi trước, tiếp tục phát huy tình đoàn kết giữ gìn an ninh quê hương động viên Phật tử phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Bản thân Phó Thủ tướng có những kỷ niệm khó quên, vào năm 1973 Phó Thủ tướng và anh Thạch Vong cùng nhiều anh em khác cùng học, cùng ăn ở và cùng hoạt động cách mạng với nhau, chúng tôi đi tới đâu cũng được dân mến dân thương, dân che chở. Hòa thượng Dương Nhơn tặng quà lưu niệm

cho Phó Thủ tướng những bức ảnh tháp bốn vị sư liệt sỹ đã anh dũng hy sinh ngày 10/06/1974 tại Kiên Giang, tượng trưng cho niềm tin và tâm huyết của chư tăng và Phật tử Khmer Nam Bộ bất chấp mọi sự hy sinh luôn tin vào Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

Sáng ngày 25/11 đoàn đến thăm học viện Phật giáo Việt Nam tại Sóc Sơn Hà Nội, Thượng tọa Thích Thanh Quyết - Ủy viên Hội đồng Trị sự - Phó Viện trưởng, Đại đức Thích Minh Tiến Chánh Văn phòng Học viện cùng tăng ni sinh tiếp đoàn. Hai bên cùng trao đổi kinh nghiệm quản lý giảng dạy cũng như học tập giữa Học viện Phật giáo Việt Nam và Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer.

Chiều cùng ngày đoàn đến thăm chùa Phật Tích thành phố Bắc Ninh và Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ mồ côi tàn tật.

Qua chuyến đi thăm Thăng Long - Hà Nội nghìn năm tuổi, Thủ đô - trái tim của Tổ quốc, được các cơ quan Trung ương ân cần tiếp đón, được chứng kiến những sự phát triển tiến bộ mọi mặt của Thủ đô, nhất là được thăm lăng Bác, tận mắt thấy cuộc đời giản dị của Bác, lời dạy của Bác, đạo đức của Bác, tương đồng với lời dạy và đạo đức của Đức Phật đã làm cho đoàn vững bước tu tập, khi về truyền đạt lại từng địa phương sẽ giúp cho chư tăng và Phật tử Khmer Nam Bộ tăng thêm niềm tin, yên tâm tu học và làm ăn sinh sống. ●





Lão, bệnh, tử, tu sĩ



TỨ DIỆU ĐỂ QUA TRUNG BỘ KINH^(*)

Tỳ khưu Siêu Minh

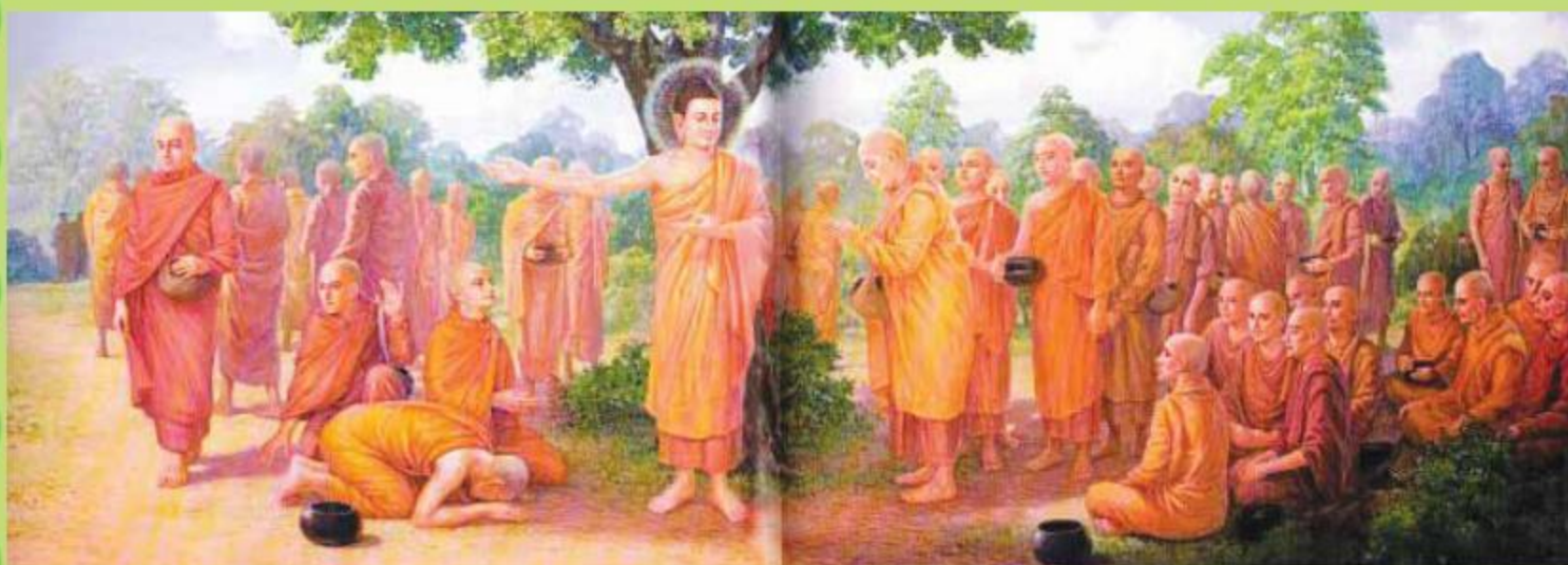
Lời dạy Đức Phật được xem là giáo pháp, một danh từ mang ý nghĩa chân lý được thông qua giáo pháp và thông qua phương tiện khái niệm ngôn ngữ, nhờ đó mà chân lý được diễn đạt để có thể liên hệ được với nhau và khiến cho người ta am hiểu chân lý đó. Giáo Pháp không phải là một bộ phận tín lý bất biến hay một hệ thống tư tưởng. Cơ bản giáo pháp là một phương tiện, một chiếc bè dùng để vượt đến bến bờ bên kia. Danh từ bờ bên này ám chỉ vô minh, tham lam và đau khổ, bờ bên kia là an tịnh siêu thế và tự do giải thoát (MN 22.13). Vì mục tiêu công bố giáo pháp của Đức Phật cho mọi người là một điều hết sức thực tế giải thoát khỏi đau khổ, Đức Phật không thể trình bày toàn bộ hàng loạt suy tư siêu hình vì đó là điều không có lợi ích. Những người nào có tư duy về siêu hình không lo tu tập, Đức Phật so sánh với một người bị mũi tên độc, lại từ chối sự giúp đỡ của bác sĩ cho đến khi nào người đó biết được mọi chi tiết về người tấn công và vũ khí của người đó (MN 63.5); mũi tên đó chính là ái dục, bị ảnh hưởng do tuổi già và cái chết, con người có nhu cầu thực tế cần được sự giúp đỡ. Cách chữa trị của Đức Phật đem lại lợi ích cho chúng sanh, giống như một bác sĩ đem lợi lạc cho thế giới này (MN 105.27). Chính giáo pháp có thể hé mở chân lý hoàn cảnh hiện hữu khó

khăn của chúng ta và những phương pháp chúng ta có thể chữa lành vết thương."

Giáo pháp Đức Phật khám phá và giảng dạy bao gồm Tứ diệu đế:

- Khổ đế (dukkha)
- Tập đế (dukkhasamudaya)
- Diệt đế (dukkhanirodha)
- Đạo đế (dukkhanirodhagāminī paṭipadā)

Chính Đức Phật đã giác ngộ Tứ diệu đế vào đêm Ngài chứng đắc quả vị Phật (MN,32, MN3,42) Ngài hướng dẫn cho trần gian biết Tứ diệu đế, khi Ngài chuyển Pháp Luân tại thành Ba La Nại (Benares) (MN 141,2) và Ngài giảng dạy pháp này trong suốt bốn mươi năm. Ngài thực hiện sứ mệnh của mình trên cõi đời này là "Diễn giải giáo pháp đặc biệt của chư Phật" (MN56,18). Trong Trung Bộ Kinh, Tứ diệu đế là giáo lý thâm sâu, vi diệu (MN 9.14-18) và chi tiết (MN 141). Trong khi đó, Trung Bộ Kinh 28 (MN 28) Trưởng lão Sāriputta đã triển khai phần chú giải nguyên thủy những chân lý độc nhất vô nhị. Tuy nhiên, chú giải có thể được ra đời vào dịp Tứ diệu đế đã có cấu trúc toàn bộ giáo pháp của Đức Phật bao gồm rất nhiều nguyên lý khác, giống như dấu chân voi có thể chứa đựng toàn bộ vết chân muôn loài, muôn thú khác (MN 28,2).



Một khái niệm nồng cốt xoay quanh các chân lý, đó chính là dukkha, được dịch ở đây là "khổ" là từ Pāli nguyên thủy có nghĩa đơn giản là "đau đớn" và khổ một ý nghĩa khái niệm đó ghi sâu trong bản văn Kinh Phật. Khi được sử dụng như là một phẩm chất cảm thọ trong những trường hợp như vậy ta giải thích khái niệm này là "khổ" hay là "đau đớn". Tuy nhiên, chân lý thứ nhất bao hàm một ý nghĩa sâu rộng hơn rất nhiều, phản ánh một nhãn quan tri thức triết học. Trong khi chân lý này kéo theo hiệu quả được tô đậm do có liên quan đến khổ và đau đớn thì chắc chắn chân lý đó cũng bao gồm luôn những vấn đề này, vượt quá những ý nghĩa giới hạn như vậy. Xem ra chân lý thứ nhất còn vạch ra tính chất không thoả mãn, cố hữu nơi vạn vật hữu vi. Những tính chất không thoả mãn này là do đặc tính vô thường, khổ, và vô ngã.

Khái niệm vô thường (aniccatā) đã hình thành nền tảng giáo pháp của Đức Phật, trước khi chứng tuệ giác, vị Bồ tát rời bỏ lâu đài hoàng gia đi tìm chánh đạo dẫn đến giác ngộ. Tính chất vô thường, theo quan niệm Phật giáo, bao gồm toàn bộ pháp hữu vi, trải dài xuyên suốt từ phạm vi rộng lớn đến phạm vi nhỏ hẹp. Từ hình ảnh nhãn quan của Đức Phật đã hé mở hình ảnh một vũ trụ bao la tiến hóa và phân hủy trong vòng luân hồi liên tục xuyên suốt thời gian vô thủy vô chung. "Biết bao đại kiếp trái đất này hình thành, biết bao đại kiếp trái đất này phát triển (MN 4,27). Ngay chính trung tâm phạm vi đó, dấu vết vô thường xuất hiện liên tục.

Con người luôn bị già, bệnh, chết (MN 26,5), do ta phải mang thân xác "mỏng giòn dễ hư hỏng, dễ bị triệt tiêu, dễ bị thoái hoá và phân huỷ" (MN 74,9) và nơi kết cục cận kề với hình ảnh đó thì giáo pháp của Đức Phật đã khám phá ra được tính vô thường cơ bản đó chỉ được vén mở bằng cách tập trung chú ý vào kinh nghiệm sống. Để cảm nghiệm được đặc tính tức thời: Thực chất là toàn bộ những yếu tố tạo thành con người chúng ta, từ thể chất đến tâm linh đang trong qui trình sanh diệt liên tiếp nhanh chóng từng giây, từng phút trong bất kỳ bản chất trường cửu nào. Ngay chính động tác quan sát được những nhân tố cấu thành đó đã phải qua "tàn phá, tan biến, phai mờ và diệt" (MN 74, 11).

Đặc tính vô thường này in dấu ấn nơi vạn vật hữu vi, trực tiếp dẫn ta đến ý thức được đau khổ và sầu muộn trong tính phổ quát. Đức Phật đã nhấn mạnh khía cạnh vô thường trong bối cảnh đau khổ này, khi Ngài giải thích chân lý đầu tiên, Ngài dạy: "Tóm lại, ngũ uẩn do chấp thủ nên đau khổ". Ngũ uẩn do chấp thủ (pañc'upādānakkhandhā) chính là một sự phối hợp phân loại mà chính Đức Phật đã nhìn ra để chứng tỏ bản chất hỗn tạp nơi chính con người chúng ta. Sự phối hợp đó bao gồm toàn bộ những thể loại khả dĩ thấy nơi hiện trạng hữu vi đã được phân bố nơi năm phạm trú này là sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Sắc uẩn (rūpa) thân xác thể lý với các căn giác quan cũng như những đối tượng ngoại vi. Thọ uẩn (vedanā) là

yếu tố gây ấn tượng nơi cảm nhận, hoặc là thoải mái dễ chịu, đau đớn, hay trung hoà. Tưởng (saññā), là uẩn thứ ba là yếu tố chịu trách nhiệm để nhận ra những phẩm chất nơi vạn vật và cũng thông báo về nhận thức và trí nhớ. Hành uẩn (sankhāra) là một từ mang đặc tính chung có nghĩa là hành uẩn bao trùm mọi khía cạnh ý chí, tình cảm và tri thức nơi cuộc sống tâm linh con người. Thức uẩn (viññāṇa), uẩn thứ năm, là nhận thức căn bản của đối tượng tuyệt đối cần thiết cho mọi nhận thức. Như Ngài Trưởng lão Sāriputta đã chứng tỏ cho thấy trong bài phân tích bậc thầy của mình về chân đế thứ nhất, chính là đại diện cho cả năm uẩn hiện hữu nơi từng cơ hội cảm nghiệm của chúng ta. Thức uẩn khởi sanh liên quan đến lục căn giác quan và toàn bộ đối tượng của tâm thức này (MN 28.28).

Chính Đức Phật tuyên bố rằng ngũ uẩn chính là đau khổ (dukkha), như vậy đau khổ hé mở cho thấy vạn vật, chúng ta đồng nhất với và nắm giữ, điều là căn bản hạnh phúc, nhìn một cách chính xác, ngũ uẩn lại là nguồn gốc của mọi đau khổ mà chúng

ta phải khiếp sợ. Ngay cả lúc chúng ta cảm thấy thoải mái và an toàn. Đặc tính không ổn định nơi các uẩn chính là nguồn mạch áp bức và giữ chúng ta thường xuyên đối mặt với đau khổ dưới nhiều hình thức khác nhau. Toàn bộ tình trạng trở nên nhân rộng hơn nữa để khám phá và vượt qua mọi tính toán, khi chúng ta tính đến cách phơi bày thực chất tính tái sanh của Đức Phật. Toàn bộ chúng sanh trong đó vô minh và ái dục ngự trị trong vòng luân hồi hiện hữu liên tục, (saṃsāra), mỗi lần tái sanh trong vòng luân hồi đó đều đem lại đau khổ do sanh, lão, bệnh và tử. Toàn bộ cảnh hiện hữu nơi vòng luân hồi đó bó buộc nhất thiết phải di chuyển và phải chịu thay đổi. Không thể nào đem lại cho chúng ta an toàn trường cửu được. Cuộc sống trong bất kỳ cõi nào đều không ổn định, nó sẽ bị quét sạch đi. Không có trú xứ và người bảo vệ vĩnh cửu, chẳng có gì dành riêng cho chính chúng ta (82.36)●

(*) Biên dịch phỏng theo tài liệu của Ngài Bodhi



Lễ kết hôn của thái tử Sĩ Đạt Ta với công chúa Dadudala

THIÊN ĐỊNH (*)

Hỏi và Đáp

Nguyên tác: Thiền sư Ajhanchah

Biên dịch: Tỳ khưu Khánh Hỷ

Hỏi: Thưa thầy, tôi đã cố gắng hết sức để hành thiền, nhưng dường như tôi chẳng đạt được chút kết quả nào. Tôi phải làm sao đây?

Đáp: Điều quan trọng trong lúc hành thiền là đừng mong muốn đạt được cái gì. Lòng mong mỏi giải thoát hay giác ngộ là một chướng ngại cho sự giải thoát. Dù bạn có nỗ lực hành thiền đến mức độ nào đi nữa, hoặc hành thiền suốt ngày đêm mà vẫn còn ôm ấp tư tưởng là sẽ đạt được cái gì đó, tâm bạn sẽ không bao giờ bình an, tĩnh lặng. Nỗ lực hành thiền với ước muốn đạt được cái gì là nguyên nhân tạo ra sự hoài nghi và bất an. Người hành thiền với ước muốn đạt được cái gì sẽ không bao giờ tiến bộ bởi vì trí tuệ không thể khởi sinh từ lòng ham muốn. Vậy thì cứ thản nhiên thực tập, chú tâm theo dõi thân tâm, và đừng mong ước đạt thành gì cả. Đừng dính mắc vào sự giải thoát, giác ngộ. Ngoài ra, khi bạn bắt đầu hành thiền, và khi tâm bắt đầu yên tĩnh, bạn liền nghĩ rằng, "Ồ, không biết như vậy đã đến tầng thiền na thứ nhất chưa? Còn phải bao lâu nữa?" Ngay lúc khởi tâm như thế, bạn mất hết tất cả. Cách hay nhất là cứ tiếp tục theo dõi đề mục và để trí tuệ phát triển một cách tự nhiên.

Bạn cứ tiếp tục chú tâm theo dõi mọi diễn biến của thân tâm mà đừng nghĩ gì đến việc đánh giá trình độ mình, không cần biết mình đang ở tuệ nào, mức độ nào. Bạn càng chú tâm

theo dõi thân tâm bao nhiêu, bạn càng thấy rõ bấy nhiêu. Nếu bạn hoàn toàn tập trung tâm ý vào đề mục, bạn sẽ không còn băn khoăn lo lắng đến chuyện đã đạt đến trình độ nào. Cứ tiếp tục đi đúng đường rồi chân lý sẽ hiển lộ một cách tự nhiên.

Làm sao có thể nói cốt tủy của việc thực hành? Đi tới cũng không đúng! Đi lui cũng không đúng! Đứng yên một chỗ cũng không đúng! Không có cách nào để đo lường hay phân loại sự giải thoát.

Hỏi: Tôi vẫn còn suy nghĩ nhiều, vẫn còn bị phóng tâm nhiều, mặc dầu tôi rất cố gắng chú tâm chánh niệm. Tại sao?

Đáp: Đừng lo lắng, băn khoăn về chuyện đó. Hãy cố gắng giữ tâm an trụ trong hiện tại. Bất kỳ tư tưởng gì hiện ra trong tâm bạn, bạn phải chú tâm ghi nhận nó, những phóng tâm ấy sẽ tự động ra đi; cũng đừng ao ước sẽ xua đuổi được chúng; cứ thực hành rồi bạn sẽ đạt được trạng thái tự nhiên. Cũng không nên có sự phân biệt giữa tốt và xấu, giữa nóng và lạnh. Chẳng có tôi, chẳng có anh, và chẳng có tự ngã gì cả. Chúng thế nào thì nhìn chúng thế ấy. Khi bạn ôm bắt đi khắp thực, bạn chẳng cần làm chuyện gì đặc biệt cả, chỉ đơn thuần đi và chú tâm vào những gì đang xảy ra. Chẳng cần phải dính mắc vào sự tĩnh lặng hay độc cư. Nghĩa là đừng bao giờ có tư tưởng: tôi phải thiền một mình ở một

nơi yên tĩnh mới tiến bộ được. Bất cứ đi nơi đâu bạn cũng có thể thiền được. Khi bạn ở đâu bạn cũng đều phải biết mình và chú tâm chánh niệm một cách tự nhiên. Nếu có sự nghi ngờ xuất hiện, phải theo dõi sự nghi ngờ đến và đi. Chỉ giản dị thế thôi. Không bám víu hay nắm giữ điều gì, vật gì, dầu tốt hay xấu. Trong khi đi kinh hành, thỉnh thoảng bạn có thể gặp vài trở ngại. Chẳng hạn, tư tưởng của bạn bị ô nhiễm và hướng đi nơi khác, khiến bạn không còn chú tâm vào bước đi nữa. Gặp những trường hợp phiền não đến quấy nhiễu bạn như thế, bạn chỉ cần nhìn chúng, chúng sẽ ra đi. Đừng bao giờ suy nghĩ, bận tâm đến những trở ngại đã trôi qua. Đừng ưu tư về những chuyện gì sắp hay chưa xảy ra. Hãy an trú trong hiện tại. Đừng quan tâm đến chiều dài của con đường đi, cũng đừng dính mắc vào nó nữa. Khi thực tập đã thuần thục, tự nhiên sự quân bình sẽ đến với bạn.

Hỏi: Tôi phải khởi đầu việc hành thiền như thế nào? Có cần phải có đức tin trước khi thực hành không?

Đáp: Một số người bắt đầu việc thực hành khi họ đã có một số đức tin và hiểu biết về Phật Pháp. Đó là chuyện tự nhiên. Nhưng như thế không có nghĩa là phải có đức tin và hiểu biết Phật Pháp mới chịu đi hành thiền. Chúng ta có thể hành thiền, và phải hành thiền mà không cần phải có điều kiện nào cả. Điều quan trọng là phải thực sự muốn nhìn vào bên trong của tâm mình, hoàn cảnh của chính mình, hiểu Tâm mình một cách trực tiếp. Sau đó, tự nhiên đức tin và sự hiểu biết chín muồi trong tâm.

Hỏi: Trong khi hành thiền, chúng tôi có cần đi sâu vào Định hay không?

Đáp: Trong khi ngồi thiền, nếu tâm bạn bắt đầu yên tĩnh và định thì đó là điều tốt, vì bạn có thể dùng chúng làm dụng cụ để tiến xa hơn. Nhưng bạn cần thận trọng và đừng bị dính chặt vào sự yên tĩnh. Nếu bạn ngồi chỉ với mục đích đạt đến định tâm thì bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và sung sướng, nhưng bạn đã phí thì giờ. Mục đích của hành thiền là ngồi và để cho tâm an định, rồi dùng tâm định này để quan sát bản chất của Thân và Tâm. Ngoài ra, nếu bạn

chỉ muốn đạt tới định tâm, bạn sẽ đạt được sự an tĩnh và đè nén được nhiều phiền não trong lúc bạn ngồi, nhưng khi hết hành thiền, sự an tĩnh và định tâm cũng mất luôn. Giống như bạn lấy một tảng đá để đè lên hồ rác, khi bạn nhấc tảng đá đi, hồ rác vẫn còn. Ngồi lâu hay mau không thành vấn đề. Bạn đừng để mình bị lạc vào trong an tĩnh mà phải dùng sự an tĩnh của mình để quan sát sâu xa hơn bản chất của Thân và Tâm. Đó chính là phương cách giúp bạn giải thoát thực sự.

Quan sát Thân - Tâm một cách trực tiếp nhất, đó là không dùng sự suy nghĩ, tưởng tượng để nhìn Thân - Tâm. Có hai trình độ quan sát. Một là suy nghĩ và đi lang thang từ điểm này đến điểm khác, khiến bạn bị dính mắc vào những tri giác hơi hợt giả tạo, chỉ có bề mặt mà không có thực chất. Loại quan sát thứ hai là một sự an tĩnh, định tâm và lắng nghe bên trong. Chỉ khi nào có tâm định, tĩnh và an tĩnh, lúc ấy chân trí tuệ mới phát sinh một cách tự nhiên. Thoạt đầu, trí tuệ chỉ là một âm vang nhẹ, một mầm cây yếu mềm vừa nhô lên khỏi mặt đất. Nếu bạn không hiểu điều này, bạn có thể nghĩ quá nhiều đến nó, săn sóc nó quá nặng tay khiến nó chết một cách đau đớn dưới chân bạn. Nếu bạn cảm nhận nó một cách lặng lẽ, từ đó bạn có thể thấy được căn bản của tiến trình Thân và Tâm. Từ nhận thức này bạn sẽ thấy được vô thường và bản chất vô ngã của Thân và Tâm.

Hỏi: Nhưng nếu chúng tôi không tìm kiếm gì cả thì làm sao gặp được Phật pháp?

Đáp: Bất kỳ chỗ nào bạn nhìn đều là pháp xây dựng nhà cửa, đi trên đường cái, ở trong nhà tắm, hay ở trong thiền đường này v.v..., tất cả đều là pháp. Khi bạn hiểu biết đúng thì không có gì trên thế gian này mà không phải là pháp cả.

Nhưng bạn phải hiểu rằng hạnh phúc và đau khổ, vui và buồn luôn luôn ở với ta. Khi bạn hiểu rõ bản chất của chúng, Phật và pháp cũng ở ngay đây. Khi bạn thấy một cách rõ ràng, mỗi thời khắc của kinh nghiệm đều là pháp. Nhưng phần lớn chúng ta có phản ứng một cách mê muội. Trước lạc thú, "Tôi thích cái này; tôi muốn được nhiều hơn" và trước những gì không vừa



lòng, "Đi đi, tôi không thích cái đó; tôi không muốn nữa." Nếu bạn hoàn toàn mở rộng tâm mắt trước mọi diễn biến của thế gian mà không có thái độ mê muội như trên, bạn với Phật sẽ là một.

Một khi bạn đã hiểu rõ, đó chỉ là một vấn đề đơn giản và trực tiếp. Khi lạc thú phát sinh, nên hiểu rằng nó không phải là ta, là của ta. Khi đau khổ phát sinh, cũng nên hiểu rằng nó không phải là ta, là của ta, đau khổ hay khoái lạc đều biến mất. Nếu bạn không chấp giữ các hiện tượng xảy ra, không đồng hoá chúng với mình, không xem chúng là sở hữu của mình, tâm sẽ đạt được trạng thái quân bình. Sự quân bình này là chánh đạo, những lời dạy của Đức Phật, dẫn đến giải thoát. Thường chúng ta hay kỳ vọng, "Tôi có thể đạt được tầng thiền này hay tầng thiền kia không?" hay, "Tôi có thể phát triển năng lực gì?" Như vậy là chúng ta đã bỏ qua những lời dạy của Đức Phật để nhảy sang một lãnh vực khác thật sự chẳng hữu dụng chút nào. Nếu bạn thật sự muốn, bạn có thể tìm thấy Đức Phật trong những sự vật đơn giản nhất trước mắt bạn, và có thể đạt được cốt tủy của sự quân bình này bằng tâm xả bỏ.

Bước đầu thực hành, điều quan trọng là bạn phải có một hướng đi thích hợp. Thay vì cứ đi càn, đến đâu thì đến, bạn phải có một bản đồ hay được một người đã từng đi trên đường này hướng dẫn. Con đường giải thoát mà Đức Phật là người đầu tiên chỉ dẫn là trung đạo, nằm giữa hai thái cực: lợi dưỡng và khổ hạnh. Tâm

phải mở rộng trước mọi kinh nghiệm, không mất quân bình hay rơi vào những cực đoan. Được vậy, bạn sẽ nhìn sự vật với tâm tự nhiên, không dính mắc mà cũng không hắt hủi. Khi hiểu rõ được sự quân bình này thì Đạo sẽ rõ dần. Khi sự hiểu biết được phát triển là lúc lạc thú đến, bạn hiểu ngay nó là vô thường, bất an và trống rỗng. Khi đau buồn và thất vọng đến, bạn cũng xem chúng như vậy: vô thường, bất an và trống rỗng. Cuối cùng, khi đã đạt được một đoạn khá xa trên con đường, bạn sẽ thấy rõ ràng rằng trên thế gian này chẳng có gì có giá trị, chẳng có gì cần phải nắm giữ. Mọi vật chẳng khác nào những vỏ chuối hay vỏ dừa, chẳng có gì hấp dẫn. Khi bạn nhìn thấy mọi vật trên thế gian đều là những vỏ chuối và vỏ dừa, bạn sẽ tự do đi trên thế gian này, không có gì khiến bạn bức mình chán nản. Lúc ấy bạn đã đi trên con đường dẫn đến giải thoát. ●

(*) Nguyên tác: Thiền sư Ajhanchah





BỐN BÀ VỢ

Hoa Lan

Một ông nhà giàu có 4 bà vợ. Ông yêu người vợ thứ tư nhất, luôn mua sắm cho bà ta những bộ đồ sang trọng đắt tiền. Ông nâng niu chiều chuộng, coi người vợ thứ tư như một món đồ trang sức quý.

Ông cũng rất yêu người vợ thứ ba. Ông tự hào về người vợ này và luôn muốn "khoe" vợ với bạn bè. Tuy nhiên, trong ông luôn thường trực nỗi lo sợ bà bỏ đi với người đàn ông khác.

Ông cũng yêu người vợ thứ hai. Ông coi bà như người bạn tâm tình, người giúp ông vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Bất cứ khi nào gặp khúc mắc, ông đều tìm đến bà.

Người vợ thứ nhất lại là người rất chân thành, chung thủy, luôn kề vai sát cánh bên ông lo toan chu đáo chuyện gia đình. Tuy nhiên, ông lại không yêu bà vợ thứ nhất. Mặc dù bà rất yêu ông, ông hầu như chẳng bao giờ chú ý đến bà.

Một ngày, ông ngã bệnh. Ông tự biết rằng mình sắp từ giã cõi trần. Ông nghĩ về cuộc sống giàu sang xa hoa và tự nhủ: "Hiện mình có 4 bà vợ. Nhưng khi mình chết, lại chỉ có một mình. Thật cô đơn làm sao!".

Ông ta hỏi bà vợ thứ tư: "Tôi yêu mình nhất, luôn dành cho mình sự quan tâm đặc biệt và những điều tốt đẹp nhất. Tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa, liệu khi tôi chết, mình có nguyện đi theo tôi không?".

"Không đâu" - Bà vợ thứ tư đáp lại và bước

đi.

Câu trả lời như một nhát dao cứa vào lòng.

Ông hỏi người vợ thứ ba: "Tôi yêu bà nhiều lắm, tôi sắp chết rồi, bà có nguyện theo tôi không?".

"Không, cuộc sống vẫn đang đẹp mà. Sau khi ông chết, tôi sẽ tái hôn".

Trái tim ông run lên đau đớn.

Sau đó, ông hỏi người vợ thứ hai: "Bất cứ khi nào gặp vấn đề khó khăn rắc rối gì tôi cũng đều tìm đến bà. Bây giờ tôi xin bà hãy kề vai sát cánh cùng tôi lần cuối cùng. Khi tôi chết, bà có nguyện đi theo tôi không?".

Bà vợ thứ hai trả lời: "Xin lỗi, lúc này tôi không thể giúp ông được. Nếu có, tôi chỉ đưa linh cữu ông ra mộ thôi".

Ông nghe câu trả lời mà như sét đánh ngang tai. Ông thực sự quá đau đớn vì người mà ông nghĩ có thể tin tưởng nhất cũng bỏ rơi ông.

Bỗng có một giọng nói cất lên: "Tôi sẽ đi cùng ông, đi đến bất cứ nơi nào ông tới". Ông dáo dác tìm kiếm chủ nhân của giọng nói và nhận ra đó chính là người vợ thứ nhất, người mà chẳng mấy khi ông để ý tới.

Trông bà gầy và xanh xao quá. Rưng rưng xúc động, ông nói: "Đáng lẽ ra trước đây tôi phải chăm sóc bà nhiều hơn nữa".

Mỗi chúng ta ai cũng có 4 bà vợ.

Bà vợ thứ tư chính là thân thể của chúng ta. Cho dù ta có chăm chút, trau chuốt đến mấy, rồi nó cũng rời bỏ ta khi ta chết.

Còn bà vợ thứ ba? Đó chính là của cải, địa vị v.v... Khi chúng ta chết, chúng sẵn sàng đi theo người khác.

Bà vợ thứ hai chính là gia đình và bạn bè. Cho dù có thân thiết đến mức độ nào, khi ta chết, họ cũng chỉ khóc đưa ta ra mộ mà thôi.

Bà vợ thứ nhất chính là tâm hồn ta, thường bị lãng quên khi ta chạy theo tiền tài, địa vị, danh vọng, của cải, nhưng nó sẽ theo ta suốt cuộc đời. Tốt hơn hết là nuôi dưỡng tâm hồn ngay từ bây giờ, vì đó là "người" thân tín nhất bên ta. Đừng để phải hối hận vì đã lãng quên nó. ●



Tỳ khưu Nguyệt Thiên

Mahāvagga (Đại Phẩm) và Cullavagga (Tiểu Phẩm) thuộc Vinayapitaka (Tạng Luật) gồm các vấn đề có liên quan với nhau đã được sắp xếp thành từng chương. Tên gọi chung cho hai phẩm này là Khandhaka (chúng tôi tạm gọi tên là Bộ Hợp Phần; khandha có nghĩa là khối, nhóm, uẩn, ... Tiếp vĩ ngữ ka trong trường hợp này có ý nghĩa là thuộc về, có liên quan, v.v...).

Mahāvagga (Đại Phẩm) được chia làm mười chương:

1. Chương 1: Nói về sự khởi đầu của giáo pháp được tính từ lúc Đức Thế Tôn chứng đắc quả Vô thượng Chánh Đẳng Giác và bao gồm quá trình hình thành nghi thức cho xuất gia và tu lên bậc trên trở thành tỳ khưu cùng một số vấn đề liên quan đến việc huấn luyện các vị xuất gia.

2. Chương 2: Giảng giải về lễ Uposatha với nguyên nhân ban đầu là lời thỉnh cầu của Đức vua Seniya Bimbisāra và nhiều vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc lễ như việc ấn định ranh giới (sīmā) và nhà hành lễ Uposatha, việc sám hối, việc đọc tụng giới bốn Pātimokkha, v.v... Việc gìn giữ sự hợp nhất của hội chúng là điểm được nhấn mạnh ở chương này.

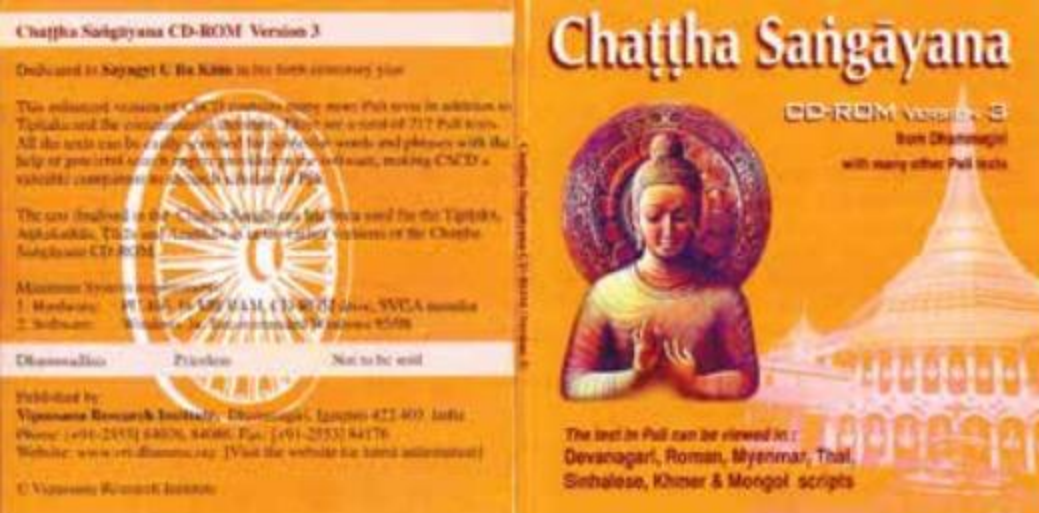
3. Chương 3: Giảng giải về việc an cư vào mùa mưa. Tuy chỉ được ghi lại trong hai tụng phẩm nhưng nội dung của chương này trình bày những sự việc có liên quan đến 1/3 thời gian sống và tu tập của vị tỳ khưu. Chương này

cần được xem xét kỹ lưỡng vì có những tư liệu mới chưa được trình bày trong các tài liệu về Luật đã được phổ biến.

4. Chương 4: Giảng giải về lễ Pavāraṇā (tự tứ) tức là một trong những hình thức góp ý nhau về đời sống tu tập có liên quan đến giới luật. Hành sự của lễ Pavāraṇā tuy chỉ được tiến hành một lần trong năm sau ba tháng cư trú mùa mưa nhưng có tầm quan trọng tương đương với lễ Uposatha nhằm bảo tồn sự trong sạch đồng thời tính hợp nhất của hội chúng.

5. Chương 5: Nói về đa thú có liên quan đến đời sống của các vị tỳ khưu ví dụ như giày dép, v.v... Câu chuyện xuất gia của thanh niên Soṇa Koliṇḍisa ở đầu chương giới thiệu về sự nỗ lực tinh tấn của vị tỳ khưu trẻ tuổi này, dẫn rằng do chính sự tinh tấn quá mức này đã là chướng ngại cho sự đắc chứng của vị ấy nhưng cũng là một ví dụ để chúng ta thấy được động cơ tu tập của các vị xuất gia vào thời Đức Phật còn tại tiền.

6. Chương 6: Nói về dược phẩm và các cách thức chữa bệnh. Chương này gồm có 4 tụng phẩm đề cập đến cách thức chữa trị một số bệnh thông thường, về một số quy định đã được áp dụng trong thời kỳ khó khăn về vật thực, về đức tin vững chắc của nữ cư sĩ Suppiyā, về vấn đề thọ dụng cá và thịt trong Phật giáo, ngoài ra còn có câu chuyện về kỹ nữ Ambapālī và một số vấn đề khác vẫn còn có được sự ứng dụng thực tiễn trong thời hiện tại.



7. Chương 7: Giảng giải về lễ dâng y Kāṭhina. Đây là cuộc phước thí có tầm vóc quan trọng vì sự thành tựu của Kāṭhina không những có ảnh hưởng đến phước báu của người thí chủ mà còn có liên quan đến sự tu tập của các vị tỳ khưu. Sự giảng giải chi tiết với những sự việc tương phản của chương này có lẽ không ngoài mục đích trình bày một số điểm tế nhị cần đến sự chú tâm suy xét.

8. Chương 8: Là chương về Y Phục giảng giải về loại y và các vấn đề có liên quan về nhiều phương diện. Điểm thú vị ở chương này là tụng phẩm mở đầu với câu chuyện về thầy thuốc Jīvaka Komārabhacca và tài năng chữa bệnh của vị này, đáng ngạc nhiên là việc giải phẫu ở đầu và ở bụng đã được tiến hành vào thời gian cách đây hơn 2.500 năm.

9. Chương 9: Được đặt tên theo một sự kiện xảy ra ở Campā nêu lên một tiền lệ không tốt đẹp về việc sử dụng sức mạnh tập thể để áp đặt hành phạt sai trái lên cá nhân. Thời bấy giờ còn có Đức Phật là vị quan tòa để phân xử, trong thời hiện tại trách nhiệm xem xét lại sự việc được trao cho các hội chúng tỳ khưu ở những trú xứ khác nếu có sự thỉnh cầu. Các điều giảng giải trong chương này không ngoài việc trình bày khuôn mẫu trong việc tiến hành các hành sự, khả năng thực hiện của hội chúng đối với các loại hành sự khác nhau tùy thuộc vào số lượng tỳ khưu hiện diện, và một số nguyên tắc cần được áp dụng để bảo đảm tính chất đúng Pháp đúng Luật của hành sự. Các hành sự của hội chúng cùng với việc thấu hiểu các hành sự ấy cũng được trình bày ở chương này gồm có: hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và ba loại hành sự án treo.

10. Chương 10: Nói về sự việc chia rẽ hội chúng ở Kosambī từ lúc khởi đầu đến hồi kết thúc. Mầm mống chia rẽ trong câu chuyện này

chỉ là một sự tranh cãi về một điều Luật không quan trọng, từ sự xung đột cá nhân đã lan rộng đến tập thể và trở nên căng thẳng không những đưa đến ấu đả giữa các tỳ khưu mà còn khiến cho Đức Phật đã bỏ đi vào rừng sâu sống với sự phục vụ của voi và khỉ. Yếu tố đưa đến việc giải quyết sự chia rẽ này là hành động tẩy chay tích cực của các cư sĩ ở thành Kosambī, cuối cùng sự tranh tụng được giải quyết do sự phục thiện của vị tỳ khưu sai trái. Câu chuyện về hoàng tử Dīghāvu và nếp sống sinh hoạt của ba vị Đại đức Anuruddha, Nandiya, Kimbila nhằm đề cao sự sống chung hòa ái và không thù hận lẫn nhau là yếu tố quan trọng cần được xây dựng và duy trì trong đời sống tập thể. ●



Tương Quan Giữa CẢNH VÀ TÂM

Tỳ khưu Chánh Minh
(tiếp theo & hết)

2 Hấp lực của cảnh đối với tâm Hướng ngũ môn

Trong lộ ngũ, tâm Hướng ngũ môn (pañcadvāravajjanacitta) là tâm khách sinh trước tiên trong tâm lộ, có câu hỏi rằng:

Cảnh sắc và sắc thần kinh nhãn trợ sanh cho nhãn thức, vì sao tâm Hướng ngũ môn lại sinh trước tiên?

Cảnh sắc hiện rõ nơi nhãn vật có sức mạnh bắt cảnh Chủ, khiến tâm hữu phần không thể sanh khởi. Tuy nhiên, ảnh hưởng của hữu phần dứt dòng đối với tâm sanh kế tiếp vẫn còn (anantarapaccaya - Vô gián duyên) vì hữu phần thuộc ý quyền, nên tâm sanh kế tục vẫn trú tại ý vật.

Cảnh sắc chiếu vào hữu phần, nhưng tại ý vật chỉ là phản ánh cảnh sắc đang có ở nhãn vật mà thôi, nhãn lộ khi ấy chưa khai mở, do đó tâm này phải nằm tại sắc Ý vật hướng về nhãn môn nhận cảnh sắc, đồng thời có phận sự khai mở nhãn lộ, vì thế tâm này còn có tên là manasikāracittavīthi (tác ý thành tâm lộ).

Tâm này có khả năng hướng về cả năm môn nên có tên gọi là pañcadvāravajjanacitta (tâm Hướng ngũ môn).

Một điều nữa, sở dĩ tâm Hướng ngũ môn hướng về nhãn môn, là do hấp lực của cảnh sắc kích tác vào sát na hữu phần dứt dòng.

Ở sát na tâm Hướng ngũ môn, cảnh sắc lại tác động một lần nữa cộng thêm sức mạnh của nhãn quyền (sát na tiểu thứ 25 của giai đoạn trụ) và thế là nhãn thức sanh lên tại nhãn vật.

Có ví dụ sau đây để minh họa vấn đề này: Một người đang đứng trong nhà, có tiếng động bên ngoài, người ấy đưa mắt hướng về phía ấy, thấy bạn đang vẫy gọi, người ấy bước ra tiếp bạn. Người đứng trong nhà ví như hữu phần, nhà ví như sắc ý vật, tiếng động ví như hữu phần rung động bị kích tác, đưa mắt về phía ấy ví như tâm Hướng ngũ môn, người bạn ví như cảnh sắc, vẫy gọi ví như bị nhãn quyền tác động, bước ra ngoài tiếp bạn ví như nhãn thức sanh khởi tại nhãn vật.

Mặt khác, tuy cảnh sắc, ánh sáng và nhãn vật đã có sức mạnh đầy đủ, nhưng nhãn thức còn bị chướng ngại (palibodha), nên chưa thể sanh lên được, đó là:

Do vật

Nhãn thức chỉ độc sanh nơi sắc nhãn vật và chỉ đảm trách nhiệm vụ khiêm tốn là THẤY mà thôi, những tâm còn lại xử lý cảnh sắc lại nằm ở sắc ý vật, giữa nhãn vật và ý vật lại cách xa, để cho nhãn thức sanh ở nhãn vật phải có "nhịp cầu". Như ngọn lửa của cây đèn đang cháy, một mảnh giấy ở trên, để ngọn lửa hiện ra trên mảnh giấy, phải có hơi nóng từ ngọn lửa cây đèn tích tụ nơi mảnh giấy, hơi nóng là "nhịp

cầu" giữa hai ngọn lửa, chính tâm Hướng ngũ môn là nhịp cầu giữa tâm hữu phần dứt dòng nơi ý vật và nhãn thức ở nhãn vật.

Do môn

Tuy cảnh sắc đã rõ ràng, nhưng "ngõ vào" còn đóng kín, cần phải mở cửa để nhận cảnh sắc, khởi sanh tâm lộ. Đảm trách vai trò này, ngoài tâm Hướng ngũ môn (đối với lộ ngũ) không còn tâm nào khác, nên nó phải sinh trước tiên trong lộ tâm khách.

Có ví dụ sau đây: Căn phòng có treo bức tranh đẹp, nhưng căn phòng đóng kín, một đoàn 7 người đi đến, người thứ nhất mở cửa phòng, người thứ hai nhanh chân bước vào căn phòng, năm người còn lại đứng bên ngoài, ngắm bức tranh.

Người thứ nhất ví như tâm Hướng ngũ môn, người thứ hai ví như nhãn thức, 5 người còn lại ví như 5 loại tâm khác sanh kế tiếp nhãn thức, căn phòng ví như nhãn vật, vị trí bên ngoài ví như sắc ý vật, bức tranh ví như cảnh sắc.

Do nhân trợ sanh

Ba nhân trợ sanh: Cảnh sắc, nhãn vật và ánh sáng đã có nhưng manasikāra (sự chú ý đến cảnh) chưa hiện rõ, do vậy nhãn thức chưa sanh khởi được.

Trong 4 nhân trợ sanh nhãn thức, thì manasikāra (tác ý) là chủ yếu vì đó là loại danh pháp tương ứng với nhãn thức.

Tác ý là danh pháp, muốn có được tác ý phải khởi từ danh pháp, ví như người muốn có gỗ quý phải tìm ở rừng, muốn có trang sức đẹp phải đến tiệm kim hoàn.

Theo quy luật: Tâm sanh trước sẽ trợ tâm sanh sau bằng Anantarapaccaya (vô gián duyên), như vậy, tác ý trợ sanh cho nhãn thức chính là tác ý trong tâm trước tâm nhãn thức.

Cảnh sắc làm dao động được hữu phần là do mãnh lực của nhãn quyền, nhưng manasikāra ở hữu phần dứt dòng còn muội lược, chưa đủ sức trợ sanh cho nhãn thức, nhãn quyền lại tiếp tục tác động vào tâm kế tiếp (tức tâm Hướng ngũ môn), bấy giờ tác ý nơi tâm Hướng ngũ môn có đủ sức mạnh trợ sanh cho nhãn thức.

Mặt khác, tâm Hướng ngũ môn đang hướng về nhãn vật, nên việc trợ sanh này dễ dàng hơn so với tâm hữu phần dứt dòng.

Tóm lại, sở dĩ tâm Hướng ngũ môn phải sanh trước nhãn thức là vì:

- Bắc nhịp cầu cho nhãn thức sanh khởi tại nhãn vật.
- Do phận sự phải khai mở nhãn lộ để sanh khởi tâm lộ nhãn môn (phận sự này phải thực hiện trước).
- Khi tâm này hướng về nhãn môn, tác ý có đủ sức mạnh giúp nhãn thức sanh khởi dễ dàng.

Cảnh ngũ đối với tâm quả dục giới

Tâm quả dục giới đối với cảnh ngũ thực tính (sabhāvaṇṇārammaṇa) có một quy trình cố định là:

- Đối với cảnh thực tính cực tốt (sabhāvitṭhārammaṇa), thì từ ngũ thức, tiếp xúc, quan sát và na cảnh đều là tâm quả thiện dục giới, trong đó tâm quan sát và tâm na cảnh đều là hỷ thọ.

- Đối với cảnh thực tính tương đối tốt, cũng là những tâm quả thiện dục giới như trên, nhưng tất cả đều là xả thọ.

- Đối với cảnh thực tính bất toại (sabhāvanitṭhārammaṇa) thì ngũ thức, tiếp xúc, quan sát và na cảnh đều là tâm quả bất thiện dục giới.

Cảnh ngũ đối với đồng lực tâm

Riêng về tâm đồng lực (javanacitta) các Ngài diáo thọ sư bảo rằng: "Chúng sanh khởi bất định".

Có ba loại đồng lực dục giới: đồng lực bất thiện, đồng lực thiện và đồng lực hạnh (kriyājavanacitta).

Chỉ có đồng lực hạnh của vị Thánh A La Hán sanh khởi theo khuôn mẫu nhất định, vì các Ngài đã thành đạt niệm tỉnh giác (satisampajañña) viên mãn, các Ngài đã huân tập tâm trở nên thuần khiết, không còn bị cảnh tốt hay xấu làm xáo trộn đồng lực tâm. Ví như ngựa tốt đã khéo huấn luyện thiện xảo, con đường xanh mượt cỏ

nhưng hay gõ ghề lờm chờm đá, cũng không gây chướng ngại đến vó ngựa phi.

Vị A La Hán khi nhận cảnh rất tốt thì đồng lực hạnh hỷ thọ (somanassasahagata kriyājavana citta) khởi lên, nếu nhận cảnh tốt hay cảnh bất mỹ thì đồng lực hạnh xả thọ (upekkhāsahagata kriyājavana citta) khởi lên. Đây là quy luật cố định hiện khởi đồng lực hạnh của vị Thánh Lộ tận.

Từ khuôn mẫu này, ta suy ra nụ cười của vị A La Hán.

Nụ cười của vị Thánh Vô lậu

Đức Phật hay vị A La Hán khi thấy cảnh không tốt như Đức Phật thấy cảnh vua Suppabuddha sẽ bị đất rút sau 7 ngày, hay Đức Mogallāna (Mục Kiền Liên) thấy ngạ quỷ ở núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) các Ngài vẫn có thể mỉm cười. Phải chăng các Ngài dùng đồng lực hạnh hỷ thọ để ghi nhận những hình ảnh ghê tởm, xấu xí ở trên?

Thật ra, khi thấy cảnh bất mỹ, các Ngài khởi lên đồng lực hạnh xả thọ, trải qua hàng trăm hàng ngàn lộ như thế, sau đó các Ngài quán xét về hạnh nghiệp đã huân tập của ngạ quỷ ấy cũng bằng đồng lực hạnh xả thọ với hàng trăm hàng ngàn lộ quán xét.

Tiếp đến Ngài quán xét đến tình trạng an ổn tuyệt đối của mình, không còn bị luật sanh tử luân hồi chi phối qua thượng pháp tánh đã thành tựu viên mãn, hàng trăm hàng ngàn lộ quán xét này cũng là đồng lực hạnh xả thọ.

Khi nhận thấy thượng pháp tánh đã viên mãn, các Ngài mới hoan hỷ mỉm cười, bấy giờ mới là đồng lực hạnh hỷ thọ sanh khởi.

Vì tốc lực tâm sanh diệt quá mau lẹ, tâm lộ biết cảnh ngạ quỷ, tâm lộ quán xét hạnh nghiệp của ngạ quỷ, tâm lộ quán xét tình trạng an ổn và biết cảnh thượng pháp tánh nối đuôi nhau sanh khởi liên tục chặt chẽ, nên có sự lầm lẫn cho rằng vị Thánh Vô Lậu nhận cảnh bất mỹ bằng đồng lực hạnh hỷ thọ.

Cảnh thượng pháp tánh là cảnh cực tốt mới phát sanh đồng lực hạnh hỷ thọ, từ đó phát sanh nụ cười của vị Thánh Vô lậu, còn những cảnh ngạ quỷ v.v... là do đồng lực hạnh xả thọ

ứng xử.

Đồng lực thiện, đồng lực bất thiện có tính bất định ra sao?

Đối với cảnh ngũ, đồng lực thiện và đồng lực bất thiện lại có tính bất định.

Có nhiều trường hợp cảnh rất tốt hay tốt, nhưng đồng lực lại bất thiện, như có người thấy người khác tổ chức đại thí sự, khởi sanh tâm bất bình (vị quan đại thần của vua Pasenadi không hài lòng khi thấy Đức vua tổ chức Đại thí Vô song), hoặc thấy lâu đài mỹ lệ khả ái lại sanh tâm bất thiện tham, như Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế) muốn chiếm đoạt lâu đài của Trưởng giả Jotika.

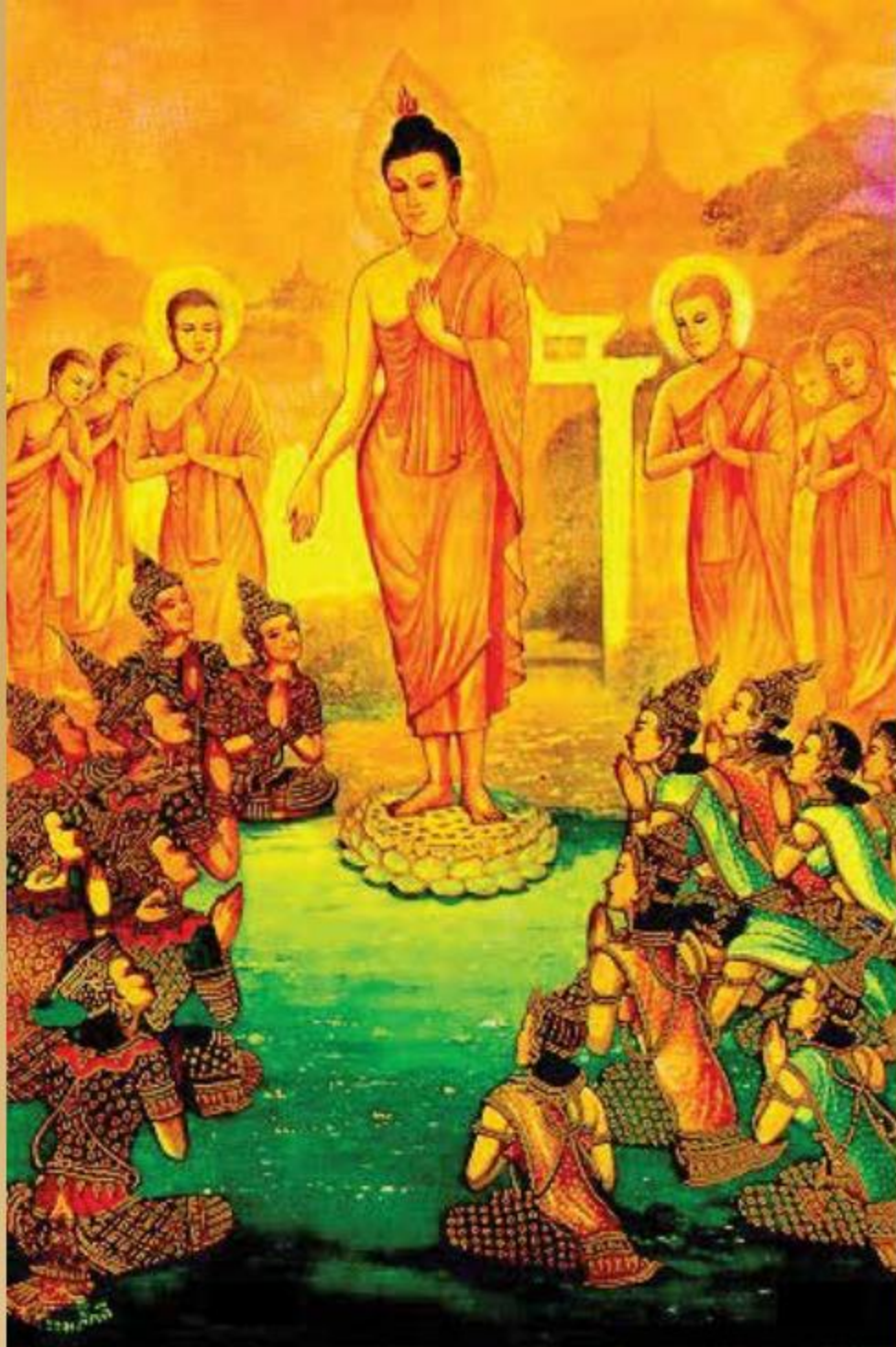
Trái lại, khi thấy cảnh xấu lại phát sanh tâm thiện, như thấy người ăn xin khốn khổ, thân thể đầy thương tật, phát sanh tâm từ bi ...

Nói chung, bất luận là cảnh tốt hay xấu, nếu khởi lên đồng lực bất thiện là do tác ý không khéo (ayoni so manasikāra), còn khởi lên đồng lực thiện thì do có tác ý khéo (yoni so manasikāra), chính tâm đoán định là chủ yếu trong giai đoạn này, tức là ngay vào sát na tâm đoán định, nếu có tác ý khéo thì đồng lực thiện sanh khởi, nếu là tác ý không khéo thì đồng lực bất thiện sanh khởi.

Tác ý khéo có được là do huân tập niệm - tỉnh giác (satisampajañña), còn tác ý không khéo do thường thân cận với pháp điên đảo (vipallāsa dhamma).

Tâm đoán định trong lộ ngũ chính là tâm Hướng ý môn (manodvāravajjana citta). Do mở cửa cho đồng lực sanh khởi, nên tâm Hướng ý môn còn có tên gọi là manasikārajanavāthi (Tác ý thành đồng lực).

Tâm đoán định đối với đồng lực giống như người đầu bếp đối với ông chủ, nếu người đầu bếp sắp đặt món vật thực tốt (tác ý khéo), người chủ sẽ dùng loại vật thực hữu ích (đồng lực thiện), nếu người đầu bếp sắp đặt loại vật thực có hại (tác ý không khéo), người chủ dùng vật thực ấy sẽ trở nên bệnh hoạn (đồng lực bất thiện) và người chủ chỉ dùng loại vật thực do người đầu bếp sắp đặt mà thôi (ám chỉ tâm đồng lực chỉ sanh khởi khi tâm hướng ý môn đã sanh trước). ●



Vài Nét Về Học Và Dạy Vi Diệu Pháp

Nguyên tác: Trưởng lão Jotika
Biên dịch: Giác Nguyên

Tụ (Dhammasangani - sarūpatthanissaya).

* Lớp đầu tiên của cấp trung học phải học về 2 chương 4, 5 của bộ Abhidhammattha Sangaha .

- Lớp giữa học về 2 chương 8, 9 của Abhidhammattha Sangaha .

- Lớp cuối học về bộ Dhātukathā (Chất ngữ - Dhātu kathāsarūpatthanissaya).

* Lớp đầu của cấp đại học là học về bộ Yamaka (Song Đối - Yamakasarūpattha nissaya)

- Lớp giữa cũng học về Yamakasarūpatthanissaya nhưng từ phần (bhāga) 2, 3 thay vì lớp đầu chỉ học tới phần 1.

- Lớp cuối cấp này là học về Mahapatthānasarūpatthanissaya (Bộ Vị trí).

Nói về trình độ của giảng sư thì có 6 bậc

- Bậc giảng sư Vi Diệu Pháp (Abhidhammakathika) thấp nhất là đủ khả năng triển khai, giảng dạy 3 chương đầu của bộ Abhidhammattha Sangaha theo Atthakathā vāṭika.

- Bậc giảng sư kế tiếp (tức cao hơn) một bậc thì đủ khả năng giảng dạy 3 chương 5, 6, 7 của bộ Abhidhammattha Sangaha dựa theo Atthakathāvāṭika.

- Bậc giảng sư thứ ba là phải đủ khả năng giảng dạy 3 chương còn lại của bộ

Tại trường Đại học Vi Diệu Pháp Ghositārāma (Abhidhamma-mahāvijjālaya) ở tỉnh Dhanpuri - Thái quốc; chương trình học được sắp xếp theo từng lớp Tăng sinh và Giảng sư. Có tất cả 9 lớp, 3 lớp đầu được gọi là Diệu pháp Tiểu học (Cūlābhidhammika), 3 lớp giữa được gọi là Diệu pháp Trung học (Majjhimbhidhammika), 3 lớp cuối được gọi là Diệu pháp Đại học (Mahā abhidhammika). Lớp nhỏ nhất của mỗi cấp được gọi là đệ tam, lớp lớn nhất được gọi là đệ nhất.

Sau đây là chương trình học của Tăng sinh và tiêu chuẩn trình độ của giảng sư:

* Tăng sinh lớp I của cấp tiểu học phải học về 3 chương 1, 3, 6 của bộ Abhidhammattha Sangaha (Vi Diệu Pháp tập yếu).

- Lớp II của cấp tiểu học phải học về 2 chương 3, của bộ sách ấy (Abhidhammattha Sangaha).

- Lớp cuối của cấp tiểu học phải học về bộ Pháp



trả lời.

8) Chỉ nên đi sâu vào từng bài, không nên giảng dạy ngoài lề hay đi qua bài khác, nếu không học viên sẽ rối trí mất.

9) Phải biết làm thế nào để học viên chỉ hỏi những gì trong bài đang học đừng cho họ hỏi những điều lạc

đề.

10) Mỗi tuần lễ nên dành ra một ngày ôn tập cho học viên đừng quên những bài đã học trong tuần.

Riêng về học viên Abhidhamma cũng có 10 điều cần thiết.

1) Nên học thuộc lòng những câu Chánh tạng bằng Pāli và lời giải cho nhuần nhuyễn, tất nhiên là chỉ học những câu quan trọng thôi.

2) Phải trả bài cho thầy nghe.

3) Phải ráng nhớ kỹ những lời thầy giảng và phải biết nói lại.

4) Điều nào chưa hiểu phải đem hỏi thầy ngay.

5) Phải biết nắm lấy những gì cốt lõi căn bản của mỗi bài học để khi trở về suy xét sâu rộng thêm.

6) Không nên hỏi thầy những vấn đề ngoài lề, không liên quan gì tới bài vở đang học.

7) Không nên ngồi thụ động trong lớp, ngoài việc ngồi nghe và viết còn phải đọc bài bằng miệng.

8) Trước khi muốn trả lời câu hỏi do thầy đưa ra, học viên phải suy xét cẩn thận, thấu đáo không nên nói bừa, nói ẩu.

9) Mọi học viên đều phải siêng trả lời các câu hỏi trong lớp không nên thụ động, lười nhác suy nghĩ. Còn đúng hay sai thì do ông thầy nhận định, miễn sao học viên tích cực động não thì thôi.

10) Đã vào học rồi thì phải kiên trì. Đó chính là điều để trau dồi 5 quyền (tín, tấn, niệm, định, huệ) của mình cho ngày càng vững mạnh. ●

Abhidhammattha Sangaha, đó là chương 4, 8, 9 dựa theo Atthakathā vāṭika.

- Bậc giảng sư thứ tư là phải đủ khả năng giảng dạy về 2 bộ Pháp tụ và Chất ngữ Dhātukathā (sarūpatthanissaya).

- Bậc giảng sư thứ năm là phải đủ khả năng giảng dạy về 3 bhaaga (phần) điều của Yamakasarūpatthanissaya.

- Bậc giảng sư cuối cùng mà cũng là cao nhất là đủ khả năng giảng dạy Mahāpatthānasarūpatthanissaya, Pāli-veyyākaraṇa (Vi Diệu Pháp Pāli), dịch Pháp cú và Atthakathā.

Vị giảng sư Abhidhamma phải biết lo việc cần làm sau đây:

1) Trước hết cho học viên đọc kỹ bài vở sắp giảng.

2) Trong bài nào có Pāli thì phải dịch và giải sơ lược cho học viên nắm trước, rồi bắt họ đọc tới lui cho nhuần nhuyễn.

3) Sau khi học viên đã nắm lòng bài vở rồi thì phải giảng cho họ hiểu thêm nữa.

4) Sau khi giảng xong bắt học viên giảng lại những gì đã được nghe.

5) Phải tạo điều kiện như là gợi ý thế nào đó cho học viên đặt câu hỏi về những cái họ chưa biết.

6) Phải biết tìm ví dụ, hình ảnh hóa, minh họa rõ ràng trong khi trả lời cho học viên.

7) Sau đó phải đặt câu hỏi cho học viên trả lời, nếu họ trả lời sai thì phải hướng dẫn họ, nêu rõ ý nghĩa của vấn đề cho họ hiểu biết để

Giao lưu với Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh



Bài và ảnh: Chơn Minh

PV: Xin Thượng tọa cho biết đôi nét về cuộc đời từ thuở thiếu thời đến lúc tốt nghiệp Tiến sĩ?

Thượng tọa Bửu Chánh: Tôi sinh năm 1961 trong một gia đình làm nghề đánh cá tại xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Năm 1966 vì chiến tranh ác liệt gia đình tôi đã rời bỏ quê hương để vào sinh sống tại TP Vũng Tàu. Học hết bậc tiểu học tôi xuất gia tại chùa Phước Hải TP Vũng Tàu với Hòa thượng Thiện Tâm, năm 1974 thọ giới sadi với Hòa thượng Bửu Chơn tại chùa Phổ Minh quận Gò Vấp; năm 1981 thọ giới tỳ khưu với Hòa thượng Tịnh Sự tại chùa Trúc Lâm quận 6, thầy yết ma là Hòa thượng Siêu Việt và Hòa thượng Kim Cang. Sau đó tôi tiếp tục học tại trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Viện Khoa học Xã hội tại TP Hồ Chí Minh, trường Cao cấp Phật học Việt Nam 2. Tôi đã tốt nghiệp cử nhân sử học, cử nhân văn chương, cử nhân Phật học, cao học lịch sử, Đại học đại cương Anh văn.

Năm 1995 tôi được du học tại trường Đại học Delhi - Ấn Độ, năm 1997 tốt nghiệp MA (thạc sĩ), năm 1999 tốt nghiệp M.Phil (tương đương phó Tiến sĩ), năm 2002 tốt nghiệp văn bằng Ngôn ngữ và văn học Pāli, năm 2004 tốt

nghiệp Tiến sĩ Phật học.

PV: Kể từ lúc hoàn tất việc học ở nước ngoài về nước đến nay, thì công việc hoằng pháp của Thượng tọa cụ thể bao gồm những lãnh vực nào?

Thượng tọa Bửu Chánh: Tôi hoạt động chủ yếu về lãnh vực hoằng pháp cho phật tử và ngành giáo dục tăng ni. Từ khi xuất gia đến nay, tôi thành lập được 5 chùa Phật giáo Nguyên thủy, thuyết pháp trên 500 bài. Hiện nay tôi công tác giảng dạy ở các Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Hà Nội, TP. Huế, TP. Cần Thơ, Cao đẳng Phật học Đại Tông Lâm Bà Rịa, Cao đẳng Phật học Đồng Nai. Bộ môn tôi phụ trách là kinh điển Nikāya, luận tạng Abhidhamma và cổ ngữ Pāli.

PV: Điều gì làm Thượng tọa tâm đắc nhất trong hoạt động Phật pháp của bản thân?

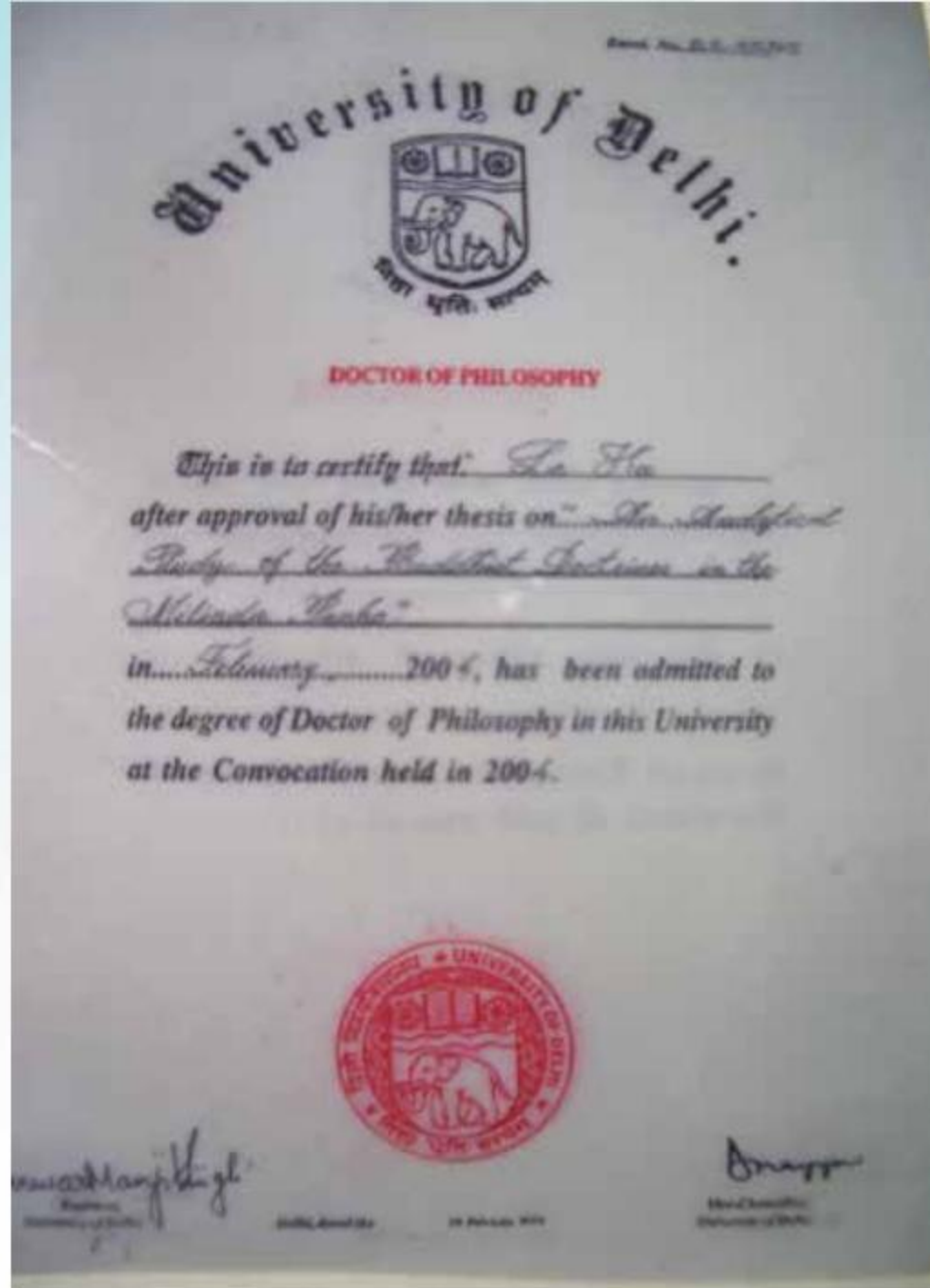
Thượng tọa Bửu Chánh: Được có cơ hội phục vụ Phật pháp ngay trên quê hương bằng chính sở học được tích lũy trên xứ Phật là điều mà tôi rất hoan hỷ. Được thấy mọi người thấm nhuần những lời dạy của Đức Phật, ứng dụng tu tập hằng ngày và có được những lợi lạc ngay trong hiện tại thì tôi vô cùng hạnh phúc.

PV: Hiện nay Thượng tọa đang đảm nhiệm chức vụ gì trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam?

Thượng tọa Bửu Chánh: Hiện nay tôi được cử đảm nhận các nhiệm vụ như: Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban Hoằng pháp Trung ương, Phó Viện trưởng kiêm Trưởng phân khoa Pāli Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, Phó ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai, Trụ trì Thiền viện Phước Sơn (trung tâm thiền Vipassanā - Tứ niệm xứ có trên 300 tăng ni cư sĩ thực tập thiền hằng ngày).

PV: Đối với Tăng ni trẻ và Phật tử là hàng hậu duệ của Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa có những kỳ vọng và dặn dò nào không?

Thượng tọa Bửu Chánh: Lúc còn đi học, bản thân tôi tâm đắc nhất câu nói của Lê Nin ở tận nước Nga xa xôi: "Học, Học nữa, Học mãi" và câu nói "Nhiệt tình cộng với ngu dốt thành phá hoại".



Giáo sư K.T.S. Sarao (Trưởng phân khoa Phật học tại Đại học Delhi) & Tiến sĩ R.K. Rana (Giáo sư dạy bộ môn Phật giáo Trung Quốc tại phân khoa Phật học Đại học Delhi) chụp ảnh lưu niệm cùng sinh viên Việt Nam, Miến Điện, Thái Lan, Ấn Độ tại Hội hoa xuân trường Đại học Delhi (TT Bửu Chánh người đứng bìa phải)

Chính vì thế tôi mong các tăng ni sinh trẻ cố gắng học, cố gắng tu để tạo phước đức, phước trí cho bản thân. Đối với việc tu học và thực hành theo truyền thống Nam tông là các tăng ni, Phật tử ngoài việc học tập kinh, luật bình thường, thì cần phải đào sâu thêm môn Abhidhamma, môn cổ ngữ Pāli; về pháp hành cần phải thực hành pháp môn thiền Vipassanā (Tứ niệm xứ); đồng thời nếu như các tăng ni sinh có nguyện vọng đi du học thì ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Hoa là điều không thể thiếu, nếu như các tăng ni trẻ cố gắng học tập như thế thì khi các vị thế hệ trước trở về "Cát bụi" thì thế hệ sau mới có đủ điều kiện kế thừa giáo pháp ngũ hầu làm "Tốt đạo đẹp đời".

PV: Xin kính tri ân Thượng tọa đã cho chúng con có được buổi trò chuyện ngày hôm nay, chúng con kính chúc Thượng tọa luôn là bóng mát cho Tăng ni trẻ cũng như hàng Phật tử chúng con noi theo. ●

Dấu Tích Thành Cổ Thiên Liêng Baranasi (Ba La Nại) trong khảo cổ học và kinh điển Pāli

Ths. Hoài Lan

Thành cổ Baranasi (Ba – La – Nại) hay còn có tên gọi khác như: Varanasi hoặc Benares qua nhiều thời kỳ, Varanasi cũng được biết đến với nhiều tên gọi như Avimuktaka, Anandakanana, Mahasmasana, Surandhana, Brahma Vardha, Sudarsana, Ramya và Kasi là thủ đô của xứ sở Kasi – Janapada, tên gọi này có lẽ căn cứ trên thực tế, thành phố nằm giữa hai con sông: sông Varuna về phía Bắc và sông Assi về phía Nam chảy vào sông Hằng. Tên gọi Varanasi đọc là Baranasi trong tiếng Pāli, tạo ra tên Banaras. Tọa lạc tại 25.3333° kinh Bắc 83° kinh Đông thuộc khu vực trung thổ đồng bằng sông Hằng, miền bắc Ấn Độ. Một thành phố có liên hệ sâu sắc với sông Hằng và tầm quan trọng về tôn giáo của sông Hằng. Thành phố này đã là một trung tâm Tôn giáo và văn hóa ở Bắc Ấn Độ trong hàng ngàn năm qua.

Các nhà khảo cổ học đã tiến hành khai quật và đã tìm thấy vết tích của kinh thành cổ này ở

độ sâu 4m, những di vật được phát hiện có liên quan đến vật dụng đất nung đỏ (Red ware), thời kỳ vàng son của thành cổ này khoảng thế kỷ thứ III – IV TCN, bằng cách sử dụng phương pháp C14, các nhà khoa học đã xác định niên đại dao động từ 800 – 500 năm TCN.

Như vậy, căn cứ theo kinh điển Đức Phật đã chuyển pháp luân tại nơi vườn Lộc Uyển Migadavam trong khu vực Isipatana, nơi đây là trung tâm thương mại rất quan trọng thời Đức Phật, là trung tâm giao dịch thương mại trực tiếp với thành phố Taxila, Savatthi, từ Veranja đến Baranasi bằng hai con đường: Các thương buôn có thể vượt qua vùng Soreyya để đến Baranasi và con đường gần hơn là vượt sông Hằng, từ Baranasi các thương buôn có thể tiếp tục lộ trình của mình đến Vesali.

Trong Jataka tích truyện 23 Bhojjaniya có đề cập đến những dữ kiện về thành Baranasi như sau: "Tất cả những vương quốc lân bang

đều muốn thôn tính và giành quyền cai trị khu vực kinh tế, văn hóa quan trọng này". Đến thời kỳ Đức Phật thì Baranasi mất đi quyền độc lập về chính trị.

Đức Phật cũng đã cư ngụ tại đây trong nhiều lần và đã giảng một số bài kinh quan trọng như: Vattha sutta, Kotthita sutta, Saccavibhanga sutta và một số tích truyện Jataka liên quan đến thành cổ Baranasi như: Udapanadusaka Jataka, Bhojajaniya Jataka, Kandari Jataka v.v...

Rất nhiều những vị trưởng lão, những nhân danh nổi tiếng cũng đã liên quan đến khu vực thành cổ này như ngài: Dhammasena, vị Arahant có liên quan đến việc thành lập ngôi đại tháp và nền móng Phật giáo tại Tích Lan Anuratharapura, hay Nandiya, Kesakari v.v... nơi đây cũng chính là quê hương của Đức Phật Kassapa.

Với những ghi nhận trong thư tịch cổ và khảo cổ học, UNESCO đã công nhận nơi đây là di tích lịch sử văn hóa, với nhiều chứng cứ khảo cổ được khai quật như:

1. Khu vực tường cổ nằm tại Chandravati Baranasi
2. Ngôi tháp cổ có tên Cahukhandi ở Baraipur Baranasi
3. Ngôi thành cổ nằm tại Hatimpur.

4. Ngôi đại tháp Dhamek Stupa (nằm trong khu vực Isipatana Migadavam) được khai quật năm 1984 - 1985 bởi Cetal với diện tích 53.04 mẫu.

5. Những ngôi mộ, nghĩa trang cổ gần bên thánh tích.

Và nhiều di tích nền móng của một thời phồn thịnh của thành cổ Baranasi. Với những dữ kiện trên cho chúng ta thấy tầm quan trọng của dấu tích thành cổ Ba-la-nại (Baranasi) trong việc xác định niên đại Phật giáo.

Nơi đây không những là một nơi phồn thịnh mà còn là trung tâm Tôn giáo của đạo Hindu, gần liền với sông Hằng linh thiêng và trường Đại học BHU (đại học Hin Đu giáo) càng linh thiêng hơn với Dhamek Stupa nơi thánh tích Đức Phật chuyển pháp luân tại vườn Lộc Uyển cách đây hơn 2.500 năm, Ngài đã "Mở đạo dạy đời" đánh dấu một kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại, một nhận thức mới về con người, đẳng cấp, phụ nữ dân tộc với thái độ bình đẳng... và cũng tại nơi đây sau 25 thế kỷ Đại đức Tường Quang đã mang Phật giáo Nguyên Thủy trở về nơi cội nguồn của đạo Pháp, Đại đức đang xây dựng một công trình vĩ đại với tầm vóc quốc tế, ngôi chùa Đại Lộc bao gồm nhiều hạng mục như: Tượng Phật Hồng Thạch cao 18 mét, gác chuông mô phỏng theo hình chùa Một Cột, tầng xá, v.v... Đó là một niềm vinh dự cho Quốc gia, dân tộc, và Phật giáo nước nhà. ●



 ác khoa học gia về não đã thí nghiệm thành công việc lừa một người, khiến người đó tưởng rằng mình đang ở trong cơ thể một người khác hoặc trong một người nộm bằng nhựa.

Kinh nghiệm ngoài cơ thể - dễ thuyết phục đáng ngạc nhiên - sẽ giúp các nhà nghiên cứu hiểu cách thức bộ não tạo ra cảm giác về cái "Tôi" thể xác. Sự nghiên cứu này có lẽ cũng dẫn đến những ứng dụng thực tế như những bộ điều khiển từ xa trực giác hơn đối với những robot, những điều trị về đau tay chân ảo giác ở các bệnh nhân bị cưa tay chân và có khả năng chữa trị chứng biếng ăn.

Cuộc nghiên cứu này tiếp theo một nghiên cứu liên hệ vào năm ngoái trên cùng một nhóm người thí nghiệm, trong đó các nhà khoa học đã thuyết phục các tình nguyện viên rằng họ đang kinh qua cảm giác vận động ngoài cơ thể. Đó là lần đầu tiên được thực hiện trong phòng thí nghiệm và chứng tỏ rằng chẳng hạn những kinh nghiệm tinh thần mãnh liệt mà những bệnh nhân thỉnh thoảng có được trong khi đang ở trên bàn mổ nay đã có câu giải thích một cách khoa học.

Tiến sĩ Henrik Ehrsson, thuộc Viện Karolinska ở Thụy Điển nói: "Chúng tôi rất muốn biết cách thức hoạt động thường tình của nhận thức, làm sao chúng ta nhận thức được về cơ thể của mình, và chúng tôi làm việc đó bằng cách nghiên cứu các ảo tưởng về nhận thức này. Cốt yếu là tùy thuộc vào cảm thức thị giác và cái gọi là sự tích hợp đa giác quan hay sự phối hợp giữa những tín hiệu thị giác và xúc giác."

Trong một nghiên cứu mới, Ehrsson và đồng nghiệp của ông, Valeria Petkova, gắn hai camera vào đầu một người nộm. Chúng được kết nối vào hai màn hình nhỏ được đặt trước mắt những người thí nghiệm. Điều này cho một ảo giác rằng chính người thí nghiệm đang nhìn vào mắt của người nộm. Ví dụ, khi nhìn xuống họ chỉ thấy cơ thể của người nộm chứ không thấy cơ thể của chính họ. Kỹ thuật này giống như "Ảo giác bàn tay cao su", trong đó người thí nghiệm có thể tin rằng bàn tay cao su đó chính là bàn tay của mình, nhưng đây là lần đầu tiên ảo giác ấy dàn rộng trên toàn cơ thể.

Ảo giác này thuyết phục đến nỗi khi các nhà nghiên cứu dùng dao dọa người nộm thì thấy phản ứng đáp trả gia tăng trên da người thí nghiệm được

"CÁI TÔI" *chỉ là sự đánh lừa* *của tâm thức⁽¹⁾*

Dịch giả: Thích Tâm Đức

đo bằng đèn báo hiệu sự căng thẳng của máy phát giác sự nói dối. Ehrsson nói: "Điều này cho thấy rất dễ làm thay đổi nhận thức của bộ não về cơ thể. Bằng cách thay đổi những ấn tượng cảm giác, người ta có thể lừa "Cái tôi" không những ra ngoài cơ thể của nó mà còn vào các cơ thể khác nữa.

Mọi việc thậm chí còn kỳ lạ hơn khi các nhà nghiên cứu bỏ người nộm đi và đặt những camera lên đầu của một người khác. Sau khi đánh vào cả hai người thí nghiệm thì họ tin rằng họ đang có cảm giác như chính họ đang là người kia. Ảo giác thậm chí vẫn như vậy khi người kia tiến tới và bắt tay người thí nghiệm, tạo ra ở người thí nghiệm cảm giác như thể họ đang tự bắt tay nhau.

Các nhà nghiên cứu định dùng ảo giác ngoài cơ thể để thử chữa cho những bệnh nhân cụt tay chân hay có cảm giác đau nơi tay hay chân họ bị cụt. Ehrsson nói: "Chúng tôi bắt đầu nhận thấy có thể có sự liên hệ giữa cảm giác đau và cảm giác sở hữu cơ thể."

Một góc độ tiềm năng khác cho nghiên cứu là hình ảnh cơ thể ở những bệnh nhân mắc chứng biếng ăn. Những người này bị ám ảnh nhiều quá với việc giảm cân đến nỗi họ gầy đi một cách nguy hiểm. Ông nói: "Có khả năng giải pháp này được sử dụng làm công cụ chẩn đoán mới và có thể các công cụ chữa trị sẽ ra đời và giúp người ta nhận ra rõ ràng hơn kích thước thật sự của họ."

Một ứng dụng khác là dùng vào những robot điều khiển từ xa, chẳng hạn ở các nhà máy nguyên tử hoặc trong phẫu thuật. Ehrsson nói: "Hy vọng là tạo được trong bạn ảo giác hoàn toàn rằng mình là một robot." ●

1. James Randerson, "Body swap research shows that self is a trick of the mind", the Guardian, Dec. 3, 2008.

Nếu bạn là Bồ tát

Khánh An sưu tập

Nếu bạn là Bồ tát, bạn phải tạo quyết tâm lớn rằng nhiều người đang loạng choạng trong bóng tối còn bạn đã chứng ngộ. Vậy bạn phải đem điều bạn chứng ngộ chia sẻ với mọi người. Sự quyết tâm ấy sẽ tạo ra tâm trí mới từ bi (compassion); tâm trí cũ gọi là đam mê (passion) sẽ tự biến mất. Từ bi là đam mê đến độ làm đam mê nở hoa. Tâm trí mới gọi là từ bi sẽ giữ bạn ở lại "bờ" này thêm ít lâu; giúp người này ngược mắt nhìn sang bờ kia; giúp người kia nhận ra con đường đi tới bờ giác. Đây là một trong những phương pháp của Phật.

Prabhavecta có nghĩa là làm nức lòng, rút lấy sức mạnh ở lòng Từ. Hãy làm điều bạn muốn làm nhưng sau đó hãy mất hút trong nó. Buông bỏ bản thân trong nó. Tan biến bản thân trong nó. Sự tan biến trở thành giải thoát.

Phật là tấm gương trống rỗng. Ngài đơn giản phản ánh sự tồn tại như nó hiện thể (Yatha bhatam). Ngài như gương chẳng nói gì chỉ phản xạ mọi cái đang có trước mặt gương. Không có triết lý để thuyết giảng. Sự tồn tại là triết lý của Ngài. Bất cứ điều gì Ngài nói là kinh nghiệm đều mang tính tồn tại, là cái vượt ngoài mọi tâm trí. Bởi chừng nào tâm trí bạn chưa biến mất bạn sẽ chưa thấy được bản thể Bồ đề chưa thể là Bồ tát.

Bạn cứ thử giải thích với một em bé mà những ham muốn tình dục còn chưa hình thành, đứa bé sẽ nói với bạn rằng tất cả những điều đó là vô nghĩa.

Bạn giải thích với em bé 4 tuổi rằng bạn đang yêu, đứa bé sẽ nhìn bạn với ánh mắt rằng bạn đang nói gì vậy? Cái thứ tình yêu đó là gì vậy? Tất cả những câu chuyện, những trạng

thái lãng mạn, bài thơ, lời hát v.v... những thứ làm cho bạn xúc động, tim bạn hồi hộp đều không thể kể lể, không có một chút ý nghĩa nào đối với một đứa bé, vì chúng chưa hề biết chút nào về những gì bạn đang kể. Phật nói: "Khi ham muốn chưa nảy sinh thì không có cách nào truyền đạt bất cứ điều gì cả".

Cũng ham muốn (wasara), cũng năng lượng ấy có vào rồi mới có ra, thoát khỏi; có phát sanh sẽ có lúc bị vứt bỏ. Mọi thứ sinh ra là để chết đi. Khi đứa bé xúc động trước cái nó chưa từng được biết, nó nhận được làn gió ham muốn, đam mê lớn, ngọn lửa nhen nhúm trong nó, nó sẽ chẳng bao giờ còn nhìn vào mọi vật hồn nhiên như trước đó nữa, bỗng nhiên đứa bé phát hiện rằng giấc mơ không còn nữa, rằng niềm đam mê đã nguội lạnh, đã biến mất, rằng cơn bão tố đã từng đến, đã từng đi, còn lại sự im lặng hoàn toàn.

Những năng lượng của bạn của đứa bé đã được tham gia vào ham muốn, ham muốn biến mất năng lượng đi về đâu?

Bạn và đứa bé đã trưởng thành vẫn tạo ra năng lượng qua thở, qua thức ăn, qua tập luyện, qua cuộc sống diễn tiến v.v... Khi đam mê (passion) không còn có ý nghĩa chủ đạo bản ngã biến mất. Năng lượng cứ biến đổi từ thiên nhiên qua con người; năng lượng vừa năng lượng lớn vẫn đang có sẵn, con đường cũ không còn. Năng lượng rung động, năng lượng thuần khiết này sẽ đi đâu?

Năng lượng vẫn đó, chẳng phải đi đâu, về đâu để kiếm để tìm.

Phật đặt cho nó một từ khác. Ngài gọi là "kamma" Từ bi! (compassion) là công việc thường hằng của Bồ tát. ●

Lại Chuyện Sầu Riêng

Như Quang

Cách đây bốn năm tôi có viết một bài mang tựa đề Sầu Riêng. Tuy mang tựa là Sầu Riêng nhưng nội dung bài viết đó chẳng liên quan gì đến thứ trái cây cao cấp nổi tiếng nhờ mùi thơm và gai nhọn mà lại liên quan đến một cơn bão dữ đem đổ nát, điều tàn đến cho chùa Bồ Đề tại Vũng Tàu. Không như những cơn bão trước đây đều được mang tên người đẹp, cơn bão Sầu Riêng, dù mang tên một thứ trái cây, cũng đã biểu lộ hết sự độc ác, gai góc của nó bằng những cảnh điều tàn để lại nơi nó đi qua.

Lần nữa tôi muốn viết về sầu riêng vì hình như tôi có oan trái với loại trái cây này. Không hiểu sao qua đến Canada tôi mới trở chứng thích ăn sầu riêng, loại trái cây vừa mắc, vừa không ăn lên ai được. Xứ lạnh, ở đâu cũng cửa kính kín mít nên một thứ mùi nào dù nhẹ đến đâu cũng trở thành nặng nề khó chịu đừng nói chi đến cái mùi đặc thù của sầu riêng.

Trong gia đình tôi không ai ăn sầu riêng nên mỗi khi tôi mua sầu riêng về là có phiền não xảy ra, chồng con đều phản nản. Cũng khổ, thứ trái cây gì mà mùi thật nặng, hột vỏ gì cũng bay mùi! Có một lần đi thăm anh chị ở xa, tôi đem theo những múi sầu riêng vàng tươi làm quà tặng cho người chị dâu vì chị rất thích ăn sầu riêng mà loại trái cây này nơi chị ở lại quá mắc. Tôi hứa hẹn sẽ đem cho chị một hộp lớn vì chỗ tôi ở đang bán sầu riêng đại hạ giá. Tôi cẩn thận cạy những múi sầu riêng xếp vào trong hộp, đậy nắp kín và gói bằng nhiều lớp nylon. Vậy mà ra đến phi trường nó tỏa mùi sức nức như khu bán sầu riêng ở chợ Bến Thành. Trong lúc xếp hàng chờ cân hành lý, những người

đứng cạnh tôi đều chun mũi hỏi nhau mùi gì mà hôi quá! Ông xã tôi đứng bên cạnh cứ càu nhàu hết chuyện rồi sao, đi máy bay mà đem theo sầu riêng còn cô con gái thì mắc cỡ ngó đi chỗ khác không dám nhìn một ai! Tôi không biết làm sao với hộp sầu riêng, bỏ đi thì chẳng tiếc tiền, tiếc công nhưng tôi sợ chị mình thất vọng vì tôi đã hứa sẽ đem sầu riêng cho chị. Cuối cùng tôi làm ngơ trước những sự phản nản, gói hộp sầu riêng theo mớ hành lý.

Từ khi tu tập Thiền quán tôi loại bỏ nhiều thói quen trong đó có thói quen ăn sầu riêng vì sợ mình dính mắc với thức ăn. Nhiều lần tôi kinh nghiệm lỡ ăn một thức ăn nào vừa ý mà không có chánh niệm là lúc hành thiền tâm tôi nhắc đến loại thức ăn đó ngay. Những bài học này dạy cho tôi biết thực phẩm là loại dính mắc khó tháo gỡ nhất. Tôi đơn giản hoá chuyện ăn uống của mình để nhẹ nhàng khi hành thiền và cũng để giữ gìn sức khỏe vì ngày nay đa số thực phẩm đều bị nhiễm độc nặng nề.

Tôi gặp lại trái sầu riêng trong dịp tôi tham dự khóa thiền tại Vancouver. Vancouver là thành phố lớn nằm về phía Tây của Canada và là nơi tập trung đủ sắc dân vì lý do rất đơn giản: khí hậu Vancouver ấm áp. Dân số châu Á tại Vancouver, nhất là Trung Hoa, khá đông. Việt Nam, Lào, Thái, Campuchia v.v... Do vậy ai muốn ăn trái cây, rau cải tươi là tìm đến Vancouver. Thực phẩm châu Á tại Vancouver vừa tươi, vừa ngon, vừa rẻ. Cũng tại ba cái vừa này mà nhà cửa Vancouver rất mắc, giá sinh hoạt rất cao, dù công ăn việc làm không dễ dàng như các nơi khác.

Sau khi mãn khóa thiền, các thiền sinh đã về

hết tôi còn ở lại chùa để tu thêm vài ngày. Tôi phát tâm xin được để bát một ngày. Tôi nhờ bác Ba công quả ở chùa dẫn đi chợ. Dù cố giữ chánh niệm tôi cũng không khỏi háo hức khi thấy những mặt hàng tươi, rẻ bày bán trong chợ. Khi đến quầy trả tiền tôi thấy chừng những hộp sầu riêng tươi chuyên chở bằng máy bay từ Thái Lan qua, trông rất hấp dẫn nên muốn mua dăng chư Tăng. Trong khi sầu riêng đông lạnh chỉ có 99 xu 1 cân thì giá sầu riêng tươi là 5 đô la, đắt gấp 5 lần. Dù hai tay xách hai giỏ nặng trĩu tôi cũng cố mua thêm một hộp sầu riêng để làm món tráng miệng cho chư Tăng. Tôi thấy chư Tăng sống kham khổ nên nghĩ đây là dịp để mình cúng dường vật thực cao quý và tâm hoan hỷ đến độ xách nặng lợi bộ về chùa vẫn không thấy mệt. Về đến chùa mấy bác cháu lăng xăng nấu nướng cho kịp giờ chư Tăng độ ngọc.

Sau khi chư tăng tụng kinh và bắt đầu độ ngọc chúng tôi xuống bếp dọn rửa bớt nồi niêu xoong chảo cho gọn. Quý bác ở chùa giữ đúng luật không ăn cùng lúc với chư Tăng mà chờ chư Tăng dùng xong mới dọn xuống bếp ăn. Chỉ hôm nào giữ bát quan trai các bác mới xin phép ăn sau chư Tăng một chút.

Theo thông lệ, hôm nay sau khi chư Tăng thọ thực xong các bác đem mâm của chư Tăng xuống bếp rồi mấy bà cháu cùng ngồi ăn. Tôi đi đâu cũng đem gạo lứt muối mè của mình theo nên chỉ ngồi ăn chung với các bác cho vui chứ không dùng đến thịt, cá. Bác Ba thấy vậy đưa đĩa trái cây cho tôi và bảo:

- Cháu không ăn thịt cá vậy ăn trái cây đi.

Tôi đáp:

- Dạ, con cũng ít ăn trái cây lắm.

Nói xong tôi nhìn lại đĩa sầu riêng vàng tươi liền nói thêm:

- Mà bữa nay có sầu riêng thấy ngon quá chắc con ăn một chút.

Không biết bao nhiêu năm rồi tôi mới ăn lại một miếng sầu riêng. Cái sở hữu tưởng đem trở lại mùi hương thơm ngát, vị béo ngọt ngào. Tôi chánh niệm nhắc mình coi tâm. Khi vị giác của tôi vừa tiếp xúc với miếng sầu riêng đầu tiên,

tôi cố theo dõi tâm mình. Tôi đang đi qua một lộ trình tâm thật lạ. Cái tâm hoan hỷ khi cầm hộp sầu riêng tại chợ không còn nữa mà chỉ còn lại một tâm sân bởi vì những múi sầu riêng vàng tươi đó là những múi sầu riêng sượng ngắt và nhạt nhẽo. Tâm tôi cầu nhàu sầu riêng gì vừa mắc mà vừa sượng, biết vậy khi nãy không mua. Rồi tôi quán xét tâm tôi xem tại sao mình sân dữ vậy. Và sau khi phân tích tận gốc rễ, biết ra tại sao tôi sân, tôi rợn người vì cái sự lừa lẹo của tâm và sự vi tế của tham. May nhờ thiền định tôi đủ sáng suốt để hiểu ra phiền não đến qua các căn, các môn, và quan trọng hơn hết, tôi dăng sầu riêng đến chư Tăng vì tôi muốn ăn sầu riêng chứ không phải tôi thực sự muốn dâng vật cao quý đến chư Tăng. Khi hiểu được như vậy tôi không thấy sân vì bị mua nhầm nữa mà lại cảm ơn người bán hàng và trái sầu riêng đã cho tôi một cơ hội nhìn thấu suốt tâm mình. Một trái sầu riêng ngủ ngầm trong tâm đã bị lột sạch đến tận cùng vỏ, ruột để cho tôi thấy rõ tâm mình. Nhờ thấy rõ tâm, tôi hy vọng mình sẽ tháo gỡ được oan trái với trái sầu riêng. ●



TRẦM HƯƠNG TÍN MỘ

TN. Diệu Thành

*Theravàda, chùa Tổ đây rồi
Có ngôi tháp mới dựng trời Nam phương
Rồng bay, mây cuốn cùng đường
Hư không lồng lộng, hoa hương ngát ngào*

*Lộng vàng rờ rờ trắng sao
Chuông ngân nhạc gió dạt dào phước duyên
Đời thiêng, tháp báu tọa thiền
Phật xưa tuệ định nhân thiên cúi đầu.*

*Cỏ hoa cây lá nhiệm màu
Rừng cây thở nhẹ, sắc màu hóa sinh
Tháp Gotama độ hữu tình
Trầm hương tín mộ lung linh vạn đời.*

*Công đức ai, chẳng tiếng lời
Tâm kinh để lại trần khơi phụng thờ
Sa-môn chiêm bái rần thơ
Khởi sựng nhẹ thoảng, hai bờ lặng không.*

NẶNG NGHIỆP

Tâm Uyên

*Con nay còn nặng nghiệp trần
Tâm thời niệm Phật, tay lần chuỗi thường
Nửa lòng đã cắt tơ vương
Nửa kia còn để dành thương một người
Chờ tâm tưởng kiến tánh rồi
Mà nay chưa thuộc một thời Kim Cang
Tụng kinh chữ cử nháy hàng
Thì ra con niệm tên chàng trong kinh
Ngại sư thấy được lòng mình
Nửa chừng gặp vội trang kinh lệ nhà.*

THIỀN CHÁNH NIỆM

Hiền Khánh - Hoa Huệ

*Đêm không ngủ thức tỉnh trong thiền
Quán thân tâm mọi miền cơ thể
Tận tế bào gốc rễ rõ minh
Bạc đau dồn lên vào máu thịt*

*Nghe từng bước lúc nghệt lúc thông
Mồ hôi đầm ướt chảy ròng ròng
Còn đau nhức liên hồi không dứt
Dường gân cốt như đã rã rời
Đến bất tỉnh không hề hay biết*

*Diệt tận cùng nghiệp quả rõ minh
Khi linh dậy như người bay bổng
Động tịnh gì tâm cũng hườn không
Qua cơn mộng không còn sanh diệt
Tuệ phân biệt thiền bát nhã là đây!*

GIẢI THOÁT LÀ GÌ?

TKH

*Giải thoát là gì? Là sự mở trói
Mọi buộc ràng mọi tình cảm ghét thương
Mọi đắng cay chua chát cuộc sống thường
Mọi chằng chịt khiến gây nhiều oan trái*

*Giải thoát là gì? Là thông dong tự tại
Sống an vui thư thái giữa cuộc đời
Nường thuyền từ lần bến giác xa xôi
Bờ giác ngạn yên bình trong lịch tĩnh.*

HỌC PHẬT

Bé Thiên An 8 tuổi

*Ghi nhớ trong tâm
Trong tâm không có
Là điều không nên*

*Những lời Phật dạy
Ta phải thực hành
Để giúp tâm hồn
Để giúp tương lai*

*Vì lời Phật dạy
Cho ta tươi sáng
Cho ta an lành*

*Có tâm đạo đức
Có tâm chia sẻ
Có tâm nhân ái
Có tâm thương yêu.*

Tương lai của chúng mình

Bé Thiên An 8 tuổi

*Ôi tương lai tươi sáng
Đang chờ đợi chúng ta
Bóng soi xuống mặt nước
Tới tương lai chân trời*

*Ôi tương lai sáng tỏ
Đang trên bầu trời kia
Sáng ló ông mặt trời
Sáng cho ta trí tuệ!*



ộng đoàn của những vị tỳ khưu là một gia đình tinh thần lớn. Những thành viên của nó có những bốn phận và nghĩa vụ đối với nhau. Quan hệ giữa thầy và trò là quan hệ giữa cha và con. Đức Phật dạy rằng, thầy (Acariya) xem đệ tử mình (Antevāsika) như chính con của mình và đệ tử xem thầy như chính cha mình. Vì vậy quan hệ giữa thầy tể độ (Uppajjhāya) và vị sư cùng sống chung một chùa (Saddhivihārika) thì cũng như người học trò phải chăm sóc thầy của mình và thầy cũng phải chăm sóc trò của mình cả tinh thần và vật chất. Thông thường học trò phải theo hầu thầy của mình nhưng nếu học trò ngã bệnh thì thầy cũng phải gần gũi chăm sóc trò dọn dẹp giường chiếu và mang cho trò những nước nóng và những việc cần thiết khác. Những chi tiết về bốn phận của họ đến với nhau được nói đến trong luật (Vinaya) cho thấy rằng họ phải có một đời sống cộng đoàn hòa ái, chân thành và tình yêu. Những vị sadi thường phải lễ độ giúp đỡ những yêu cầu của các vị tỳ khưu.

Các vị tỳ khưu phải biết cách cư xử thích hợp và phải theo quy tắc khi có mặt những vị tôn túc Trưởng lão. Họ không được quay tới quay lui hoặc ngồi sát những vị sư cao hạ; không được ngồi những chỗ ngồi cao hơn khi những vị tôn túc cao hạ ngồi thấp hơn; không được mang giày dép khi những vị tôn túc Trưởng lão không mang; không được huơ tay khi nói chuyện với những vị cao hạ ngay cả không được thuyết pháp hoặc trả lời câu hỏi mà không được phép của những vị cao hạ đang có mặt. Những chi tiết thích hợp về tư cách ở chùa, tại những nơi tắm và ở, những nơi công cộng đã được đề cập rất nhiều. Khi một vị sư đến xin thầy một đề mục thiền định (Kammadhana), vị đó phải đến trong tư thế lễ độ nhất. Vị này không được mang theo giới tử hoặc học trò của mình, không được mang theo giày dép và dù. Không được phép dùng nước do vị cao hạ rót. Ngay cả khi vị ấy rửa chân cũng phải rửa nơi mà vị thầy không thấy mình và tỏ ra là một người đệ tử rất khiêm cung đối với thầy trước khi thầy dạy đề mục thiền định.

Khi một vị sư đến một ngôi chùa với tư cách là một vị sư khách, những vị sư tại chùa phải đi đến niềm nở đón mang y bát và quạt của vị ấy, sắp xếp chỗ ngồi và giúp đỡ những gì vị ấy cần đến.

BỐN PHẬN ĐỐI VỚI TẶNG

Nguyễn Thanh Thiện (dịch)

Khi vị sư khách muốn từ giã những vị sư ở chùa thì nên mời vị ấy tiếp tục ở lại. Nếu những vị sư ở chùa không đối xử tử tế với những vị sư khách của họ thì điều ấy sẽ không tốt đối với họ vì họ sẽ bị người ta nói rằng, họ là những vị sư có cách cư xử kém cỏi, thiếu chân thành, hẹp hòi và những vị tỳ khưu khác hẳn là sẽ không thích đến viếng một nơi như vậy cho dù họ muốn đi ngang qua đường đó. Điều đó hẳn là một mất mát cho chùa và những vị sư đang sống tại chùa đó, họ hẳn nhiên bị đánh mất đi cơ hội kết thân với những vị sư uyên thâm và thánh thiện.

Thỉnh thoảng lại có những vị sư trẻ tuổi quá tinh nghịch và trẻ con. Có một câu chuyện lý thú về một vài vị sư trẻ tuổi tại chùa Bherapāsāna ở Rohana chơi một trò rất buồn cười. Có một người đăng trí ở cùng chùa tên là Uttara, những người sư trẻ tuổi bảo người đăng trí khoét thùng mái nhà Aggisālā và bảo cùng đi với họ vào rừng kiếm tranh về lợp nhà. Khi cỏ được cắt xong thành từng bó, các vị sư hỏi Uttara có thể mang nổi 50 bó không? Anh trả lời không. Kế đó họ hỏi anh có thể mang nổi 80 bó không? Uttara cũng từ chối. Các vị sư hỏi nếu vậy anh có thể mang nổi 100 bó chăng? Người đăng trí trả lời tôi mang nổi, thế là anh ta phải mang một đồng gồm 100 bó cỏ về chùa hết sức vất vả. Các vị sư ở chùa thấy Uttara đã mệt đừ. Uttara thưa với những vị sư ở chùa rằng, thưa các Ngài những vị sư trẻ này gặt con, khi con không thể mang nổi 50 bó thì họ muốn con mang nổi 100 bó cỏ. Các vị sư nhìn Uttara một cách tội nghiệp và nói "Đấy, Uttara con đã bị họ lừa".●

KỶ 2

QUY Y PHÁP BẢO

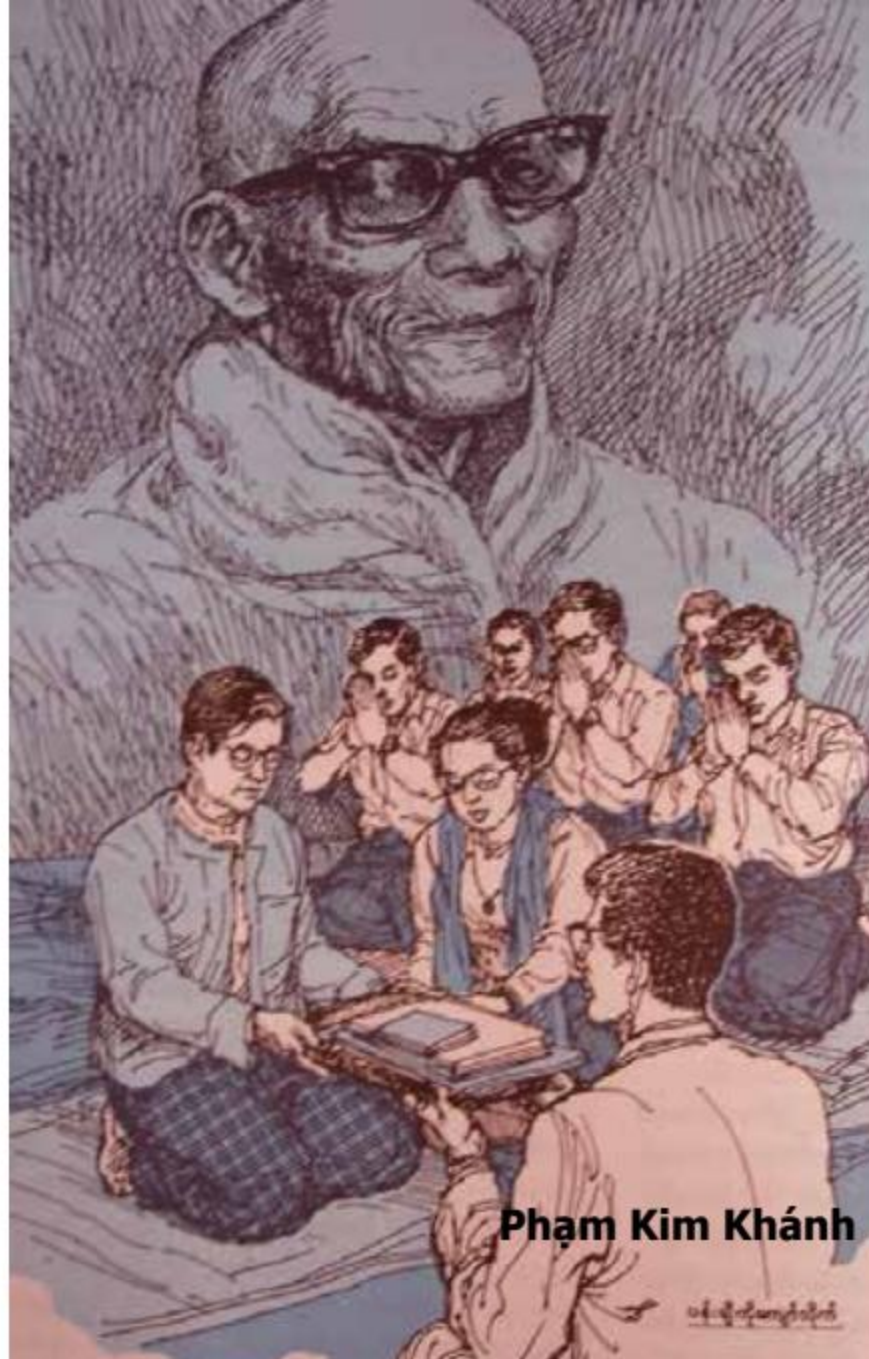
Đức Phật là nương tựa châu toàn. Nhưng Ngài đã nhập diệt. Trước giờ Đại Niết Bàn, Đại đức Ānanda (A Nan) bạch hỏi Ngài rằng sau khi Ngài nhập diệt rồi thì vị nào sẽ thay thế Ngài để giảng pháp cho Giáo hội. Đức Phật dạy:

"Này Ānanda, có thể con sẽ nói rằng Giáo huấn tối cao không còn thầy giảng dạy, chúng con sẽ không còn Đạo Sư. Không nên, Ānanda, con không nên suy tư như thế. Giáo Pháp và giới luật đã được Như Lai truyền dạy và quảng bá rộng rãi. Này Ānanda, khi Như Lai nhập diệt rồi thì Giáo Pháp và Giới luật ấy sẽ là Thầy của chúng con". (Mahaparinibbana Sutta, Kinh Đại Niết Bàn)

Lời dạy của Đức Bổn Sư rất rõ ràng: Khi Ngài nhập diệt rồi thì hàng xuất gia và tại gia cư sĩ hãy xem Giáo Pháp và Giới luật (Dhamma Vinaya) là Thầy.

Từ ngày ấy, hơn 2500 năm đã trôi qua. Nhưng giáo lý vàng ngọc mà trong 45 năm trường Đức Phật đã dày công giảng dạy bằng nhiều phương cách khác nhau vẫn được lưu truyền trọn vẹn. Giáo Pháp, hay những lời dạy của Đức Thế Tôn, được tôn trí đầy đủ trong ba tạng: Tạng Kinh, tạng Luật, và tạng Luận. Đó là kho tàng Pháp bảo.

Giáo Pháp có đặc tánh gìn giữ, bảo vệ, nâng đỡ những chúng sanh nào thực hành theo đúng lời dạy, không để rơi vào khổ cảnh. Giáo Pháp đem ánh sáng đến người tối tăm mê muội, giúp phân biệt điều phải lẽ quấy, đường chánh nẻo tà, chỉ rõ nghiệp báo tái sanh để chúng sanh sửa mình, dọn đường tiến đến những cảnh giới an lạc hạnh phúc. Hơn nữa, nếu được thực hành đúng mức, giáo Pháp còn có thể đưa chúng sanh thoát



Phạm Kim Khánh

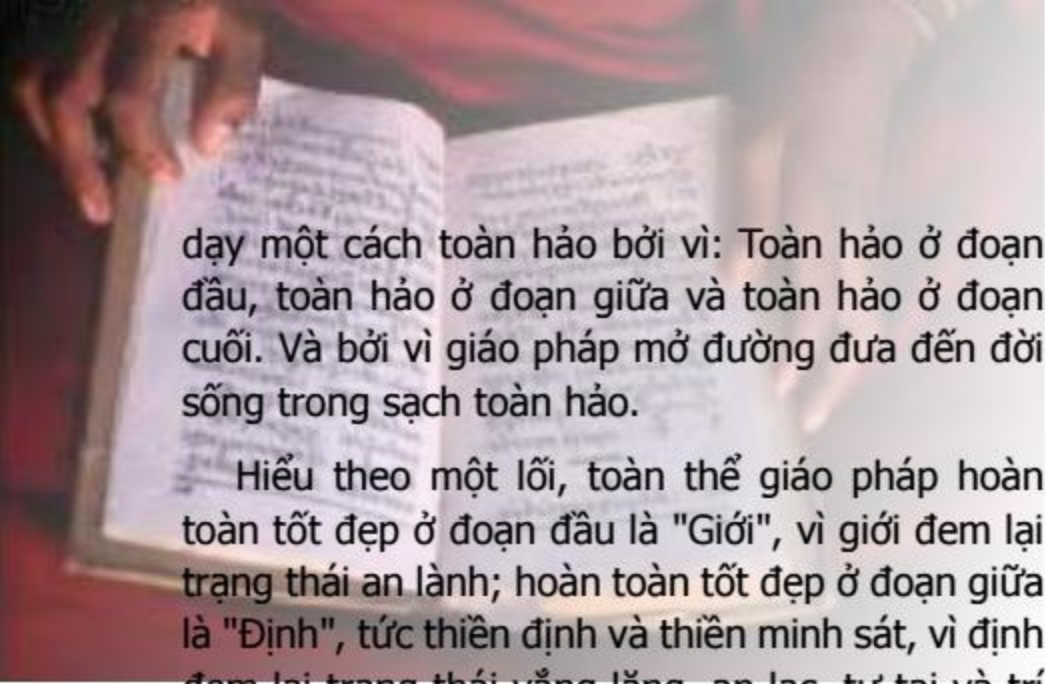
ra khỏi mọi hình thức khổ đau của vòng luân hồi, đến trạng thái tịch tịnh trường cửu.

Câu kinh tán dương Ân đức Pháp bảo (Dhamma Guna) mà người Phật tử hằng ngày đọc tụng có ý nghĩa như sau:

"Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo là để tự mình chứng ngộ, tức khắc trở quả, mời đến quan sát, dẫn đến Niết Bàn, để cho bậc thiện trí thấu đạt, mỗi vị cho chính mình".

1) Giáo pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo (Svakkhato bhagavata dhammo). Phạm ngữ Dhamma, giáo Pháp, ở đây bao gồm cả hai: Pháp tại thế và pháp siêu thế. Trong phần còn lại của câu kinh "Giáo pháp" chỉ đề cập đến pháp siêu thế. Nói cách khác, trong vế đầu của câu kinh tụng: Giáo pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo, danh từ Giáo Pháp hàm súc những lời dạy của Đức Thế Tôn để dẫn dắt chúng sanh từ phàm trở nên Thánh, còn các vế sau của câu kinh (để tự mình chứng ngộ v.v...) đề cập đến những đặc tính của giáo Pháp khi người thực hành đúng mức chứng đạt Đạo và Quả Thánh.

Toàn thể giáo pháp được Đức Thế Tôn truyền



dạy một cách toàn hảo bởi vì: Toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn cuối. Và bởi vì giáo pháp mở đường đưa đến đời sống trong sạch toàn hảo.

Hiểu theo một lối, toàn thể giáo pháp hoàn toàn tốt đẹp ở đoạn đầu là "Giới", vì giới đem lại trạng thái an lành; hoàn toàn tốt đẹp ở đoạn giữa là "Định", tức thiền định và thiền minh sát, vì định đem lại trạng thái vắng lặng, an lạc, tự tại và trí tuệ minh sát; và tốt đẹp ở đoạn cuối là Đạo, Quả và Niết Bàn.

Lại nữa, trong Tam tạng Pháp bảo, từ tạng Luật, tạng Kinh đến tạng Luận, nếu phân tích từng phần, đoạn nào cũng toàn hảo vì đoạn nào cũng nhằm đưa đến giải thoát.

2) Tự mình chứng ngộ (Sanditthiko, chứng ngộ, thấy một cách chân chánh). Có nghĩa là khi đã thực hành đầy đủ phận sự và hoàn tất cuộc hành trình trên con đường, đương nhiên hành giả đến nơi tuyệt đối an toàn, và trạng thái tuyệt đối an toàn này chính hành giả tự tạo cho mình, không phải có ai ban bố. Sở dĩ hạng phàm nhân chúng ta còn đau khổ là vì chúng ta còn mang nhiều bợn nhơ trong tâm như tham, sân, si, ganh tỵ, ngã mạn, tà kiến v.v... và vì chúng ta bị màn vô minh che lấp nên không thấy được sự thật. Chúng ta thấy giả tưởng thực, thấy vô thường biến đổi ngỡ là thường còn, thấy đau khổ tưởng hạnh phúc và chạy theo, cố rượt bắt cho được cái huyền ảo, không thực có. Kết quả hiển nhiên phải là thất bại và từ đó, sanh ra bất mãn, bất toại nguyện, đau khổ. Bậc Thánh Nhân đã thanh lọc mọi bợn nhơ - thô kệch và vi tế - đã khai triển trí tuệ minh sát, chừng ấy không cần có ai ban thưởng, tự nhiên các Ngài tri tỏ, trực nhận thực tướng của vạn pháp, chứng ngộ Đạo và Quả.

3) Tức khắc trở quả (Akaliko, không đợi thì giờ). Có nghĩa là khi đắc Đạo rồi thì Quả tức khắc trở liền sau đó. Chúng sanh còn trong tam giới - tức còn là phàm nhân - khi có hành động, thiện hay bất thiện, thì hành động này là nhân. Nhân đã gieo, quả sẽ trở sớm hay muộn, trong kiếp hiện tiền hay trong một kiếp nào ở thời vị lai. Đó là quả tại thế (vipaka). Còn quả ở đây thuộc về siêu thế pháp, là quả (phala) của Đạo (magga). Đạo là lộ tâm của hành giả lúc bước vào

dòng suối của chư Thánh. Khi Đạo phát sanh vừa chấm dứt thì liền tức khắc sau đó quả phát sanh. Vì lẽ ấy, một trong các đặc tánh của giáo Pháp là khi đến mức rồi, tức lúc đắc Đạo, tức thì Quả trở sanh, không đợi thì giờ (Akaliko).

4) Mời đến quan sát (Ehipasiko). Có nghĩa là xứng đáng để mời người khác đến xem xét. Tại sao? Vì bên trong giáo Pháp có chứa đựng nội dung phong phú và vì giáo Pháp đưa đến lối sống tinh khiết, trong sạch. Nếu người kia không có gì trong tay hay nằm trong tay những đồ bẩn thỉu, ắt người ấy không nói rằng trong tay mình có vòng vàng châu báu và không mời ai đến xem. Nơi đây, trong giáo Pháp này, chắc chắn và rõ ràng có 9 Pháp siêu thế (bốn Đạo, bốn Quả và Niết Bàn) và có đời sống tuyệt đối trong sạch, vì lẽ ấy xứng đáng mời đến quan sát.

5) Dẫn đến niết bàn (Opanayiko, dẫn đi tới). Vì đặc tánh của giáo Pháp là đưa bậc thiện trí thẳng đến Niết Bàn.

6) Để cho bậc thiện trí thấu đạt mỗi vị cho chính mình (Paccattam veditabbo vinnuhi'ti). Trên con đường dẫn đến Niết Bàn chỉ có bậc thiện trí thức mới có thể thấu đạt giáo Pháp, hạng cuồng si không thể được. Nên ghi nhận rằng ở đây, "thấu đạt" giáo pháp có nghĩa là chứng ngộ, thấu hiểu bằng trí tuệ minh sát chứ không phải hiểu biết ở tầng lớp trí thức, và mỗi cá nhân chỉ có thể tự mình chứng ngộ. Không ai có thể học cho người khác hay chữ, không thể tập bơi cho người khác biết lội. Một vị thầy dù là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni chỉ có thể vạch ra con đường, mà không thể cất bước đi trên con đường để cho bắt lộn ai đến. Người nào thanh lọc tâm thì chỉ tâm của người đó trong sạch. Người nào phát triển trí tuệ thì chỉ trí tuệ của người đó trở nên sâu sắc.

Trên đây là những ân đức (guna) của Pháp bảo. Người đã thấu hiểu những đặc tính và thẩm nhuần ý nghĩa của Pháp bảo càng ngày càng cảm thấy quý mến, kính mộ, tôn sùng những lời vàng ngọc ấy. Niềm tin của người ấy ngày càng vững chắc. Từ lý trí đến xúc cảm, người ấy vững lòng đặt trọn cuộc sống của mình dưới sự hướng dẫn và bảo bọc của giáo Pháp. Câu: "Dhammam saranam gacchami", tôi xin về nương tựa nơi giáo Pháp, tự nhiên đến với người ấy. ●



BÀI PHÁP ĐẦU TIÊN(*)

Thượng tọa Bửu Chánh

1 – Hướng về Ba-la-nại

Lúc bấy giờ Đức Phật hiểu rằng giáo lý do Ngài tìm ra rất cao siêu, sâu xa mầu nhiệm, người phàm phu (bình thường) nhiều bận rộn, đầy luyến ái ở đời sẽ không thấu hiểu.

Nhưng Đức Phật nghĩ đến năm nhà ẩn sĩ, đã thực hành khổ hạnh với Ngài ở Uruvela, có thể thấu hiểu giáo lý cao thâm này, vì họ là những người thành thật, thông minh, trí tuệ trong việc tìm chân lý, vì thế Đức Bổn Sư nhất định truyền bá giáo Pháp của Ngài, cho năm nhà ẩn sĩ đầu tiên. Khi ấy, họ ngụ ở Isipatana (Sarnath ngày nay gần Bénarès) vì thế Đức Bổn Sư lên đường đi về hướng ấy.

(*) Phỏng theo tài liệu *L'enseignement Du Buddha của Kassappa Mahathera, (India)*

2 – Cuộc gặp gỡ Upaka

Trong khi Đức Bổn Sư quang lâm đến Gaya ở Kashi, và nơi đó Ngài đã ban bố thời giáo hóa. Đầu tiên Ngài gặp Upaka, một đạo sĩ lang thang của một phái khác, Upaka thấy nét mặt sáng ngời hào quang và vẻ uy nghiêm của Đức Phật, Upaka hỏi:

- Này bạn, bạn đi đâu?

- Như Lai đi vào thành Kashi để chuyển Pháp Luân (chuyển bánh xe Pháp), vì thế thời Pháp đầu tiên Đức Phật thuyết gọi là Dhamma cakkapavattana.

Thời Pháp này của Đức Phật, được xem như là thời Pháp quan trọng hàng đầu và sâu sắc của Tam tạng kinh điển, vì đã mô tả hầu hết những khía cạnh của giáo Pháp một cách rõ ràng và súc tích. Bài Pháp có một tên rất gợi hình là Cakkapavattana: "Làm một sự chuyển động bánh xe" có một nghĩa khác là "Sự cách



Đức Phật tri ân cây Bồ Đề

mạng của con đường”

Đức Phật đã đưa ra một quan niệm vô cùng mới mẻ về Tôn giáo, bài Pháp đánh dấu một giai đoạn mới trong lịch sử tư tưởng Tôn giáo.

3 – Ở Bènarès với năm vị ẩn sĩ khổ hạnh

Khi năm vị tu sĩ khổ hạnh thấy Đức Phật từ xa đến, họ dự định với nhau: Này các bạn, Sĩ Đạt Ta, người đã từ bỏ tất cả những phương pháp khổ hạnh, sống, ăn, mặc như người thường đang đi về hướng chúng ta; chúng ta không nên tiếp đón với lòng cung kính, chúng ta không nên đứng dậy để đón rước, ông ấy có thể ngồi gần chúng ta nếu ông muốn.

Nhưng khi Đức Phật từ từ đến gần, năm vị ẩn sĩ tự động bỏ những dự tính đã thỏa thuận ban đầu; tất cả đều đứng dậy để đón rước Ngài, người rước bát, người rước y, và người khác nhắc ghế cho Ngài, một người khác đem nước cho Ngài rửa chân. Đức Phật ngồi và nói:

- Này các thầy, Như Lai giờ đây đã hoàn toàn Giác Ngộ; hãy nghe kỹ! Như Lai sẽ thuyết cho các thầy giáo lý mà Như Lai đã thấu hiểu; nếu các thầy thực hành theo giáo lý này, các thầy sẽ tìm được điều mà các thầy muốn tìm.

Những vị ẩn sĩ khổ hạnh nói:

- Sĩ Đạt Ta, ông không thành đạt chơn lý khi ông còn thực hành khổ hạnh, làm thế nào cho chúng tôi tin rằng ông hoàn toàn giải thoát, giác ngộ, khi mà ông trở lại đời sống thế tục, không còn khổ hạnh.

Đức Phật trả lời:

- Từ trước đến giờ Như Lai không bao giờ nói với các thầy rằng, Như Lai là một vị Phật Giác Ngộ; giờ đây Như Lai tuyên bố rằng “Như Lai là Phật” hãy nghe Như Lai sẽ giảng. Năm thầy khổ hạnh chấp nhận lắng nghe thời Pháp của Đức Bổn Sư.

4 – Đức Phật thuyết

- Này các tỳ khưu! Các thầy phải xa lánh hai cực đoan, hai cực đoan ấy là gì?

- Việc vui thích những dục lạc trần gian là điều không cao thượng.

- Sự thực hành theo khổ hạnh là điều đau khổ, nguyên nhân của bao điều ác xấu, tội lỗi.

Này các tỳ khưu, xa lánh hai cực đoan này, Như Lai đã thiết lập con đường trung đạo, có trí tuệ và dẫn dắt đạt đến trạng thái cao thượng,

đoạn tận khổ ưu, thành tựu chánh trí và chứng ngộ Níp bàn. Con đường trung đạo mà Đức Phật thiết lập là gì?

Đó là con đường giữa, con đường cao thượng có tám nhánh:

- 1 – Thấy đúng: Chánh Kiến (Sammāditthi)
- 2 – Suy nghĩ đúng: Chánh Tư Duy (Sammāsankappo)
- 3 – Nói đúng: Chánh Ngữ (Sammāvācā)
- 4 – Nghề nghiệp đúng: Chánh Nghiệp (Sammākammanto)
- 5 – Nuôi mạng đúng: Chánh Mạng (Sammājivo)
- 6 – Tinh tấn đúng: Chánh tinh Tấn (Sammāvayāmo)
- 7 – Niệm đúng: Chánh Niệm (Sammāsati)
- 8 – Định tâm đúng: Chánh Định (Sammā Samādhi)

- Nay các thầy tỳ khưu! Bát Chánh Đạo là con đường trung đạo dẫn đến trạng thái Níp Bàn.

Đức Bốn Sư, chính Ngài đã kinh nghiệm hai cực đoan này. Như Bồ tát Sĩ Đạt Ta (Siddhattha), hưởng tất cả những khoái lạc có thể có ở đời, nhưng Bồ tát nhận thấy những dục lạc ngũ trần thì bấp bênh, và chỉ dẫn đến sự hối hận, lo sợ; Bồ tát đã thử quay sang khổ hạnh ở Uruvela, nhưng cũng chỉ tìm lấy sự đau khổ và không lợi ích gì, đối với việc chứng ngộ sự thật (chơn lý).

Do đó, Ngài đã cấm đoán hai cực đoan này trong thời Pháp đầu tiên của Ngài thuyết cho năm thầy Kiều Trần Như. Con đường trung đạo hay con đường cao thượng tám nhánh, là con đường của sự hiểu biết cao nhất, của sự an tịnh của sự tư tưởng sâu sắc, dẫn đến sự thay đổi hoàn toàn con người, dẫn đến sự giải thoát hoàn toàn con người.

5 – Thế nào là giải thoát?

Vài người có thể hỏi: "Sự giải thoát này là gì?, giải thoát cái gì?, và thế nào là con đường trung đạo?; chỉ có con đường đó mới thành đạt tối thượng hay sao?"

6 – So sánh với y học

Giáo pháp có thể so sánh dễ dàng

với y học; chính Đức Phật được gọi là một vị thầy thuốc giỏi (tối thượng y vương). Y học không thể hoàn thành tốt, khi bốn yếu tố sau đây không đầy đủ; y học đòi hỏi biết rõ:

- a. Chứng bệnh gì?
- b. Nguyên nhân của chứng bệnh?
- c. Phương pháp làm hết bệnh
- d. Sức khoẻ lý tưởng phải đạt đến

7 – Phật giáo hướng về sự tiêu diệt hoàn toàn đau khổ

Khi một y sĩ không biết rõ bốn điểm nêu trên, thì bệnh nhân không có thể chờ đợi một sự hết bệnh nào của họ. Bốn yếu tố này của khoa học, ngành y kết hợp đúng theo "Bốn sự thật cao thượng" Tứ diệu đế của Phật giáo.

Nếu chúng ta chỉ suy nghĩ vài phút, chúng ta sẽ thấy biết bao là đau khổ, phiền não mà con người phải chịu đựng; thế gian bị đau khổ giày vò hành hạ, đói khát, nóng lạnh, thất vọng, mất mát, già nua, đau bệnh, chết, chung cho tất cả con người, dù cho người nghèo hoặc giàu, vua hay những người hành khất; đời sống nhân loại luôn chiến đấu trường kỳ để thoát khỏi những đau khổ có thể, nhiều chừng nào hay chừng nấy.

Mỗi hành động thực hiện của chúng ta, nhằm mục đích đem lại sự an bình hạnh phúc, xa lánh sự tàn phá của búa thời gian, hay những đau khổ mà chúng ta hứng chịu, dù cho rất nhỏ. Chúng ta ăn vì đói, mặc vì lạnh. Phật giáo nhằm vào sự giải thoát hoàn toàn, và dứt bỏ tất cả những đau khổ của con người.

Thức ăn, áo mặc, không thể chấm dứt hoàn toàn đói lạnh; ngày hôm sau đói và lạnh được cảm nhận trở lại. Sự biến mất sau cùng và hoàn toàn của tất cả khổ đau, được hiểu là không còn một phần nào của đau khổ tái diễn hoặc trở lại.

Chỉ có Đức Phật đã dạy, khoa học của sự giải thoát cũng như ngành y gồm bốn yếu tố:

- a. Đau khổ
- b. Nguyên nhân của đau khổ
- c. Giải thoát hay Níp Bàn
- d. Con đường dẫn ra khỏi khổ đau

Bốn yếu tố được gọi là sự thật cao thượng hay chơn lý cao thượng. ●



PHÁP NHẼ NẠI

nghệ thuật làm đẹp thân tâm

Thông Kham

Nhẫn nại có nghĩa là "nhìn nhục" và "nín thính". Khi người lớn la rầy kẻ dưới, đầu rầy oan, kẻ dưới nhìn nhục không nói lại, hoặc vì lễ nghi, hoặc vì quyền lợi. Đó không phải là nhẫn nại.

Trái lại, người dưới mình, nhỏ hơn mình, nói hoặc là làm những điều cho mình bức tức, mà mình không bức tức. Đó mới là nhẫn nại.

Đức Phật dạy rằng lòng nhẫn nại là nguồn gốc các pháp lành. Nếu ai làm khổ ta, ta hãy nhẫn nại mà suy xét rằng đó là cái nghiệp của ta vì kiếp trước ta đã làm khổ họ, nên kiếp này ta phải trả.

Sự nhẫn nại ví cũng như lửa, để thiêu đốt các sự oán thù sân hận, tật đố và oan trái. Phật nói: Ai thương Như Lai phải có lòng nhẫn nại.

Phương ngôn có câu: Gặp Phật thì tu, gặp quỷ thì trừ. Gặp Phật mà tu thì đã đành, còn gặp quỷ thì trừ. Chư thiện tín thử nghĩ xem, ta trừ quỷ bằng cách nào đây? Vậy thì câu ấy không đúng với giáo lý của nhà Phật. Phải sửa lại như vậy: Gặp Phật thì tu, gặp quỷ thì càng phải tu nhiều hơn nữa. Vì Phật chỉ dạy ta các giáo lý chơn chánh mà thôi, duy có quỷ nó mới là cái mầm làm cho ta sanh ra các chứng tham lam, sân hận, si mê, và oán thù. Gặp quỷ ta phải ráng nhẫn nại tu nhiều hơn nữa là vậy. Ta tu tâm, tu tánh mới mong đắc được quả lành.

Xin thiện nam, tín nữ suy xét cho kỹ, tập tánh nhẫn nại, vì theo lời Phật dạy: Nhẫn nại là nguồn gốc các pháp lành, nó sẽ đem lại cho thiện tín các sự an vui vĩnh viễn.

Trong kinh, Phật dạy: Người thiện tín nên có pháp tánh nhẫn nại, vì tánh ấy tránh cho ta ba điều khổ là:

- Khổ vì lòng tham lam
- Khổ vì lòng sân hận
- Khổ vì lòng si mê

1. Nhẫn nại với sự khổ vì lòng tham lam

Con người hay có tính ham muốn. Tham tiền của, tham sắc đẹp, tham ăn ngon, tham danh vọng. Khi có một muốn mười, có mười muốn trăm. Túi tham không đáy là vậy. Muốn thỏa lòng ham muốn, con người sanh ra trộm cướp hoặc lường gạt, hoặc bày mưu sâu kế độc. Không lúc nào tâm được an vui, mãi lo tính toán hoài. Phải khổ thân, khổ tâm, khổ trí.

Vậy ta phải dùng phép nhẫn nại diệt lòng tham muốn thì ta mới được dứt khổ.

2. Nhẫn nại với sự khổ vì lòng sân hận

Sân hận nghĩa là nóng giận, nhiều người có tánh hay nóng giận. Vì một cử chỉ hoặc một lời nói mà cơn giận phát sanh. Khi ấy ta quên suy xét phải quấy, ta mắng nhiếc, chửi rủa, đập đồ đạc, có khi quá cơn giận đến phải chém giết người là khác. "No mất ngon, giận mất khôn" là vậy đó. Khi hết cơn nóng giận, ta ăn năn, ta thấy ta rất khổ.

Vậy ta phải dùng phép nhẫn nại diệt lòng sân hận thì ta mới khỏi khổ được.

3. Nhẫn nại với sự khổ vì lòng si mê

Si mê là mờ ám, không phân biệt sự thật, sự



giả của vạn vật. Có người học nhiều hiểu rộng, mà không sao tránh khỏi tánh si mê. Khi ta có bệnh, ta uất ức, than thở, khi gần chết ta mẩn tiếc nhà cửa, tiền của, danh vọng và mẩn tiếc xác thân của ta. Đức Thế Tôn có dạy: Muốn khỏi si mê, ta phải nghĩ rằng người sanh ra có thân, thì phải có già, có bệnh và có chết. Khi chết ta không thể đem theo cái gì khác hơn là "Cái nghiệp của ta", nó theo ta mãi mãi. Nếu trong đời ta tạo nghiệp lành thì ta được sanh về cõi an vui; nếu trong đời ta tạo nghiệp dữ, ta sẽ sanh về cõi khổ não khổ, đau thương.

Vậy thiện tín phải đàn áp lòng si mê, nhất là lúc gần lâm chung. Phải nhẫn nại, đừng si mê, cố quên những điều dữ, ráng nhớ những điều lành. Mà muốn nhớ những điều lành, trong đời ta, ta cần phải tạo nhiều nhân lành, là bố thí, giúp đỡ kẻ cùng khổ và rải lòng từ bi chung quanh ta.

Vì lòng si mê mà phải khổ. Tôi xin kể một câu chuyện cho thiện tín dễ hiểu. Thuở đức Phật còn tại thế, có ông bá hộ nọ, chôn một hũ vàng trong nhà không cho vợ con biết. Lúc ông lâm chung bệnh gần chết, ông vẫn còn mẩn tiếc tiền của, nhứt là hũ vàng của ông chôn. Khi chết rồi, ông đầu thai làm con chó giữ nhà cho con trai ông. Một bữa nọ, Đức Phật đi khất thực ngang qua nhà con trai ông bá hộ, con chó chạy ra sủa Phật. Phật nhận biết kiếp trước của nó, nên dừng lại nói: "Mi còn tiếc của lắm, nên phải lên mà giữ của". Từ đó con chó buồn bực biếng ăn. Người con trai ông bá hộ thấy con chó bỏ ăn, mới kêu người nhà hỏi nguyên do, người nhà trả lời rằng: "Bữa nọ ông Cồ Đàm đi ngang qua đây, không biết ông nói gì với con chó mà nó bỏ ăn mấy hôm nay".

Người con trai ông bá hộ, chờ Phật đi ngang nhà, liền đón hỏi: "Này ông Cồ Đàm, ông nói gì mà con chó của tôi bỏ ăn mấy bữa rày?". Đức Phật dạy qua phía con chó mà hỏi rằng: "Vàng nhà người chôn ở đâu, hãy chỉ cho người ta moi lên". Con chó tức thì chạy vô nhà, đến cào chỗ chôn vàng, người nhà đào lên, quả gặp một hũ vàng.

Đó, chư thiện tín thấy chưa? Bởi si mê mà ông bá hộ phải đầu thai lại giữ của. Vì si mê mà ta khổ với sự già, sự bệnh hoạn và sự chết. Vậy

ta phải dùng pháp nhẫn nại để diệt khổ bởi lòng si mê.

CÁI NHÂN SANH LÒNG NHẪN NẠI

Nếu chư thiện tín muốn cho lòng nhẫn nại được tăng thêm mãi mãi, nên suy xét như vậy: Người nào nói xấu ta, mắng nhiếc ta, chửi rủa, nói lời đâm thọc để làm cho ta bực tức, ấy là người đem phước đến cho ta. Người làm cho ta khổ, là người dạy ta ráng học nhiều sự nhẫn nại.

Người muốn sanh lòng nhẫn nại phải có 4 điều:

- Suy nghĩ về nghiệp
- Thấy cái hại của sự thiếu nhẫn nại
- Thấy quả báo của sự nhẫn nại
- Thấy nhẫn nại là pháp ba-la-mật của chư Phật khi còn là vị Bồ tát

*** QUẢ BÁO CỦA SỰ NHẪN NẠI**

Nếu chư thiện tín biết các kết quả tốt đẹp, quý báu của pháp nhẫn nại, thiện tín sẽ vui lòng tập rèn tánh nhẫn nại từ đây.

1. Sự nhẫn nại là mầm sanh các pháp lành, nhứt là giới, định, tuệ.
2. Sự nhẫn nại hằng đào nhổ tận gốc các pháp dữ. Người nhẫn nại gọi là người bứng hết gốc rễ của các tội lỗi và tai hại.
3. Sự nhẫn nại là vật trang điểm của các bậc trí thức. Người nhẫn nại là người có lợi lộc, quyền tước, hằng được hạnh phúc là người mà chư thiên và nhân loại hằng thương yêu, quý mến.
4. Sự nhẫn nại là vật thiêu đốt các điều tội lỗi của các bậc hành phạm hạnh; sự nhẫn nại là một sức mạnh vô biên của người hành phạm hạnh.
5. Sự nhẫn nại đem lại lợi ích cho mình và những người chung quanh mình. Người nhẫn nại là người đi trên con đường đi đến thiên đàng và níp bàn.
6. Người nhẫn nại là người hành theo lời giáo huấn của đức Từ Phụ. Người nhẫn nại là người cúng dường Đức Thế Tôn bằng sự cúng dường cao quý. ●

Uống nước chanh ngừa sỏi thận

Huỳnh Thiêm
(Theo báo The Times of India)



Roger L. Sur - Giám đốc Trung tâm sỏi thận thuộc Đại học California, San Diego (Mỹ) cho biết uống nước chanh có thể giúp ngừa sỏi thận.

Nguyên do là nước chanh có hàm lượng citrate - một chất có tác dụng cản trở sỏi thận hình thành cao hơn bất cứ loại nước có vị chua khác.

Trong cuộc nghiên cứu của mình, chuyên gia Sur nhận thấy liệu pháp uống nước chanh đã giúp giảm đáng kể tỷ lệ hình thành sỏi thận ở bệnh nhân.

Các tình nguyện viên đã được khuyến uống khoảng 120ml nước chanh và 2 lít nước mỗi ngày.

Theo chuyên gia Sur, uống nhiều nước có thể giúp giảm việc hấp thụ nhiều muối từ chế độ ăn uống hằng ngày, vì muối là một trong những tác nhân góp phần dẫn đến việc hình thành sỏi thận.

Chanh hạn chế nguy cơ sỏi thận. ●

H.Y

Nếu bạn thật sự thích uống trà đá thì đây là thời điểm lý tưởng cho bạn hạn chế dùng chúng. Theo một chuyên gia tiết niệu Mỹ, uống quá nhiều trà đá có thể gây bệnh sỏi thận. Trà đá chứa hàm lượng oxalate cao, một trong những hóa chất chính dẫn tới việc hình thành sỏi thận. Mặc dù trà nóng cũng chứa oxalate, nhưng không dễ gì bạn uống một lượng đủ lớn để hình thành sỏi thận.

"Đối với những ai dễ có nguy cơ hình thành sỏi thận, thì trà đá là thức uống tồi tệ nhất", tiến sĩ John Milner, chuyên gia tiết niệu tại Đại học Loyola University Chicago (Mỹ), cho biết. Nam giới, phụ nữ mãn kinh với hàm lượng hormone sinh dục nữ oestrogen thấp và phụ nữ đã cắt bỏ buồng trứng là thuộc nhóm người có nguy cơ bị sỏi thận cao hơn những người khác.

Trà đá là một loại thức uống được yêu thích trong mùa hè nhưng theo tiến sĩ Milner, dùng nước lọc là tốt nhất, có thể thêm một ít nước chanh. "Chanh có hàm lượng citrate rất cao, chất có tác dụng cản trở sự "tăng trưởng" của sỏi thận", ông Milner nói.

Cũng theo ông Milner, thực phẩm giàu can-xi, có tác dụng giảm lượng oxalate cơ thể hấp thụ, và nước là những thứ mà người có nguy cơ bị sỏi thận nên dùng. ●

Kỳ 2

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển Lần Thứ Hai

Bhikkhu Suvijjo

A NGUYÊN NHÂN

Do sự bất đồng 10 điều giới luật giữa nhóm tỳ khưu Vajjiputta và Ngài Yassakāṇḍaputta. Nhóm tỳ khưu ở Vesālī không hành trì 10 điều học quá lâu nên dân làng xứ Vajji cũng đã quen với nếp sống của chư vị ở đây. Thường xuyên họ đem vàng bạc châu báu cúng dường cho chư vị và họ suy nghĩ đây là sự cúng dường đúng pháp và giới luật. Không may, một hôm họ gặp Ngài Yassa, một vị Thánh Tăng, từ Kosambī đi đến Vesālī, tình cờ chứng kiến cảnh chư tỳ khưu nhóm Vajjiputta tự do nhận vàng bạc từ sự cúng dường của chư thiện nam tín nữ. Ngài khiển trách thiện tín và khuyên chư tăng không nên thọ dụng vàng bạc như vậy, điều đó sẽ không đúng với luật pháp của Đức Phật, nhưng họ không nghe lời dạy của Ngài Yassa. Sau khi thọ dụng vàng bạc xong, họ phân chia với nhau theo hạ lạp, và lẽ cố nhiên họ cũng đem đến cúng dường Ngài Yassa một phần, nhưng Ngài không nhận mà còn khiển trách việc làm của các vị một lần nữa.

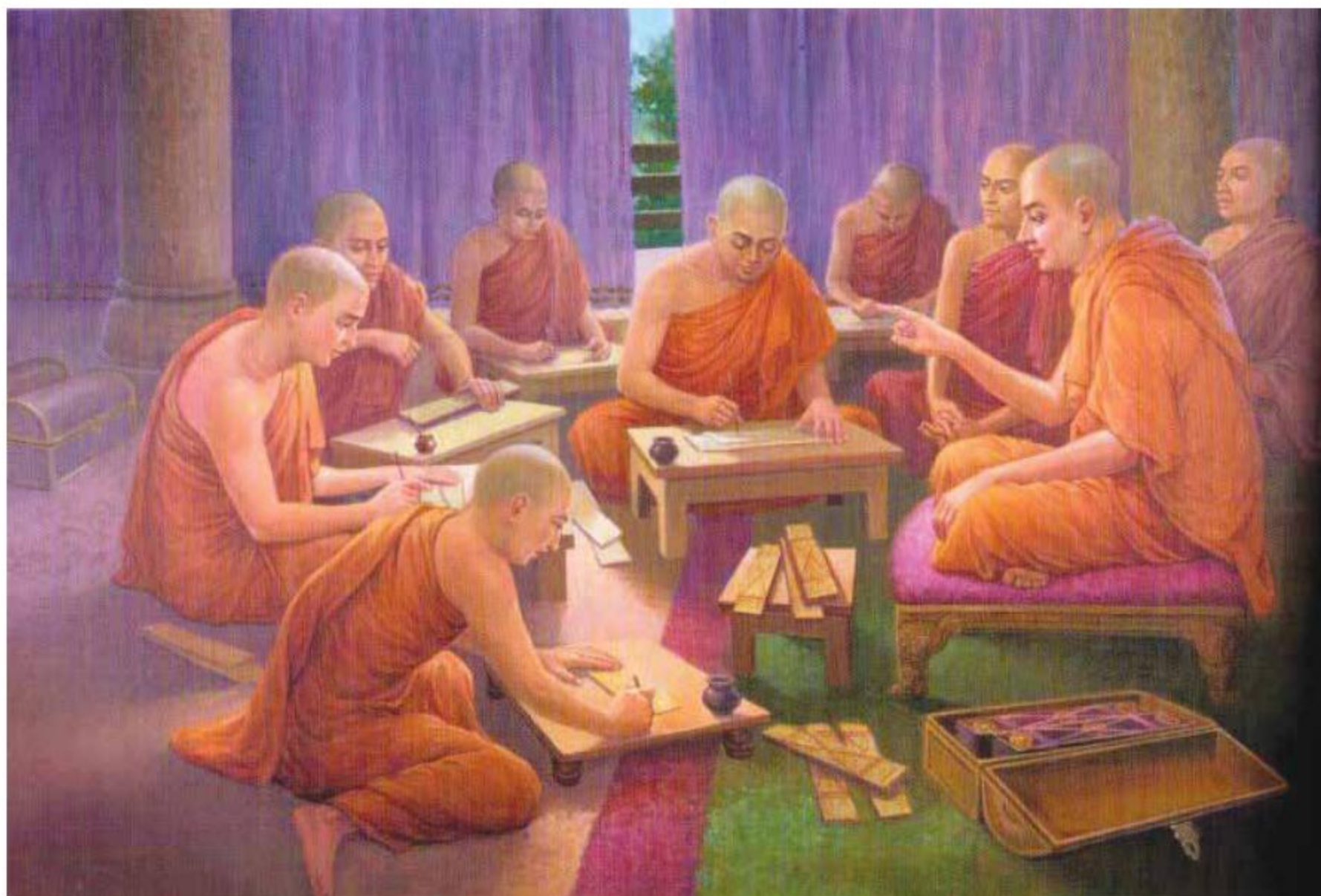
Nhóm tỳ khưu Vajjiputta thấy thái độ của Ngài Yassa làm như vậy quá đáng nên họp chư tăng lại tuyên ngôn xử phạt Ngài Yassa theo Patisāranīyakamma, nghĩa là bắt Ngài Yassa phải đi xin lỗi việc làm của Ngài xúc phạm đến niềm tin của cư sĩ; và lúc Ngài đi xin lỗi phải có tỳ khưu đại diện của phái họ đi theo để làm

chứng. Trước áp lực đa số hơn thiểu số, nên Ngài đành phải đi xin lỗi từng nhà. Tuy nhiên, Ngài vừa xin lỗi vừa giải thích giới luật của Chư Tăng cho các cư sĩ hiểu. Ngài xác định với họ rằng việc làm của nhóm tỳ khưu Vajjiputta là hoàn toàn không đúng với tinh thần giới luật của Đức Phật. Ngài lập lại câu Phật ngôn cho các cư sĩ nghe:

"Này các quý vị! Mặt trăng, mặt trời không tỏ sáng được là do mây che, mù sương, vì trần và thần Rahu che khuất. Vị tỳ khưu trong giáo pháp của Đức Phật không sáng chói được là do những nguyên nhân: Uống rượu, hành dâm, thọ lãnh và cất giữ vàng bạc, sống tà mạng làm thầy này thầy nọ".

Nhóm cư sĩ hoan hỷ với lời giảng dạy của Ngài Yassa, họ xin lỗi việc làm của mình, và nhận Ngài Yassa làm thầy để học hỏi và lễ bái cúng dường. Tuy nhiên, vị tỳ khưu tháp tùng đi theo Ngài Yassa đem chuyện đó nói lại cho nhóm tỳ khưu Vajjiputta. Các vị nghe thế quyết định lấy số đông tuyên ngôn xử phạt Ngài Yassa một lần nữa theo cách Ukkhepanīyakamma, nghĩa là cô lập mọi sinh hoạt của Ngài. Sau đó, tất cả các vị đó cùng nhau kéo đến nơi cư ngụ của Ngài. Nhưng qua thần thông của một vị A La Hán nên Ngài đã đi tự lúc nào rồi.

Trên đường đi Ngài suy tư, nếu như ta làm ngơ chuyện này thì giáo pháp của Bạc Đạo Sư



sẽ bị mai một và số vị ác Tỳ khưu sẽ gia tăng. Cho nên, Ngài không màng gian lao đi vào thành Pāthā, Avantī, và Dakkhināpatha để thông báo cho Chư Tăng biết những chuyện phi pháp luật của nhóm tỳ khưu ở thành Vesālī với dụng ý là để giải quyết. Sau đó nữa, Ngài vân du lên núi Adhogangā để bạch chuyện đó cho Trưởng lão Sānasambhuta, ngài Trưởng lão này hoàn toàn nhất trí với Ngài Yassa là hành vi của nhóm Tỳ khưu ở Vesālī làm như vậy là sai pháp luật.

Sau đó, 60 vị A La Hán ở thành Pāthā và 80 vị ở thành Avantī và Dakkhināpatha cùng nhau họp ở núi Adhogangā, với Ngài Yassa và Trưởng lão Sānasambhūta. Chư vị đều nhất trí với nhau rằng việc này nên thỉnh Ngài Revata, một bậc thánh tứ quả lậu thông Phật ngôn để làm chủ tọa giải quyết chuyện lộn xộn ở thành Vesālī. Ban đầu Ngài Revata không đồng ý, nhưng sau đó Ngài đồng ý. Sở dĩ Ngài đồng ý là vì Trưởng lão Sānasambhūta trình bày cho Ngài biết về 10 điều sai trái của các vị tỳ khưu ở thành Vesālī, yêu cầu Ngài giải quyết chuyện này, và sau hết là kết tập Phật ngôn như các vị tiền bối đã làm.

B NIÊN ĐẠI, ĐỊA ĐIỂM, VỊ CHỦ TỌA VÀ NGƯỜI BẢO TRỢ

Một trăm năm sau khi Đức Thế Tôn viên tịch, nhóm tỳ khưu ở thành Vesālī không duy trì 10 điều học do Đức Phật ban hành, nên các vị Thánh Tăng tuyệt đối cấm các vị tỳ khưu không được hành động nữa và đem chuyện này xử trước đại chúng tăng.

Sự việc này xảy ra ở thành Vesālī trong chùa Vālukārāma, do đó, Chư Thánh hiền Tăng cũng chọn địa điểm này để giải quyết chuyện lộn xộn về giới luật và đồng thời cũng chọn ngôi chùa này để kết tập Tam Tạng lần thứ hai.

Người chủ trương đầu tiên công việc này là Ngài Yassa, tuy nhiên người chủ tọa để giải quyết nhóm tỳ khưu Vajjiputta thuộc phái Purāṇa không hành trì 10 điều học là Ngài Revata, và Ngài cũng là vị chủ tọa cuộc kết tập Tam Tạng lần thứ nhì.

Tỳ khưu Vajjiputta có lần đến yêu cầu Ngài Revata che chở việc làm của mình, nhưng bị Ngài khiển trách. Cho nên các vị theo phe Vajjiputta cùng vào hoàng cung yết kiến nhà

vua Kākāsoka và bạch đối với nhà vua rằng khi họ trông coi tịnh xá thì có nhóm tỳ khưu khách đến có ý định chiếm chùa, Vua không hiểu đầu đuôi câu chuyện nên ra lệnh cấm các vị Thánh Tăng không được vào chùa Valukārāma. Đêm đó, Vua nằm mơ thấy quỷ sứ dưới địa ngục bắt Ngài bỏ vào chảo đồng. Lúc vua tỉnh dậy thì lo âu và sợ hãi, và sáng hôm sau em gái vua là vị thánh ni Nandā vào gặp Vua và giải thích đầu là đúng, đầu là sai cho Vua nghe. Thánh ni Nandā đề nghị nhà vua nên ủng hộ chư Thánh tăng để chấn hưng Phật giáo, và Vua đồng ý. Vì vậy, người bảo trợ kết tập kinh điển lần thứ hai tại Vesālī là Đức vua Kākāsoka.

PHƯƠNG PHÁP KẾT TẬP

C TrƯỚC khi chính thức kết tập kinh điển, Ngài Revata tuyên ngôn bầu một Ban giám luật gồm có:

- Trưởng lão Sabbakāmi, Salha, Khujjasobhita, và Vāsabhagāmi. Bốn vị này đóng vai trò đại diện cho phe bị cáo nhóm tỳ khưu phạm giới.

- Trưởng lão Sānasambhūta, Sumana, Yassa, và Kākandaputta đóng vai trò tuyên cáo, các vị này đại diện phần chấp pháp để đối chất và giải quyết những người phạm luật.

Điểm chú ý nơi đây, là Ngài Vāsabhagāmi và Sumana là đệ tử của Ngài Anuruddha, còn 6 vị còn lại là đệ tử của Ngài Ananda, mà các ngài Anuruddha và Ananda đều là những vị có tầm cỡ trong đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất.

Bốn vị đại diện cho phe bị cáo và bốn vị đại diện cho Chư Tăng trong Ban giám luật. Thế là Ngài Revata nêu ra từng điều một trong 10 điều chủ trương sai của phái tỳ khưu Vajji để hỏi Ngài Sabbakāmi:

Điều sai trái thứ nhất, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng vị tỳ khưu nào giữ muối riêng để dùng thì phạm tội Ưng đối trị.

Điều sai trái thứ hai, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng ăn sái giờ là phạm tội, bất luận lúc đó là mặt trời chênh qua bao nhiêu.

Điều sai trái thứ ba, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng sau bữa ăn chính, vị nào còn dùng thêm một lần nữa thì phạm tội Ưng đối trị.

Điều sai trái thứ tư, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng khu vực Sīma, chư Tăng không được chia ra làm nhiều nhóm để làm lễ phát lồ.

Điều sai trái thứ năm, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng theo Campeyyakhandhaka, các Tăng sự chư tỳ khưu phải vào một lượt để cùng hành lễ không được vào xen kẽ.

Điều sai trái thứ sáu, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng không nên căn cứ theo thầy tế độ và giáo thọ sư mà mọi việc nên y cứ theo Kinh Luật Luận làm tiêu chuẩn để tu tập.

Điều sai trái thứ bảy, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng nếu vị nào không có bệnh hoạn mà sau giờ ngọ dùng sữa chua đặc thì phạm tội Pācittiya (Ưng đối trị).

Điều sai trái thứ tám, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng vị tỳ khưu tuyệt đối không được dùng rượu, dù rượu ở bất cứ nồng độ nào.

Điều sai trái thứ chín, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng vị Tỳ khưu không được dùng tọa cụ không có biên, vị nào dùng thì phạm tội.

Điều sai trái thứ mười, Ngài Sabbakāmi trả lời rằng vị tỳ khưu nào cất giữ vàng bạc cho cá nhân thì phạm tội Ưng xả đối trị, nếu phạm thì xả bỏ tất cả rồi sám hối mới hết tội.

Mỗi câu trả lời của Ngài Sabbakāmi, Chư Tăng xác nhận là đúng theo quan niệm của Đức Phật đồng thời chư Tăng cũng tuyên bố rằng chủ trương của nhóm tỳ khưu phá giới hành động theo 10 điều phi pháp đó hoàn toàn sai lầm để cho đại chúng hiểu biết và am tường.

Sau khi Ngài Revata điều chỉnh 10 điều phi pháp luật của nhóm tỳ khưu Vajjiputta xong, 700 vị Thánh Tăng vô lậu bắt tay vào công việc kết tập Phật ngôn. Phương pháp kết tập kỳ này giống như kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất, tuy nhiên kỳ kết tập này thời gian kéo dài đến 8 tháng. ●

Khái niệm về Văn Phạm Pāli

TN. Phước Thủy

Môn văn và toán là hai môn chính cho những ai muốn trưởng thành trong cuộc sống, cũng vậy trong Phật giáo Vi diệu pháp và Văn phạm Pāli là hai môn chính dành cho người tu sĩ thể hiện khả năng và trưởng thành trong pháp học. Theo truyền thống Nam tông môn Vi diệu pháp cao thâm về lý luận và bổ sung pháp hành rất nhiều, nhưng bên cạnh đó môn học Văn phạm

Pāli cũng rất quan trọng cho những ai muốn nghiên cứu Phật học. Để thấy rõ tầm vóc quan trọng của môn này tôi xin đơn cử một câu Pāli để giải thích, phân tích văn phạm và đào sâu ý nghĩa cốt lõi bên trong của nó, có như vậy hàng đệ tử của Đức Phật mới bảo toàn được mạng mạch giáo lý mà Ngài đã để lại.

Đối với một cư sĩ hay một tu sĩ xuất gia tất cả ai ai cũng biết đến câu Pāli sau đây: Buddhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi: Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật



Chữ Buddhamaṃ ở đây có nghĩa là Đức Phật

Chữ saraṇaṃ ở đây có nghĩa là quy y hai chữ này được chia ở cách thứ hai, tức là đối cách, còn gọi là túc từ trực tiếp.

Còn chữ gacchati có nghĩa là đi nhưng ở đây từ gacchāmi chữ āmi được chia theo ngôi thứ nhất số ít của động từ thì hiện tại, có nghĩa là tôi đi vì đây là một chủ từ ẩn trong động từ. Vậy thì khi chúng ta phân tích một câu mà ngạc nhiên rằng không có một chủ từ rõ ràng mà bị ẩn trong động từ nhưng vẫn được đọc là tôi đem hết lòng thành kính xin quy y Phật. Từ đây suy luận ra rằng Đức Phật muốn gửi gắm đến hàng đệ tử là một sự “phá ngã” bởi vì Đức Phật cho rằng không có người đến quy y mà chỉ có sự quy y mà thôi, từ đó cho thấy không có cái “tôi” và cũng không có cái “ta”, trong kinh Pháp Cú có câu:

*Con tôi tài sản tôi
Nghĩ quấy người ngu khố
Thân ta còn không có
Con đâu tài sản đâu.*

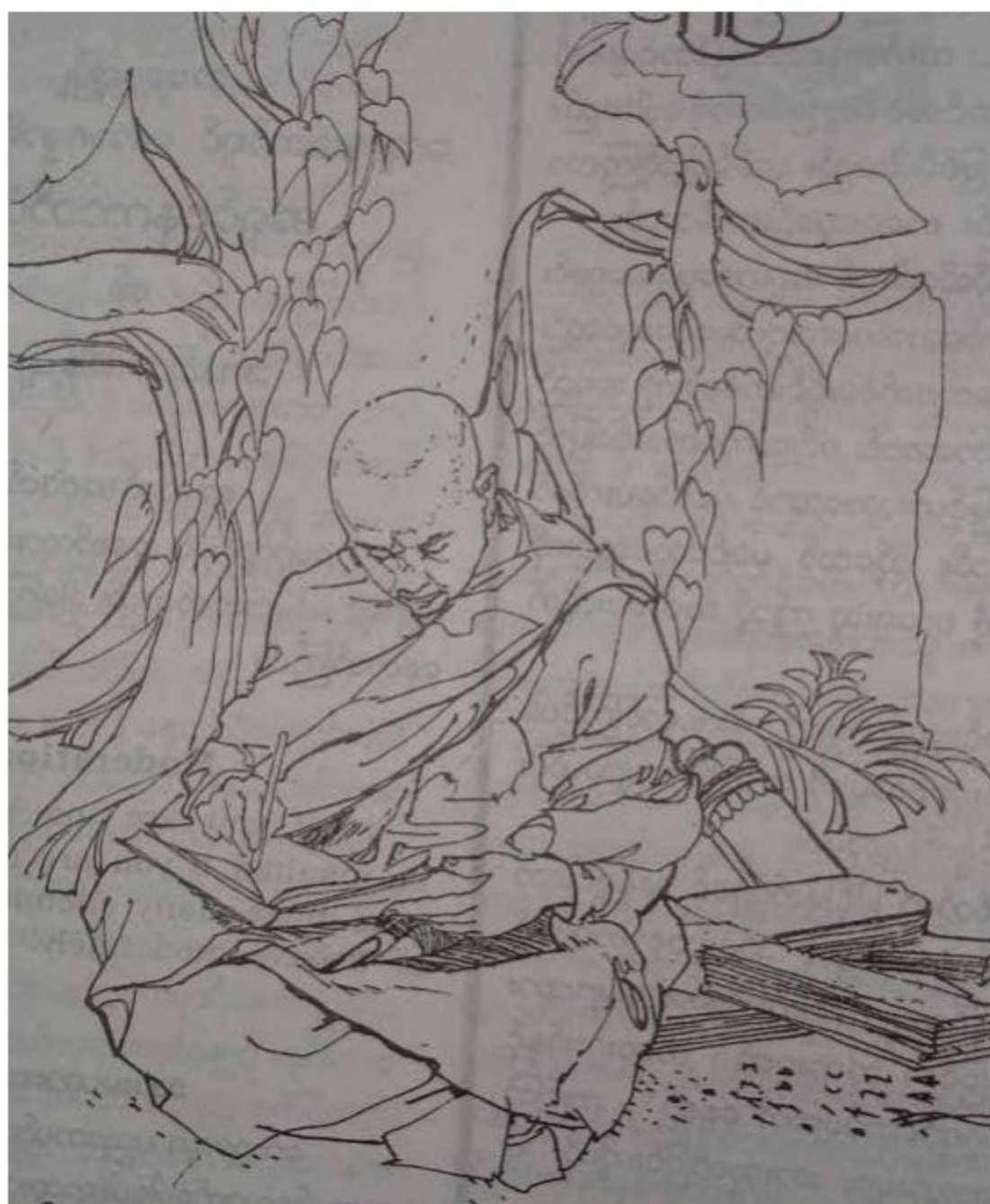
Như chúng ta được biết trong Vi Diệu Pháp Đức Phật có dạy 14 sự: Sự nghe, sự thấy, sự ngửi, sự nếm, sự đụng v.v... tức là không có người nghe, người thấy, người ngửi, người nếm, người đụng v.v... cũng vậy giống câu: pānātipātā veramanī sikkhāpadam samādiyāmi v.v... có nghĩa là tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh, và câu này cũng không có chủ từ, đó là một chủ từ ẩn trong động từ, cho nên chúng ta phải hiểu rằng không có người sát sanh mà chỉ có sự sát sanh hay nghiệp sát sanh mà thôi, hoặc là chỉ có sự giữ giới chứ không có người giữ giới, cho nên chúng ta đừng lầm tưởng rằng cái trong sạch hay cái bợn nhơ là có một ai đó đã làm. Hoặc là nếu có một ai đó thương mình hay ghét mình thì chúng ta cũng phải sadhu lành thay, vì chúng ta phải nghĩ rằng đó là một sự thương hoặc một sự ghét nằm lơ

lửng ở một khía cạnh nhỏ trong không gian rồi một ngày nào đó nó sẽ tan đi mà thôi, cũng giống như khi trời có mưa thì những đám mây đen tích tụ lại rồi lúc hết mưa thì nó sẽ tan đi mà thôi. khi có sự suy nghĩ như vậy thì trong cuộc sống không có gì để ghét bỏ và thù hận cả, một lần nữa trong kinh Pháp cú Đức Phật có dạy:

*Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu.*

Bởi thế, Đức Thế Tôn khi nói về Tứ Niệm Xứ thì chỉ dạy cho chúng ta biết hơi thở vô, hơi thở ra hay khi bước tới biết, khi bước lui biết hoặc là sự chuyển động của tứ đại: đất, nước, lửa, gió mà thôi. Vì thế, Văn phạm Pāli là một môn không thể thiếu trong việc dịch thuật và hành trình tìm hiểu giáo lý của Đức Thế Tôn để lại với sự cảm nhận của chúng ta đến với giáo lý của Ngài. Xin mách nhỏ với quý vị rằng nếu ai muốn trở thành một pháp sư nổi tiếng thì

mời quý vị hãy tham khảo qua văn Phạm Pāli với sự đồng hành của Vi Diệu Pháp, đây là hai môn không thể thiếu được vì thiếu một trong hai môn này cũng giống như khi ăn cơm mà chỉ có một chiếc đũa vậy. Mong rằng nếu những ai còn nhìn Văn phạm Pāli dưới cái nhìn hời hợt thì không nên. Đức Phật đã khéo léo, nhẹ nhàng đưa danh từ vào động từ, Ngài dùng phương pháp ẩn dụ để tránh sự va chạm giữa tục đế và chân đế, Ngài muốn để một câu trơ trọi không có chủ từ cho chúng ta thấy rằng: Nếu ai còn nhìn thế gian này bằng sự "ngã chấp" thì sẽ sống trong phiền não và đau khổ. Bởi thế, giáo lý của Đức Phật phải dùng trí tuệ soi sáng, gạn lọc những hành vi thiện và bất thiện để cho chúng sanh không bị luân hồi trong tam giới. ●



HÀNH HƯƠNG TÍCH LAN



Tỳ khưu Thiện Phúc

Đây là chuyến đi hành hương đầu tiên của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam đến đảo quốc Tích Lan do Đại đức Tuệ Dũng làm Trưởng đoàn, chúng tôi được hữu duyên có mặt trong chuyến đi này. Phái đoàn tổng cộng có 40 người, gồm 10 vị sư, 7 tu nữ và 23 phật tử. Đoàn khởi hành vào ngày 24-11-2010 và trở về ngày 2-11-2010. Trong những ngày lưu trú tại đây, đoàn đã tham quan và chiêm bái bốn thành phố lớn cùng những thánh tích của đảo quốc này. Đó là thành phố cổ Anuradhapura, Polonnaruwa, Kandy và Colombo.

Tại đảo quốc này có nhiều thánh tích Phật giáo ghi lại những dấu chân hoằng Pháp độ sanh của chư tăng, ni. Đặc biệt đó là Ngài Thánh tăng Mahinda và Thánh ni Sanghamittā. Cả hai vị này là hoàng tử và công chúa của đại đế Asoka (A Dục). Sau khi hai vị hoàng tộc này xuất gia và chứng quả Alahan, vì muốn xiển dương ánh sáng chánh Pháp lan rộng sang những vùng lân cận nên hai vị đại Trưởng lão đã cùng với một số chư tăng, ni đến đảo quốc Tích Lan truyền bá Phật giáo. Và nhờ vào sự truyền bá của hai bậc đại Trưởng lão này mà Sri Lanka được xem là thánh địa, là cái nôi của Phật giáo sau khi Phật giáo tại xứ Ấn Độ bị tàn phá. Cũng trong chuyến đi hoằng Pháp này, Ngài Thánh ni Sanghamittā đã mang một cây bồ đề từ cội bồ đề đạo tràng - Ấn Độ sang trồng tại đảo quốc này. Cho đến ngày nay, người dân Tích Lan vẫn xem cội bồ đề này là một báu vật của quốc gia và đoàn hành hương của chúng tôi cũng có duyên lành đến chiêm bái thánh tích này.

Một điều đặc biệt nữa là phái đoàn Việt Nam đã được vị đệ nhị Trưởng lão trong hội Tăng



già Saṅghaneyyaka tiếp chuyện và dẫn vào bên trong tháp thờ Dalada Maligawa đánh lễ và chiêm bái bảo tháp thờ răng nhọn của Đức Phật đây cũng được xem là một báu vật của quốc gia.

Một chiều chủ nhật, tình cờ đoàn ghé thăm một ngôi chùa. Tại đây, có rất nhiều Phật tử mặc y phục trắng. Họ tụng kinh, lễ bái và ngồi thiền. Không khí tu học ở đây rất là hoan hỷ. Tôi được biết rằng, tại các tự viện, vào ngày chủ nhật, chư Tăng có tổ chức các lớp học giáo lý cho các nam, nữ Phật tử để quần chúng được thấm nhuần Phật pháp. Vào cuối các khoá học, chư Tăng có tổ chức các kỳ thi lấy bằng tốt nghiệp. Phật tử nào có bằng này sẽ dễ dàng kiếm được việc làm sau này. Như vậy, việc học giáo lý Phật giáo được coi trọng ngay cả trong đời sống hằng ngày, trong mọi lãnh vực của xã hội. Và không biết có phải do thấm nhuần Phật Pháp hay không mà tại nước này tuy còn nghèo nàn, không phải là một quốc gia phát triển nhưng chính phủ có chính sách tài trợ về y tế và giáo dục cho người dân. Ngoài ra, vào những ngày rằm hàng tháng, người dân toàn nước được nghỉ làm để đến chùa tu học. Đây cũng là những điều đặc biệt của đảo quốc này.



Vào một buổi chiều, đoàn chúng tôi viếng thăm thạch động Aluvihara tại Matale là nơi mà xưa kia 500 vị Alahan ngự để kết tập Tam Tạng lần thứ IV để gìn giữ và truyền thừa giáo Pháp của Đức Phật cho được trọn vẹn và hoàn hảo sau khi Ngài Níp bàn 500 năm. Tại đây cũng là lần đầu tiên Tam tạng kinh điển được gìn giữ bằng cách chép trên lá buông; và sắp tới, vào tháng 5-2011, đất nước Sri Lanka sẽ tổ chức đại lễ kỷ niệm 2600 năm Bồ Tát thành đạo và đại lễ kết tập Tam Tạng lần thứ VII. Đây là sự kiện trọng đại của Phật giáo Sri Lanka nói riêng và Phật giáo Nguyên Thủy thế giới nói chung.

Sau 5 ngày hành hương, tuy thời gian không nhiều nhưng đã để lại nhiều ấn tượng đẹp về lòng hiếu khách và sự thuần thành của Phật tử Tích Lan cho tất cả các thành viên trong đoàn. Rời khỏi Sri Lanka mà trong lòng chúng tôi vẫn còn in đậm những thánh tích, những đại tháp, những thánh địa đã chở che cho các bậc đại nhân hiền sĩ truyền thừa Chánh Pháp, đem lại sự hạnh phúc an lạc cho đời. ●

Đôi dòng tiểu sử cố Trưởng lão Thiền sư PHÁP TÂM

Huyền Vân

Trưởng lão Pháp Tâm thế danh Hồ Văn Liên sinh năm 1915 (Ất Mão) tại Chợ Lớn. Năm 1980 Ngài thọ giới tỳ khưu với Hòa thượng Thiền sư Pháp Tịnh – Viện chủ Tổ đình Bửu Quang – Q. Thủ Đức. Từ khi thọ giới cho đến ngày viên tịch Trưởng lão luôn tinh tấn nỗ lực trong hạnh đầu đà độc cư, ít tham gia trong các công việc Phật sự của Giáo hội nên cũng rất ít người biết đến Trưởng lão ngoại trừ những vị cao tăng và Phật tử thuần thành. Nhắc đến Trưởng lão Pháp Tâm là nhắc về một tấm gương xả ly cầu đạo, xả phú cầu bần của một bậc chân tu khả kính. Tuy tuổi đời khá cao nhưng Ngài luôn sống với hạnh khiêm cung, từ ái và vị tha với tất cả mọi người mà không hề có sự phân biệt cao thấp, sang hèn. Do bệnh duyên cộng với tuổi cao sức yếu nên Trưởng lão đã lui về Tổ đình Giác Quang cư trú từ năm 2002 cho đến ngày viên tịch.

Ngày 25/11/2010 (20/10 canh dần) Trưởng lão đã ra đi để lại bao sự tiếc thương cho người còn ở lại; trụ thế 96 năm, với 31 năm cần chuyên tu tập. Sự ra đi của Trưởng lão là một mất mát to lớn trong hàng ngũ các bậc tôn túc cao Tăng của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo của Hòa thượng Tịnh Giác – Viện chủ Tổ đình Giác Quang, Đại đức Thiện Đạt – Trụ trì Tổ đình, Đại đức Nguyên Ngọc – Phó trụ trì Tổ đình hợp cùng chư Tăng các chùa Xá Lợi Phật Đài, Phật Bảo, Siêu Lý, Từ Quang, Phước Quang, Ngọc Đạt, Trúc Lâm đã cử hành tang lễ Trưởng lão vô cùng long trọng và trang nghiêm dưới sự chứng minh của Hòa thượng Tịnh Giác – Viện chủ Tổ đình Giác Quang, Thượng tọa Thiền Pháp – Viện chủ chùa Thiền Quang 1, Thượng tọa Thiền Nhân – Viện chủ Xá Lợi Phật Đài, Thượng tọa Phúc Hỷ - Viện chủ chùa Trúc Lâm quận 6. Đến kính viếng giác linh Trưởng lão có đông đảo chư Tăng các chùa và thiện tín xa gần. Trong ngày tiễn đưa nhục thân Trưởng lão về đài hỏa táng có hơn 50 chư Tăng và hàng trăm Phật tử cùng hộ niệm và tiễn đưa Trưởng lão. Sau tang lễ, Đại đức Thiện Đạt – Trụ trì Tổ đình Giác Quang đã thay mặt Ban Tổ chức lễ tang cảm tạ chư Tăng, Tu nữ và Phật tử các chùa đã hội nhau về phúng viếng, hộ niệm và tiễn đưa giác linh cố Trưởng lão. Ban Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy xin thành kính chia buồn đến Tổ đình Giác Quang và nguyện cầu giác linh Trưởng lão cao đăng lạc cảnh. ●



Đại Lễ dâng y Kathina Tại CHÙA ĐẠI LỘC - ẤN ĐỘ

PV. PGNT



Sáng ngày 20/11/2010 (15 tháng 10 năm Canh Dần) phái đoàn chư Tăng và Phật tử Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam (gồm 20 chư Tăng, ni và Phật tử) do Đại đức Thiện Minh - Ủy viên HĐTS, Phó ban Từ thiện Xã hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (TTXHTƯ GHPGVN), Thư ký kiêm Quản sự Tổ đình Bửu Quang làm Trưởng đoàn đã đến chùa Đại Lộc – Sivali Vihāra (thành phố Bārānasī, Ấn Độ) cúng dường y Kathina đến chư Tăng an cư kiết hạ tại đây. Trong buổi lễ có sự tham dự của 120 vị tỳ khưu Tăng thuộc sáu nước theo truyền thống Phật giáo Theravāda như: Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Ấn Độ và Việt Nam (tất cả đều là du học Tăng Tiến sĩ tại trường đại học Bārānasī). Đại lễ dâng y Kathina do gia đình sư cô Diệu Linh (Jinaputta), gia đình Lê Thị Kim Dung (Mudita) là Việt kiều tại Canada và gia đình Huỳnh Đình Dương, Nguyễn Thị Ngọc Thanh ông bà Sơn Khanh (Bình Dương) phát tâm cúng dường. Đồng thời trong buổi lễ, gia đình thí chủ đã thành kính cúng dường y cà sa đến 120 vị Tăng tham dự. Để đáp lại tấm lòng tinh tín của gia đình thí chủ, chư Tăng của sáu quốc gia đã tuần tự chúc phúc, tụng kinh bằng sáu ngôn ngữ của sáu nước đến gia đình thí chủ cùng Phật tử tham dự. Thượng tọa Chánh Minh (Trụ trì chùa Bồ Đề, Thành phố Vũng Tàu) đã ban bố thời pháp đặc biệt trong buổi lễ để tán dương công đức của gia đình thí chủ cũng như nêu lên tầm quan trọng và vai trò thiêng liêng của ngôi chùa Đại Lộc thuộc Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam trên quê hương Đức Phật, quê hương của Ngài Đại Lộc Thánh Tăng Sivali khả kính. Đại đức Tuệ Quyền (Ủy viên kiêm Phó Văn phòng BTS THPG tỉnh Đồng Nai, trụ trì chùa Quảng Nghiêm, TP. Biên Hòa) và Đại đức Chánh Niệm làm tuyên ngôn giao y Kathina, Đại đức Tiến sĩ Tường Quang Trụ trì chùa Đại Lộc thọ y, Đại đức Thiện Minh Viện chủ chùa Đại Lộc làm xưng ngôn viên, tín nữ Văng Phi Nga đại diện gia đình thí chủ chính thức dâng lời tác bạch cúng dường y Kathina trong buổi lễ. Dự kiến hàng năm, Đại đức Thiện Minh sẽ tổ chức phái đoàn sang Ấn Độ để chiêm bái các Thánh tích động tâm trên đất Phật, đồng thời cúng dường y Kathina đến Chư Tăng an cư kiết hạ tại chùa Đại Lộc. ●



Lễ Hủy Nhật Cổ Đại Lão Hòa Thượng Pháp Tri

PV. PGNT

 iện Xá Lợi Phật Đài cùng môn đồ pháp quyến long trọng cử hành lễ hủy nhật đệ thập ngũ chu niên tưởng niệm lần thứ 15 ngày cổ đại lão Hòa thượng Pháp Tri, chứng minh Ban Đại diện Phật giáo quận Thủ Đức, Viện chủ Xá Lợi Phật Đài viên tịch

Thượng tọa Thiện Nhân (Viện chủ Xá Lợi Phật Đài) đã xúc động ôn lại hành trạng cuộc đời và sự nghiệp tu tập cũng như những cống hiến vô cùng to lớn của cố Hòa thượng cho sự nghiệp đạo pháp và dân tộc, đặc biệt là công đức khai sơn viện Xá Lợi Phật Đài của Ngài. Về chứng minh và tham dự lễ hủy nhật cổ Đại lão Hòa thượng Pháp Tri có Thượng tọa (TT) Thiện Pháp (Trụ trì chùa Thiền Quang 1), TT. Minh Giác (Ủy viên - Phó Thư ký kiêm Chánh văn phòng Ban trị sự THPG TPHCM, Trụ trì chùa Pháp Quang), TT Pháp Chấn (UV. HĐTS, phó Ban Nghi lễ TƯ GHPGVN, Trụ trì Thiền viện Nguyên Thủy), TT. Bửu Chánh (UV.HĐTS - Phó ban Hoằng pháp TW, Trụ trì Thiền viện Phước Sơn), TT Trí Đức (Trụ trì Tịnh xá Ngọc Đạt), TT. Chí Tâm (Trụ trì chùa Thiền Quang 2) cùng chư Tăng trụ trì các chùa khoảng 50 vị. Buổi lễ diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm và vô cùng xúc động của hơn 300 Tăng Ni, Phật tử tham dự cùng thể hiện tấm lòng thành kính, ngưỡng vọng của thế hệ đi sau đối với bậc tiền nhân hữu công với tiền đồ Phật giáo Việt Nam.

Lễ tưởng niệm Hòa Thượng Vô Hại

 gày 24/11/2010 tại chùa Quảng Nghiêm TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai đã long trọng cử hành lễ tưởng niệm lần thứ 6 của cố đại lão Hòa thượng Vô Hại nguyên Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã viên tịch. Sinh thời Hòa thượng có nhiều đóng góp cho Phật giáo Nguyên thủy, là một vị cao tăng thạc đức của Phật giáo Nam tông. Đến tham dự lễ tưởng niệm có Thượng tọa Thiện Nhân, Thượng tọa Thiện Pháp, Thượng tọa Bửu Chánh v.v... và đông đảo chư tăng, tu nữ, đại diện các chùa của Phật giáo Nam tông và hơn 300 Phật tử khắp nơi về tham dự.

Lễ Tiểu tường cổ Hòa thượng HỘ CHƠN

 gày 25/11/2010 lễ tiểu tường của cố Hòa thượng Hộ Chơn nguyên chứng minh Ban Đại diện Phật giáo quận Tân Phú, Trụ trì chùa Bửu Thắng đã được long trọng tổ chức tại chùa Bửu Thắng quận Tân Phú. Hòa thượng Hộ Chơn lúc sinh thời là một vị cao tăng của Phật giáo Nam tông, Ngài đã tiếp độ cho các tăng, ni xuất gia, cũng như Phật tử quy y theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh đó, Ngài đã xây dựng các ngôi bảo tháp thờ cố Hòa thượng Giới Nghiêm tại chùa Phật Bảo quận Tân Bình TP. Hồ Chí Minh và Thiền viện Phước Sơn TP. Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, đồng thời Ngài cũng đã xuất bản hơn 3 tác phẩm là văn thơ Phật giáo để giới thiệu đến hàng Phật tử tham khảo. Để tỏ lòng tôn kính và tri ân một vị cao tăng thạc đức viên tịch, chư tăng, tu nữ các chùa Phật giáo Nam tông và Phật tử gần xa đã đến thắp hương, tưởng niệm công đức vô bờ bến của Ngài nhân dịp lễ tiểu tường.

Lễ Hủy Nhật Cố Thượng tọa Tịnh Thân

PV. PGNT

Ngày 1/12/2010 (nhằm 26/10 Canh Dần) chùa Siêu Lý quận 6 cùng môn đồ pháp quyến long trọng cử hành lễ hủy nhật đệ cửu chu niên tưởng niệm lần thứ 9 ngày cố thượng tọa Tịnh Thân nguyên trụ trì đời thứ 2 của chùa Siêu Lý viên tịch. Về chứng minh và tham dự buổi lễ có Thượng tọa Tăng Định (Ủy viên Ban Nghi lễ Trung ương GHPGVN, Trụ trì chùa Kỳ Viên), Thượng tọa Thiện Phúc (Tổ đình Bửu Quang), Đại đức Thiện Đạt (trụ trì chùa Giác Quang), Đại đức Tuệ Dũng (du học Tăng tại Myanmar) cùng chư Tăng các chùa đã đến thắp hương tưởng niệm cố Thượng tọa. Cố Thượng tọa Tịnh Thân là một đệ tử tâm đắc của Ngài Tịnh Sự và được Ngài truyền trao sở học rất tinh thông. Cố thượng tọa từng được đức Tăng Trưởng Siêu Việt bổ nhiệm vào Ban Trợ lý Tăng trưởng tại trụ sở Kỳ Viên tự và được đức Tăng trưởng giới thiệu giảng dạy môn Vi Diệu Pháp và thiền định Tứ Niệm Xứ tại Thiền viện Vạn Hạnh cũng như rất nhiều ngôi chùa thuộc Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam và Thành hội Phật giáo TP Hồ Chí Minh. Thượng tọa lâm trọng bệnh suốt nhiều năm và an nhiên thị tịch tại chùa Siêu Lý vào lúc 01 giờ sáng ngày 26/10 âm lịch năm Nhâm Ngọ (tức ngày 30/11/2002) Phật lịch 2545, trụ thế 69 năm.

Hoàng gia Thái Lan dâng y Kathina tại Đà Nẵng

Ngày 14/11/2010 (nhằm ngày 9/10 âl) chùa Tam Bảo Đà Nẵng đã tổ chức đại lễ dâng y Kathina lớn nhất từ sau năm 1975 đến nay. Đại lễ dâng y năm nay do Đức vua và Hoàng gia Thái Lan thành tâm cúng dường đến chư tăng tu học tại bốn tự. Trong buổi lễ, đại diện Đức vua và Hoàng gia Thái Lan có phái đoàn Ban Thư ký Hoàng gia, ông đại sứ Thái Lan tại Hà Nội Pisanu Chanvitan và phu nhân, ông Tổng Lãnh sự Thái Lan tại TP Hồ Chí Minh cùng đông đảo kiều bào Thái Lan tại Việt Nam đến tham dự và cúng dường tăng y đến chư tăng. Cuộc lễ có sự tham dự của đại diện Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các Ban, Ngành, Đoàn thể TP. Đà Nẵng. Về phía Giáo hội có sự tham dự của Hòa thượng Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự - Phó Trưởng ban Phật giáo Quốc tế, Hòa thượng Giác Viên Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Đà Nẵng, Thượng tọa Thiện Nguyên Phó ban Thường trực Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Đà Nẵng, Hòa thượng Viên Minh - Trưởng ban Phật giáo Nam tông - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Thượng tọa Bửu Chánh - Ủy viên Hội đồng Trị sự - Phó ban Hoằng pháp Trung ương cùng chư tôn đức tăng, ni các chùa Phật giáo Nam tông Việt Nam. Buổi lễ dâng y Hoàng gia còn là sự thắt chặt tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam - Thái Lan.



ĐẠI DIỆN GHPGVN DỰ LỄ KHÁNH THÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOÀNG GIA MAHACHULALONGKORN TẠI THÁI LAN

Tin và ảnh: Thiên Thanh

Theo thư mời của Hòa thượng (HT) Giáo sư Tiến sĩ Dhammakosajarn, Hiệu trưởng trường Đại học Hoàng gia Mahachulalongkorn Thái Lan, Trung ương GHPGVN đã chính thức cử HT. Thích Thiện Tâm UVTT- HĐTS.GHPGVN, Phó Trưởng ban Phật giáo Quốc tế thay mặt GHPGVN và TT. Thích Pháp Chất, UV-HĐTS cùng được cử sang Thái Lan dự lễ khánh thành cơ sở II của Trường Đại học Hoàng gia Phật giáo Mahachulalongkorn tại Ayutthaya vào ngày 3-12-2010. Cuộc lễ khánh thành đã diễn ra vô cùng trang nghiêm và trọng thể tại giảng đường chính của trường.

Đến chứng minh Lễ khánh thành về phía Giáo hội Thái Lan có Đức Phó Tăng thống và chư tôn đức giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Thái Lan; có trên 40 vị lãnh đạo Phật giáo đến từ 12 nước trong đó có các vị lãnh đạo Phật giáo các nước như HT. Tép Vong, Tăng thống Phật giáo Cambodia, HT. Udagama lãnh đạo Phật giáo Srilanka, HT. Buakham Saributh, Phó Chủ tịch Liên minh Phật giáo Lào, nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, học giả Phật giáo các nước trên thế giới tham dự v.v... Về Hoàng gia và Chính quyền Thái Lan tham dự có sự hiện diện của Thái tử Thái Lan Mahavajiralongkorn và Công chúa Srirasmi, Phó Thủ tướng Sanan Kachon Prasat và nhiều viên chức cao cấp của Hoàng gia và Chính quyền các cấp Trung ương và địa phương tại Thái Lan cùng trên 15.000 tăng sinh của trường và Phật tử trong và ngoài nước về tham dự. ●



CHÙM ẢNH LỄ HỘI DÂNG Ỗ KATHINA MỘT SỐ CHÙA PGNT KỶ CUỐI

Ảnh: Lê Hà













40



44



41



45



42



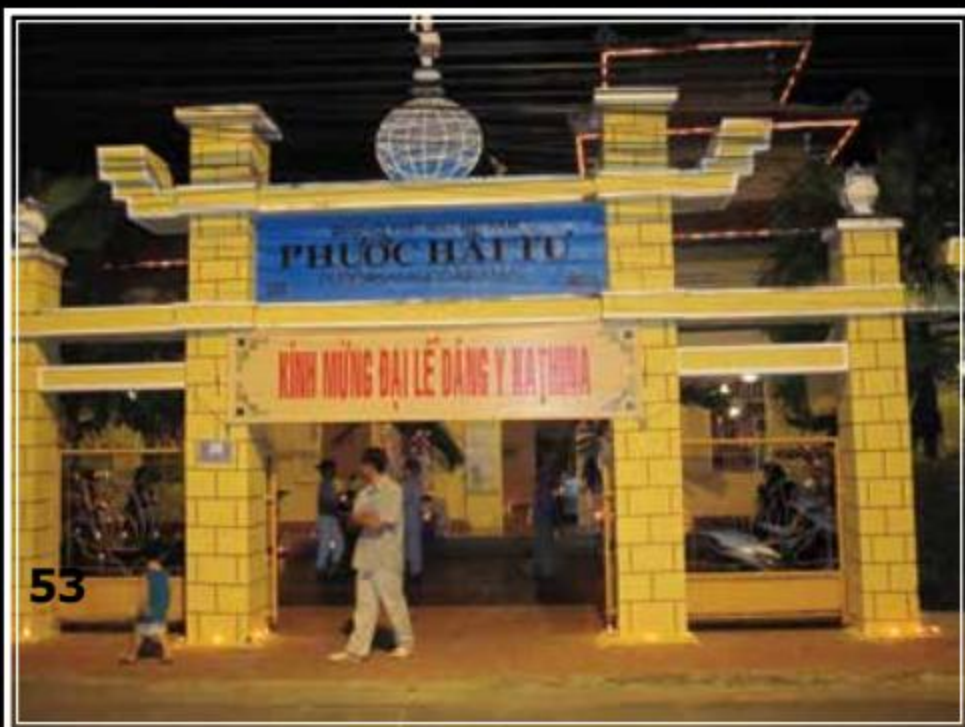
46



43



47



56



57



58



59



CHÚ THÍCH

1. CHÙA QUANG MINH - ĐN
từ hình số 01 đến 04
2. CHÙA PHƯỚC HUỆ (TT Tâm Hỷ)
từ hình 05 đến 07
3. CHÙA TAM PHƯỚC - LONG THÀNH - ĐN
từ hình số 08 đến 11
4. CHÙA BỒ ĐỀ TÂN QUY - Q.7 - TP. HCM
từ hình số 12 đến 15
5. CHÙA TỨ PHƯƠNG TẮNG - TỈNH BÌNH
PHƯỚC từ hình số 16 đến số 19
6. CHÙA CHANDARANGSEY - Q.3
từ hình số 20 đến 23
7. CHÙA TAM BẢO - TP. ĐÀ NẴNG
từ hình số 24 đến 30
8. CHÙA THIỀN QUANG 1 - TỈNH ĐN
từ hình số 31 đến 34
9. THIỀN VIỆN PHƯỚC SƠN - TỈNH ĐỒNG NAI
từ hình số 35 đến số 38
10. CHÙA Y SƠN - TỈNH ĐỒNG NAI
từ hình số 39 đến 41
11. CHÙA BÌNH LONG - PHAN THIẾT - BÌNH
THUẬN từ hình số 42 đến 45
12. CHÙA PHÁP BẢO - TỈNH TIỀN GIANG
từ hình số 46 đến 48
13. CHÙA PHƯỚC HẢI - TỈNH TIỀN GIANG
từ hình số 49 đến 52
14. CHÙA PHƯỚC HẢI - TP. VŨNG TÀU
từ hình số 53 đến 55
15. CHÙA BỬU ĐỨC - TP. BIÊN HÒA
từ hình số 56 đến 59

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 3

01	Chư tăng và phật tử chùa Phổ Minh (Gò Vấp)	900 quyển
02	GĐ ông Fujisawa Kinji (PD Nguyên Đức) Bà Nguyễn Việt Hương (PD Hiền Minh) con Fujisawa (PD Tâm Ngọc)	330 quyển
03	Lương Bích Ngọc	200 quyển
04	Cô Ái Hòa	100 quyển
05	ĐĐ Pháp Tiến và phật tử chùa Tam Bảo ĐN	100 quyển
06	ĐĐ Chánh Nghiệp và chú Lợi (Thích Ca Phật Đài)	100 quyển
07	Nguyễn Thị Thúy Hằng	50 quyển
08	GĐ Lê Quốc Khánh + Nguyễn Thị Hòa	50 quyển
09	GĐ Như Trang + Bảo Ngọc	50 quyển
10	Đình Tiến Dũng + Hồ Thị Kim Ngân	50 quyển
11	GĐ Hoàng Thị Khánh và các con	30 quyển
12	GĐ Bà Nhan Lương (PD Diệu tâm)	30 quyển
13	GĐ Trần Thị Hoan (PD Nguyên Hương)	30 quyển
14	Sư Giác Khoan (Pháp viện Thánh Sơn)	100 quyển
15	Bùi Nữ Thục Vy	60 quyển
16	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển
17	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển
18	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
19	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển
20	Bùi Nữ Phương Nghi	50 quyển
21	TN. Lê Thị Tích	20 quyển
22	Bé Thiện Đăng	10 quyển

23	GĐ. Quang Nghị (Rickie)	353 quyển
24	Văng Phi Nga + Hà Thế Hưng	133 quyển
25	GĐ. Nguyễn Thị Định	133 quyển
26	GĐ Hiền Khánh	133 quyển
27	GĐ. Oanh - Quyên	100 quyển
28	Lưu Thị Hoa Giang Thanh Hiếu Giang Ngọc Hạnh	66 quyển
29	ĐĐ Phước Định	33 quyển
30	Đạo hữu Minh Trí (Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu)	33 quyển
31	TN Quang Hạnh	33 quyển
32	TN Quang Giới	20 quyển
33	Như Đức	13 quyển
34	Đặng Kim Liên	13 quyển
35	Minh Đức	20 quyển
36	Đoàn Thị Vân	10 quyển

Giá: 15.000 đồng

PHIẾU ĐẶT MUA

Họ và tên:

Địa chỉ:

.....

Địa chỉ nhận báo:

.....

Điện thoại:

Email:

ĐĂNG KÝ MUA TẠP CHÍ

- Số tháng

Từ tháng đến tháng năm 2011

- Số cuốn: cuốn/tháng

- Đơn giá: 15.000 đồng/cuốn

- Thành tiền: đồng

Số tài khoản:

(trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản)

Ngày tháng năm 201

Người đặt mua

HƯỚNG DẪN THANH TOÁN

☐ Thanh toán trực tiếp tại Tòa soạn báo

☐ Thanh toán một lần trọn phiếu mua hàng

theo dịch vụ chuyển tiền tại bưu cục gần nhất

☐ Chuyển vào tài khoản:

NGÂN HÀNG ACB CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tên: Lê Hiền Anh Tân

Tài khoản số: 36917679

(Trường hợp quý khách ngoại thành tính thêm
tiền cước phí gửi bưu điện cho từng cuốn)



Người gửi:

.....

.....

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, Phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BAN PHÁT HÀNH: LÊ HIỀN ANH TÂN - 0909027777